

TỪ DUNG

Đi để mà đi

Hành trình tâm linh từ Myanmar
đến Ấn Độ và Nepal

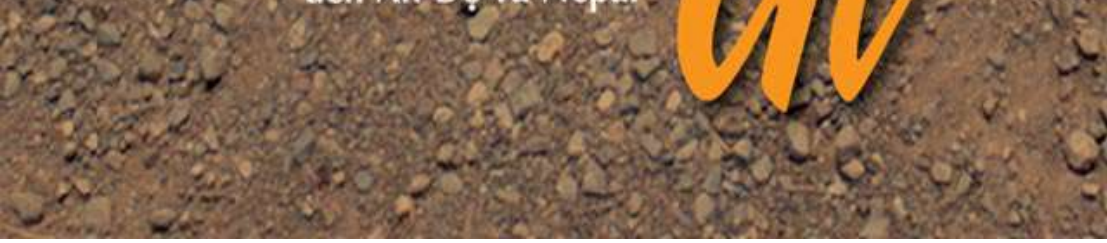
THUVIENSACH.VN
Phong tin 264-644

Nhà xuất bản
Tư nhân sách Việt Nam

TỦ DUNG

Đi để mà đi

Hành trình tâm linh từ Myanmar
đến Ấn Độ và Nepal



MỤC LỤC

[Lời tựa](#)

[Phần 1: Chết](#)

[Phần 2: Đi để mà đi](#)

[Phần 3: Học thiền ở Myanmar](#)

[Phần 4: India](#)

[Phần 5: Nepal](#)

[Phần 6: Vạn Phật Thánh Thành](#)

Lời tựa

Tôi sinh trưởng trong một gia đình gốc đạo Phật, tuy nhiên ngoài việc cùng mẹ đi chùa để đốt nhang và cầu xin bổng lộc thì tôi chẳng biết gì hơn nữa. Có lẽ vì cuộc đời tôi từ lúc sinh ra cho đến khi lớn lên đều khá bình yên và thuận lợi. Thường thì con người ta hay hướng về giá trị nội tâm, tìm về đạo Phật như một chỗ tá túc tinh thần chờ qua cơn giông bão khi gặp biến cố trong cuộc đời. Cho đến một ngày oi bức của mùa hè tháng 5 năm 2010, ba tôi mất. Cái chết của ông đã làm thay đổi hoàn toàn những suy nghĩ của tôi về cuộc đời.

Cuốn sách *Đi để mà đi* này như một nhật ký nhỏ ghi lại quá trình bước đầu tôi tìm hiểu về đạo Phật và những chuyển biến tâm linh sâu sắc trong tôi thông qua hành trình du lịch tâm linh từ việc thực hành thiền Minh Sát ở Myanmar đến việc chiêm ngưỡng các Phật tích ở Ấn Độ, Nepal.

Vì là nhật ký được tôi ghi lại theo cảm xúc diễn biến của từng ngày, xen kẽ với những kinh nghiệm đạo Pháp theo quan điểm cá nhân, nên đôi khi đọc giả sẽ cảm thấy vài chỗ khó hiểu và không thống nhất với nhau. Tôi vô vàn biết ơn những bậc thiện tri thức có nhân duyên đọc được chỉ dạy những điều thiếu sót và góp ý thêm để tôi có cơ hội học hỏi và hoàn thiện bản thân mình trên con đường đạo Pháp.

Nhân đây, tôi cũng xin được sám hối những tội lỗi vì vô tình hay cố ý đã gây đau khổ cho những người là bạn bè bằng hữu, cũng như thân bằng quyến thuộc trong thời gian qua, cầu xin tất cả cùng rộng lượng tha thứ cho tôi.

Tất cả các công đức nếu như tôi có được dù ít ỏi; trước tôi xin nguyện hồi hướng về cho Người Cha đã khuất và Người Mẹ hiện thời của Tôi, hai đấng sinh thành đã hết mực yêu thương và lo lắng cho tôi trong kiếp này; sau là nguyện cho hết thảy chúng sinh thoát ly khổ đau và chóng quay về bờ giác.

Nguyện cho thế giới luôn được thanh bình, an lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

PHẦN 1: CHẾT

Một ngày oi bức của mùa hè tháng 5 năm 2010, ba tôi mất. Cái chết của ông đã làm thay đổi hoàn toàn những suy nghĩ của tôi về cuộc đời.

ĐÁM TANG 1

Tính đến nay là ngày thứ 55, tôi vừa hoàn thành 49 ngày chay cho ba tôi, sắp đến sẽ là 100 ngày, trong khoảng thời gian này đã có rất nhiều sự thay đổi trong tôi. Gia đình tôi đã trải qua thời gian con mất cha, vợ mất chồng, cháu mất ông và riêng ba tôi, vốn đã không lường trước được cái chết đến với mình, chắc ông phải đau đớn và khổ sở lắm. Ba tôi mất vì bị tai biến mạch máu não.

49 ngày qua, tôi đã trải qua nhiều cảm giác như thước phim quay chậm và rõ mồn một. Khi là tiếng bước chân người vợ vã chạy đến náo loạn cả một khu xóm, khi là tiếng xe lăn bánh đưa ba tôi đến bệnh viện, tiếng van xin chấp tay cầu cứu bác sĩ một cách vô định thức của tôi, tiếng bác sĩ chậm rãi thông báo tin xấu và khi là tiếng còi của xe cứu thương chậm chậm đưa ba tôi về nhà!

Và sau đó tôi cũng không biết bằng cách nào, những người hàng xóm tốt bụng vội vã dời bàn ghế, đồ đạc, để trống chỗ cho cái gọi là “đám ma”. Họ lấy những tấm khăn che lấp tất cả kiếng như một tập tục mà mỗi người có một cách giải thích khác nhau, sau đó là những đồ vật của nhà lễ táng mang đến như ly hương, nhang, đèn... Chỉ trong vòng vồn vện hai tiếng đồng hồ, họ nhanh chóng sắp xếp mọi thứ đầu vào đó một cách chuyên nghiệp như một lập trình đã định sẵn: dứt khoát và gọn gàng.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi dự một đám tang, nhưng sao tôi vẫn không nhớ được người ta đã dặn mình phải làm gì. Một điều lạ là tôi không thể khóc, giờ thì tôi hiểu tận cùng của nỗi đau là khi con người ta không thể khóc, chỉ có một xác thân mệt mỏi, rệu rã. Tôi thu mình vào một góc rồi ngồi ôm lấy thân mình trong khi mọi người đang ồn ào sắp xếp đồ đạc. Vừa ban nãy là cái ghế mà ba tôi hay ngồi, cái ti vi ba tôi hay xem, giờ là một căn phòng với những mảnh vải màu mè, đèn cây, nến, tiếng đọc kinh, tiếng gõ mõ. Tôi chợt nhận ra rằng ranh giới của sự sống và cái chết là đây, chỉ là một hơi thở, hít vào không thở ra thì biết mình: Chết!

Những ngày sau đó là những đêm trắng không mong trời sáng, nhiều lần trong ngày tôi đã tự hỏi mình: Chết có phải là tận cùng của đời sống hay không? Chết rồi con người ta đi về đâu, ba tôi rồi sẽ đi về đâu? Ba tôi sẽ đi lên Thiên Đường hay xuống Địa Ngục? Địa Ngục có thật không? Thiên Đường có thật không? Phật có thật không? Sẽ phải có một lời giải thích nào ở đâu đó chứ!

Hình như có rất ít quyển sách, ngôi trường dạy con người ta về cái Chết, cách chuẩn bị cho cái Chết, hay chỉ đơn giản là dạy con người ta cách vượt qua nỗi đau khi có người thân qua đời. Nhưng lại có nhiều quyển sách như “Chuẩn bị hành trang vào đời”, “Chuẩn bị làm mẹ”, “Chuẩn bị cho một đám cưới hoàn hảo”... trưng bày ở khắp mọi nơi. Có lẽ con người ta dè dặt khi nói về cái Chết, rằng nó chẳng có gì hay ho ngoài sự mất mát, rằng cuộc sống nên hướng tới sự vui vẻ, lạc quan và rồi quan niệm Chết là Chết, là Hết. Nhưng có thật sự Chết là Hết không?

Người ta nói về cuộc đời của con người như một nhân duyên, một năng lực, một sự kết hợp của thời gian và không gian. Khi sự kết hợp này tan rã, cái chết diễn ra nhưng nguồn năng lượng hay còn gọi là tâm thức đó không chết mà nó chỉ luân chuyển đi đâu đó. Giống như câu chuyện của con sâu, con nhộng và con bướm. Cuộc đời của con người cũng thế, chúng ta sinh ra với hình thức của một con người trong một giai đoạn nào đó rồi lại ra đi với một hình thức khác trong một thời điểm khác, như những trạm dừng của chuyến xe lửa. Nhưng có cái gì thật sự đằng sau đó dẫn dắt chúng ta đi?

Triết lý của phương Đông cho rằng nghiệp lực của con người dẫn dắt con người từ nơi này đến nơi khác, tái sinh ở cõi này hay cõi khác, từ “Nghiệp” ở đây được hiểu đơn giản là những hành động, lời nói, cách cư xử của chúng ta trong quá trình sống. Riêng trong đạo Phật, Nghiệp là một khái niệm rất quan trọng bởi nó không chỉ đơn giản dừng lại ở hành động thiện, ác mà nó còn là vấn đề Nhân - Quả liên quan đến sự luân hồi của chúng sinh. Một nhân thiện lành sẽ gặt hái được quả thiện lành, một hành động xấu ác sẽ mang đến nhiều đau khổ, những nhân tố này sẽ quyết định con đường của chúng ta đi. Người xưa thường có câu nói rằng: “Gieo nhân nào, gặt quả đó” là vậy.

Giây phút từ giã cuộc đời được cho là giây phút trọng đại khi mà tất cả các nghiệp kết tụ lại thành một dạng năng lượng mạnh mẽ để tạo hình cho cuộc đời mới. Vì vậy chúng ta đã sống như thế nào thì sẽ ra đi như thế ấy. Dù thế nào đi nữa, Chết vẫn là một nỗi sợ hãi.

Người ta vốn thích từ Sống hơn từ Chết, Trẻ hơn Già, ngay chính bản thân tôi cũng vậy!

Một đêm khuya thanh vắng khi không còn khách viếng, tôi tranh thủ cầm lấy quyển sách *Hành trang cho ngày cuối cùng* mà một người thân trong gia đình hiểu biết Phật pháp đã đưa cho tôi. Càng đọc, tôi càng thấy mình như người chết đuối bắt được cái phao vậy. Cuốn sách như một thần dược chữa lành mọi đau đớn trong tôi, lúc ấy tôi sống chỉ với một niềm tin rằng tôi vẫn còn có thể giúp cho ba tôi đi về một nơi nào đó tốt đẹp hơn.

Tôi sẽ không bao giờ quên ơn của người đã đưa cho tôi quyển sách ấy và tác giả của quyển sách. Chính họ là những người thầy của tôi, đã khai tâm cho tôi, và đã dẫn dắt tôi những bước chập chững đầu tiên đến với kho tàng Phật Pháp.

Phải hiểu được Chết là gì thì Sống mới có một ý nghĩa trọn vẹn, nhiều lần trong ngày, trong đầu tôi cứ lặp đi lặp lại câu nói ấy.

ĐÁM TANG 2

Sau cái chết của ba tôi, ngoài thời gian làm việc mưu sinh, thời gian còn lại tôi ẩn mình trong tiếng kinh kệ, và tìm hiểu Phật pháp. Điều gì không hiểu, tôi đến chùa và tìm các thầy giảng giải, nhờ đó tôi có thêm kiến thức mà không bị hồ đồ lẫn lộn như ngày xưa.

Ví dụ như trước kia tôi thường nhầm lẫn rằng “Đức Phật” là một hình tượng thần thoại nào đó do nhân gian tạo dựng nên để khuyên người đời làm điều thiện, tránh điều ác, rằng ông có khả năng biến điều ước thành sự thật và có nhiều phép lạ, thì giờ qua tìm hiểu, tôi biết được Đức Phật là một con người bằng xương bằng thịt có mặt trên cõi đời này cách đây 2.500 năm.

Ngài vốn là thái tử của nước Kapilavastu thuộc xứ Trung Ấn Độ xưa kia. Vua cha là Tịnh Phạn (Sudhodana), mẹ là hoàng hậu Ma Da (Maya). Ngài lúc chưa thành Phật có tên là Shidhartha hay còn gọi là Thái tử Tất-đạt-đa. Năm 19 tuổi, do nhìn thấy cảnh nhân sinh thống khổ, thế gian vô thường, nên Ngài đã kiên quyết từ bỏ chức vị thái tử, đi vào rừng sâu tìm Đạo, quyết tâm tìm ra con đường giải thoát khỏi khổ đau cho mình và cho người. Trải qua năm năm tầm sư học Đạo và sáu năm tự tìm kiếm con đường đạo hạnh, đến năm 30 tuổi, sau 49 ngày đêm thiền định dưới cội Bồ Đề, Ngài đã ngộ ra được những nguyên nhân và nguồn gốc của khổ đau, phương pháp tận diệt khổ đau và cách giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Từ lúc đó Ngài mới được mang danh là Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Danh hiệu Phật ở đây trong ngôn ngữ cổ xưa có nghĩa là “người tỉnh thức” hay “người giác ngộ”, vì vậy thành Phật không mang ý nghĩa là người có phép thần thông biến hóa mà người đời thường hay nghĩ, Phật có nghĩa là “người đã giác ngộ”, người không sống trong mê lầm và vô minh, những ai tìm ra chân lý đều được gọi là Phật.

Suốt thời gian 49 năm còn lại, Ngài đem chân lý và kinh nghiệm đạt giác ngộ của chính mình truyền đạt cho đời. Những kinh nghiệm đó được ghi chép lại qua Kinh, Luật, Luận. Kinh là những lời nói của Đức Phật khi còn tại thế, dạy chúng sinh dứt trừ phiền não và đạt được hạnh phúc. Luật là những giới luật Đức Phật lập ra cho các đệ tử để trau dồi thân tâm và ngăn các điều xấu ác. Luận là những sách do các đệ tử của Phật viết ra để bàn giải những ý nghĩa trong Kinh và những lời Phật dạy, nhằm giúp cho chúng sanh sau này khi nghiên cứu kinh điển thấy dễ hiểu hơn.

Đức Phật nhập diệt năm 80 tuổi. Sau khi nhập diệt, những vị đệ tử của Ngài tiếp tục thay Ngài hoằng pháp ở Ấn Độ, từ Ấn Độ, Phật giáo lan truyền dần vào các vùng lân cận và trải rộng khắp Á Đông cho đến toàn thế giới và hình thành

nên đạo Phật ngày nay. Như vậy Đức Phật sinh ra như một con người, sống như một con người và kết thúc như một con người, Ngài chỉ khác chúng ta ở chỗ là Ngài sống trong trí huệ, chuyển hóa được tham, sân, si, ba độc của khổ đau, và từ đó chứng ngộ được chân lý của mọi sự vật, sự việc ở đời. Cho nên khi nói về chữ “tu” có nghĩa là noi theo những lời dạy của Đức Phật để sống một cuộc sống an vui hạnh phúc, xa lìa những điều khổ đau, điều này có thể áp dụng cho bất kỳ ai chứ không riêng gì những vị đã xuất gia.

Khi biết được Đức Phật là một con người có thật, tôi rất lấy làm sung sướng, ít nhiều tôi biết được hướng đi của mình và giải thích cho những câu hỏi đặt ra về cuộc đời, chết và luân hồi. Càng nghiên cứu về Phật pháp, tôi thấy mình như tấm gương trước kia phủ đầy bụi, giờ lại trong sáng và nhìn rõ chính mình hơn. Sau một thời gian dành dụm được số tiền, tôi quyết chí lên đường tầm sư học Đạo, tìm về nơi cội nguồn đạo Phật để củng cố niềm tin cho chính mình, chuyện đời thế tục tôi không còn thiết tha gì lắm, tôi bỏ ngoài tai những lời dè bĩu của người thân, sự xa lánh của bạn bè và bắt đầu làm bạn với chính bản thân mình.

Một năm sau ngày mất ba tôi, lại đến lượt ông nội tôi qua đời. Ông mang bệnh phổi, gần 20 năm chống chọi với bệnh tật cuối cùng chỉ còn lại da bọc xương, cơ thể nặng chưa đầy 30kg. Tôi thường đến thăm nội trong bộ đồ lam, cũng không biết từ lúc nào tôi thích nói chuyện Phật pháp, về Vô Thường, Vô Ngã, Sống và Chết, như một con vẹt tập tành học nói. Mỗi lần đến thăm nội, tôi luôn nhớ mang theo một vài quyển sách khai thị nói về nghiệp quả của mỗi người, bệnh tật do đâu mà có và muốn chấm dứt khổ đau thì làm thế nào, tại sao phải sám hối, trì chú, tụng kinh, niệm Phật... nhưng tôi nhận ra rằng không phải ai cũng muốn tìm hiểu khi cơ thể ngày một hao mòn và sắp đi vào cõi chết.

Có lẽ nhờ nếm trải được chút ít về đạo đời nên cái chết của ông tôi, tôi cũng thấy nhẹ nhàng hơn nhiều, không giống như lần ba tôi mất. Mặc dầu vậy, hai năm hai cái tang quả là chuyện không một gia đình nào mong muốn, lúc trần trời, nội chỉ dặn dò tôi ráng chăm sóc cho mẹ tôi và cố làm sao đừng để quỷ sứ đến bắt ông đi!

PHẦN 2: ĐI ĐỂ MÀ ĐI

Trước đám ma ông tôi một tuần, người bạn trai của tôi đến tìm tôi nói rằng anh muốn chúng tôi đi đến Myanmar trước khi đi Ấn Độ, vì anh đọc được một quyển sách rất hay của thiền sư Mahasi ở Yangon chỉ dạy về phương pháp hành thiền Minh Sát. Anh nghĩ rằng anh có một nhân duyên gì đó với vị thầy này và hỏi ý kiến tôi.

Chúng tôi bắt đầu hành trình từ Hà Nội đến Myanmar. Những trang về sau là những dòng nhật ký tôi ghi lại trong suốt chặng đường và những cảm nhận trên đường đi.

HÀ NỘI, NGÀY CUỐI ĐÔNG

31/1/2012

Mẹ tôi dậy từ sáng sớm, đi chợ nấu đồ ăn để sẵn, tôi loay hoay soạn đồ đạc rồi nhanh chóng đến nhà nội thắp nén nhang lần cuối, sau đó vội vã ra sân bay. Mẹ im lặng suốt dọc đường đi, đôi mắt đỏ hoe như chực trào. Tôi cố pha trò nói chuyện bâng quơ cũng để cố ngăn dòng nước mắt của chính mình.

9h10' tối tôi đến Hà Nội. Vì quên nói với người đặt vé là có hai suất ăn chay nên tiếp viên họ không chuẩn bị sẵn, thành ra chỉ ăn được chén chè bắp và uống hai ly nước lạnh cảm hơi. Ngẫm nghĩ đâu đó có một vài thứ trong cuộc sống được hình thành một lần rồi biến mất, giống như chiếc ly khắc nhãn hiệu Vietnam Airlines này vậy, suốt cuộc đời nó chỉ dành cho một hành khách rồi bị vứt đi vì nguyên tắc vệ sinh an toàn hàng không. Nghĩ đến công đoạn và thời gian để hoàn thành nó rồi phải mất bao nhiêu lâu nó mới đến được với mình quả là một điều thú vị. Không biết từ lúc nào tôi có thói quen nhìn một vật rồi suy xét đến tận cùng gốc rễ của nó đến như vậy, để rồi chợt nhận ra một điều rằng tất cả đều do nhân duyên mà hội tụ, duyên hợp thì thành, hết duyên thì tan rã.

Trên máy bay, tôi được ngồi kế bên cạnh một chị giọng miền Tây rất xinh, có người yêu ở tận Hà Nội. Chị nhiệt tình hướng dẫn cho tôi các khách sạn giá rẻ và những chỗ cần đi, cũng may là có người giúp chứ trời tối rồi, đường xá không rành, trời thì rét đậm chỉ khoảng 13°C mà vác thân đi tìm nhà trọ chắc chết cóng.

Chúng tôi tìm được phòng trọ cách trung tâm thành phố khoảng 15 phút, giá 300 ngàn/đêm. Chị bảo tôi phòng trọ như thế này làm sao mà ở nổi, tôi thì chỉ muốn tiết kiệm tối đa, vả lại đi du lịch như thế này cũng có cái hay riêng của nó, chấp nhận thương đau ăn bờ ngủ bụi cho ra vẻ phong trần phiêu bạt một chút vậy mà. Nghĩ lại Đức Phật ngày xưa cũng từng là một vị thái tử với đầy đủ vinh

hoa phú quý mà từ bỏ tất cả để vào rừng sâu khổ hạnh tìm Đạo cầu Pháp, Người ra đi chỉ với hai bàn tay trắng, còn chúng ta ngày nay thì ngược lại, đi tìm cho mình những thứ mà Ngài đã vứt bỏ.

10h30' nhận phòng, có nước nóng, không máy điều hòa, tôi mang tạm đôi vớ vào rồi lập tức chui vào chăn (ra Hà Nội thì phải gọi là chăn, chứ gọi mền ai mà biết nhỉ). Trời rét đậm, mới xa nhà có bao xa mà thêm lắm cái ẩm áp của miền Nam!

NHỮNG GIẤC MƠ

1/2/2012

Đêm qua thật sự là một ác mộng, tôi lại mơ thấy toàn ma quỷ xung quanh mình, không gian mờ ảo tựa như địa ngục, chắc nghiệp cũ của tôi còn quá nặng nề chăng?

Tôi nhớ có lần đọc được đâu đó trong Kinh sách Phật giáo giải thích rằng: Các giấc mơ trong khi ngủ đều có liên quan đến nghiệp thức của mỗi người. Có thể nói rằng những hành nghiệp mà chúng ta tích lũy thông qua lời nói, hành động, suy nghĩ vốn không hề mất đi mà lưu trữ trong một kho dự trữ khổng lồ vô thức từ nhiều kiếp trong quá khứ.

Kho dự trữ này trong Phật giáo gọi là tạng thức hay thức thứ tám, tạng thức này có chức năng như bộ nhớ (memory) của máy vi tính, tàng trữ tất cả những nhận thức mà chúng ta có được. Thức thứ bảy thì được xem như bộ xử lý (DOS) của máy vi tính, có chức năng truyền tải ý thức. Ý thức là thức thứ sáu, là những gì chúng ta nhận diện, phân biệt đúng sai, trái phải. Năm thức còn lại dựa trên năm giác quan: mắt (nhãn), tai (nhĩ), mũi (tỉ), lưỡi (thiệt), thân. Ví dụ như khi mắt chúng ta nhìn thấy trái cam, phần thức của mắt liên hệ với ý thức sẽ cho biết rằng đây là trái cam chứ không phải trái xoài, lúc đó thức thứ bảy sẽ truyền tải sự nhận biết này đến thức thứ tám và lưu trữ trong đó hình ảnh của trái cam. Giấc mơ cũng giống như vậy.

Khi cơ thể chúng ta đi vào giấc ngủ, cũng là lúc năm thức mắt, tai, mũi, lưỡi và thân tạm nghỉ ngơi, riêng thức ý thức vẫn còn hoạt động. Ý thức này tự động kết nối với những dữ liệu trong thức thứ tám, thông qua thức trung gian thức bảy, kết quả là ta có những giấc mơ. Những giấc mơ đôi khi rời rạc, biến hóa khôn lường là do sự vận hành liên tục không ngừng nghỉ của kho tạng thức này. Điều này đưa tới giải thích cho những giấc mơ về những điều chưa từng gặp, chưa từng nghĩ tới vì nó bao gồm các dữ liệu của nhiều kiếp sống về trước.

Tôi thường hay ghi lại những giấc mơ của mình để lâu lâu xem lại xem có thể lược lợi được điều gì trong quá khứ không, tuy nhiên lần nào khi thức dậy nếu không nhớ ghi lại thì chỉ một vài tiếng sau đó là tôi lại quên bống đi hết.

Ngày hôm nay mọi thứ đều không suôn sẻ như ý định, mượn chiếc xe Honda chạy lòng vòng một hồi thì bị xẹp bánh xì hơi giữa đường. Việc xui thứ hai là vấn đề xin visa đi Myanmar, bên công ty bán vé đòi hỏi tôi phải có visa thì mới cho đặt vé, còn bên lãnh sự thì yêu cầu có vé hai chiều rồi mới cho visa. Cuối cùng, đành phải chạy về khu Tây ba lô tìm một chỗ chuyên làm visa đi Myanmar nhờ họ làm giùm mà không cần phải book vé trước, kể cũng lạ.

Đành phải chờ thêm một tuần nữa để lấy visa.

HUYỀN THOẠI HẠ LONG

3/2/2012

Hôm nay trời tiếp tục mưa lâm râm, âm u không có chút nắng cộng thêm cái lạnh thấu xương vào da thịt, cũng may là tôi đã trang bị sẵn một vài đôi tất và hai áo choàng mùa đông mua được hôm qua ở chợ Đồng Xuân.

Trong khi chờ xe bus đến đón đi tham quan vịnh Hạ Long, tôi nhâm nhi tách cafe sữa, nhìn ra khung cửa sổ, bất chợt thấy thương quá những người đi bán bông dáo, những ông cụ đập xích lô, những người chạy Honda ôm đang oằn mình trong cái lạnh. Bỗng thấy kiếp người mong manh quá, vương bặt ràng buộc vào thân thể này. Trời lạnh phải mặc áo cho nó, đói phải cho nó ăn, khát nước phải cho nó uống, vậy mà vẫn chưa được yên, lo cho cái thân còn chưa xong, lại thêm ràng buộc bởi vợ chồng, con cái, có như vậy mới được gọi là tròn nhiệm vụ của phận làm người. Tại sao con người lại luôn tự đặt mình vào những vòng tròn luẩn quẩn không có lối thoát như thế?



Vịnh Hạ Long

Đang mải mê chạy rong ruổi theo những suy nghĩ thì có người gõ cửa thông báo xe bus đang đợi phía dưới, leo lên xe, một tiếng sau thì đến bến thuyền Hạ Long, lại tiếp tục leo lên thuyền, bốn tiếng nữa thì tới vịnh. Những gương mặt trên thuyền gồm 12 người như đã hẹn nhau từ lâu, tụ tập về đây trong giây lát rồi vội vã tiếp tục cuộc hành trình của riêng mình. Các thuyền viên thì phục vụ khách như lấy lệ, hiếm khi thấy họ nở nụ cười như lời mời quảng cáo trong tour du lịch, vậy mà lúc cuối vẫn không quên bỏ phong bì trên bàn với dòng chữ: “Tips for careness! Thank you”.

Đêm, ngồi bên trong khoang tàu, nhìn qua khung cửa sổ, thì thắm với núi non, thấp thoáng xa xa, từng cụm sương mờ ôm phủ lấy bờ vịnh, tôi tự mình đặt câu hỏi:

*“Người đã ở nơi đây,
lâu hơn Thời Gian có thể,
cho tôi biết tại sao, tôi có mặt trên đời?
Gặp gỡ người hôm nay?
Tôi, một kẻ cùng quẩn,*

*lang thang khắp sáu nẻo,
lạc mất lối đi về...”*

TÔI BUỒN, TÔI GIẬN, TÔI SÂN...

5/2/2012

Tôi đang ngồi dưới chân núi chùa Hương. Trong khi chờ đợi mọi người trong đoàn xuống núi ra về thì tôi tranh thủ viết vài dòng. Sáng nay, khi thức dậy tôi đã rất hào hứng cho chuyến đi này, hình dung mình được ngồi trên thuyền giữa dòng sông thơ mộng, phong cảnh núi non hùng vĩ, cảm giác lúc đó thật dễ chịu và vui sướng biết bao. Nhưng đến khi bước xuống thuyền, leo lên núi thì hơi ôi đập vào mắt là các hàng quán thịt chó, thịt heo quay, thịt nhím... tràn ngập hai bên lề đường. Tự nhiên tôi cảm giác buồn không thể tả được, cái cảm giác hân hoan “Em đi chùa Hương” hoàn toàn biến mất.

Lên đến gần chánh điện thì còn kinh khủng hơn nữa, vẫn là cảnh nhốn nháo tấp nập của các hàng kinh doanh quán ăn rồi đủ các loại vàng ròng, giấy mã bày bán khắp nơi. Đến lúc này thì tôi chỉ muốn quay về bởi trong đầu vốn cứ hình dung ra khung cảnh sông núi, bốn bề trang nghiêm, thanh tịnh nào ngờ... Hầu hết khách du lịch trong đoàn của tôi đều lắc đầu buồn bã và có lẽ hình ảnh đất nước, con người Việt Nam hiền hòa thân thiện ít nhiều bị phai nhạt trong tâm trí của họ.

Đến giờ ăn trưa mọi người trong đoàn theo đúng lịch trình ghé vào một nhà hàng đã được bên công ty du lịch đặt sẵn. Tôi dáo dác nhìn quanh mà tìm mãi không ra được một quán ăn chay nào, mua vội một vài củ khoai mì ăn tạm mà nuốt cũng không trôi bởi mùi tanh của thịt cá nhang nhảng khắp nơi.

Những ngày lễ hội kéo dài cả tháng thế này, súc vật và gia cầm bị giết rất nhiều, thậm chí lễ hội cầu bình an cho gia đình, mạnh khỏe cho người thân mà đổi lại giết hàng trăm mạng chúng sanh như vậy, chúng ta có nên chăng?

Những ai không phải hay chưa phải Phật tử thì không nói, còn nếu chúng ta nói mình theo đạo Phật thì nên ghi nhớ rằng Đức Phật có năm giới luật dành cho hàng Phật tử tại gia. Năm giới luật này được nêu ra khi chúng ta Quy Y Tam Bảo⁽¹⁾, trong đó có giới không được sát sanh. Năm giới bao gồm: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không được uống rượu. Ở đây tôi chỉ bàn đến giới sát sanh.

Sở dĩ Đức Phật cấm sát sanh vì nhiều lý do:⁽²⁾

“Thứ nhất là tôn trọng sự bình đẳng: Chúng ta hay quen thói cống cao ngẩng mạn cho rằng con người là loài có trí huệ thông minh bậc nhất, nên các loài động vật khác được sanh ra là để phục vụ cho con người, tuy nhiên mình đã biết quý trọng thân mình thì tại sao lại chà đạp lên sanh mạng của kẻ khác?

Giết hại sanh mạng kia để bồi dưỡng cho sanh mạng này là một điều ác, vì khi một con vật bị đập đầu hay thọc huyết đều thể hiện sự phản kháng và đau thương tột độ bằng những tiếng kêu gào cầu cứu xin tha mạng. Tất cả mọi loài động vật theo bản năng sinh tồn đều biết sợ hãi, tham sống và sợ chết như con người, nên chúng ta chẳng có quyền gì để tước đoạt đi mạng sống của chúng cả. Hãy để chúng sống và chết đi trong quy luật của tạo hóa và sinh diệt, như chính chúng ta vậy.

Thứ hai là tôn trọng Phật tánh bình đẳng: Phật tánh ở đây tức là tánh giác ngộ ở mỗi người, mỗi loài, qua sự thực chứng và thấu biết của Đức Phật, Ngài nhìn thấy tất cả chúng sanh tuy thân hình khác nhau nhưng đều có tính Phật tánh, sát hại một sanh vật tức là sát hại Phật tính của cá nhân đó, sát hại con đường tiến hóa tâm linh của họ.

Thứ ba là nuôi dưỡng lòng từ bi: Khi chúng ta đem tâm sát hại một sanh mạng có nghĩa là lòng ác đã tột đỉnh, tâm từ bi sẽ bị bóp chết, để tiến đến con đường giải thoát mọi khổ đau và sống an vui thì từ bi phải có mặt, giết chết lòng từ bi là giết chết hạt giống thiện lành trong chính tâm hồn chúng ta. Lòng từ bi cần có mặt khắp mọi nơi mà không nhất thiết chỉ có ở tôn giáo.

Thứ tư là tránh được luật nhân quả báo ứng: Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật nói rằng: ‘Người thường tâm sát hại, càng tăng trưởng nghiệp khổ, mãi xoay vần trong vòng sanh tử, không có ngày ra khỏi’. Khi con vật sắp bị giết, chúng vùng vẫy, kêu la thảm thiết, lúc đó trong cơ thể chúng phóng ra một loại độc khí của thù hận, oán hờn, sợ hãi thấm vào từng thớ thịt tế bào của chúng. Khi chúng ta ăn thịt con vật đó, độc tố ấy sẽ theo vào cơ thể, mỗi ngày tích tụ càng nhiều, khối oan gia ấy ngày càng lớn, chính vì thế gây cho chúng ta đủ thứ loại bệnh kỳ lạ hoặc tính tình nóng nảy, tinh thần luôn sống trong bất an và sợ hãi. Nếu không giết hại thì thân tâm ta sẽ được thư thái, nhẹ nhàng, giấc ngủ được an lành và nét mặt hiền hòa, trong sáng.”

Tôi, nói đúng ra chắc cũng đã từng lặn lội trong sáu nẻo, hết không biết bao nhiêu kiếp rồi. Có lẽ trong một kiếp nào đó tôi đã từng là súc vật, là quỷ tham lam, ăn mạng chúng sanh nhiều hơn rau cỏ, may thay chắc còn chút nghiệp lành sót lại nên bây giờ chuyển hướng sang ăn chay. Dù thời gian đầu không dễ dàng gì, nhưng đến lúc thuần thành rồi tự nhiên lại cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, tâm hồn thanh thản, lúc còn ăn mặn thì không nhận ra được mùi tanh hôi của thịt cá nhưng khi ăn chay rồi, chỉ cần nhìn thấy hay đi ngang qua là muốn buồn nôn, phát ói. Nói đến đây làm tôi nhớ đến một bộ phim mang tựa đề *Temple Grandin* dựa trên một câu chuyện có thật về một phụ nữ trẻ bị mắc bệnh tự kỷ nhưng lại rất thông minh, nói đúng hơn cô là một vị cứu tinh cho động vật. Với kiến thức khoa học của mình, cô đã thành công trong việc thiết kế các hệ thống lò giết mổ ở Mỹ dựa trên tinh thần nhân đạo: “Làm giảm thiểu đau đớn cho động vật để chúng đi vào cái chết một cách nhẹ nhàng hơn.” Và

tôi luôn nhớ câu nói rất hay của cô trong phim “*chúng ta ăn thịt chúng để giúp cho chúng ta tồn tại thì ít nhất chúng ta phải tôn trọng chúng*”.

Mặc dù sự thật phũ phàng rằng động vật tiếp tục bị con người lạm dụng để cung cấp thức ăn nhưng khi không thể bắt toàn thể nhân loại ăn chay thì giải pháp trên của cô đã là vô cùng cao quý. Trên một bữa ăn thịnh soạn trang trí đẹp đẽ mà hằng ngày chúng ta thọ dụng, đằng sau là sự đau đớn, oán thù của chúng sanh, hãy thử đặt mình vào vị trí của chúng sanh đó và nhắm mắt lại, suy nghĩ trong một vài phút trước khi ăn rồi hãy tự hỏi rằng chúng ta có nên dừng lại chăng hay là cứ tiếp tục tự bào chữa cho chính mình?

TỰ TÌNH SA PA...

6/2/2012

Rời chùa Hương, tôi về đến Hà Nội khoảng 8h30' tối. Theo đúng lịch trình, 9h tối phải có mặt tại ga Hà Nội để đi tiếp lên Sa Pa. Không có nhiều thời gian, tôi chỉ vội tắm sơ qua ở hostel, đi ăn, rồi ba chân bốn cẳng chạy. Tầm 6h sáng thì đến ga Lào Cai. Được có mấy ngày trong khi chờ visa đi Myanmar nên tôi cảm thấy mình đang tranh thủ đến tội nghiệp, ôi tất cả cũng vì lòng tham mà ra.

Ngồi trên xe lửa là một cực hình không tưởng, người lên kẻ xuống, huyền náo, ồn ào, hàng hàng lớp lớp người chen chúc nhau như con gà, con vịt trong lồng, có người phải đứng vì không còn chỗ, thế mà họ vẫn nhẫn nhục cho qua những tám tiếng đồng hồ. Riêng cái toilet thì đúng là cơn ác mộng thật sự, muốn đi vệ sinh thì đành phải cố gắng nín thở, nhắm mắt lại cho qua.



Đường vào bản Cát Cát

Đường từ Lào Cai đến Sa Pa quanh co lên xuống, hai bên là vực thẳm sâu hun hút, tôi cứ vừa ngồi vừa niệm Phật hy vọng về đến nơi được an toàn. Đến nơi thì cũng may là được người bên khách sạn ra đón. Tôi cất đồ đạc rồi đi bộ ra bản Cát Cát⁽³⁾ gần đấy để tìm hiểu về lối sống hàng ngày và phong tục của người Mông ở nơi đây. Tôi thích nhất là các em bé trong các bộ đồ thổ cẩm, hai má ửng hồng vì cái lạnh và nắng nơi đây.

Đi bộ dọc theo sườn đồi thật là thú vị, quang cảnh hai bên cứ như trong tranh vẽ, ở đây yên bình và nên thơ quá. Tôi hay ví von rằng Hạ Long như chàng trai tuần tú lực lưỡng vươn mình trong giá lạnh của mùa đông còn Sa Pa thì lại như cô gái thẹn thùng ẩn mình trong sương mù cô liêu. Lần này tôi đi hầu như nơi nào cũng nghịch mùa, Sa Pa đẹp nhất là mùa lúa chín vào tháng 9, 10; Hạ Long thì nên đi vào mùa hè, chùa Hương thì nên tránh dịp lễ hội và Hà Nội thì tránh mùa đông. Nhưng cũng thừa nhận rằng mùa đông cũng có cái hay riêng của nó.

Càng đi sâu vào trong bản, tôi càng thấy được vẻ đẹp yên bình và giản dị của nó, những đồi núi ở đây có vẻ hiền lành, dịu dàng lạ, những con suối nhỏ róc rách hai bên sườn đồi, những chú dê núi thơ thẩn gặm cỏ, thấp thoáng xa

xa làn khói trắng mỏng manh bay là là từ một vài mái nhà đất. Điều kiện sinh sống của người dân ở đây đơn sơ và vất vả hơn nhiều so với người Kinh. Nhiều khi, họ cứ nài nỉ bám theo khách du lịch cả một quãng đường dài chỉ để bán một hai túi thổ cẩm làm bằng tay, lắm lúc làm khách du lịch nổi cáu mà liên tục nói “No” với bất cứ lời nào họ nói. Khi họ mời tôi mua, tôi nói tôi không có tiền, nhưng họ tiếp tục nói mua cho em gái của tôi, tôi nói không có em gái, họ tiếp tục nói, mua cho mẹ vậy, tôi cũng nói tôi có mua quà cho mẹ rồi, họ lại tiếp tục nói mua cho bạn trai, bạn gái...

Bỗng dưng tôi thấy thương người dân mình làm sao, thương những đôi chân rám nắng, đôi má ửng hồng ngày ngày cuốc bộ bán cả lòng tự trọng của mình để kiếm một vài đồng bạc lẻ của khách. Ở đây cái túi họ tự tay mình đan, rồi đem rao bán đôi khi chỉ được từ 50 - 100 ngàn, ban đầu rao giá 150 - 200 ngàn, từ từ khách trả giá xuống còn thành 50 ngàn cũng phải bán cho xong để kiếm tiền đi chợ. Khi lang thang trong bản, tôi bắt gặp những ánh mắt trẻ thơ thoáng đượm buồn. Có đứa phải đợi một đứa em theo sau, tay chân lấm lem bùn đất đi hết bản này tới thôn khác mời chào khách du lịch. Những em bé này làm sao có được nhiều lựa chọn như trẻ em thành phố, được cha mẹ bao bọc, đáp ứng đầy đủ, quần áo mới, đồ chơi xịn, lâu lâu được đi ăn KFC, xem phim, cuối tuần được đi câu cá, đi bơi, đi công viên nước... vậy mà chúng vẫn cứ muốn thêm và thêm nữa. Cũng có thể những em bé nơi đây có niềm hạnh phúc riêng trong cái đơn giản của chúng bên thiên nhiên, bản làng và núi đồi. Thôi thì chỉ biết giải thích theo nghiệp báo của mỗi người, có tu tập, có phước báu nhiều thì được sinh sống nơi hiện đại, văn minh tiện nghi, phước báu kém thì ở vùng xa xôi, hẻo lánh, khô cằn.

Trở về khách sạn chờ xe bus ra ga Lào Cai trở về Hà Nội, sương mù dày đặc hai bên làm tôi không yên lòng, cái cảm thọ khi biết mình giao sự sống cho tài xế, hai bên là vực, chỉ cần lạng lách tay lái một chút là rơi xuống vực thẳm, cái chết và sự sống mong manh là đây, lúc này mới thấy mình thật sự sợ. Quả nhiên tu tập để vượt qua được cảm giác sợ chết là một điều không dễ dàng gì, mặc dù nói thì rất dễ, nhưng khi chạm trán với cái chết, thấy mình còn chấp và thương cái thân xác này quá đổi. Dầu biết cuộc đời là khổ, nghèo cũng khổ, giàu cũng khổ, thương nhiều cũng khổ, ghét nhiều cũng khổ, vậy mà chỉ cần nói giờ có Phật A Di Đà rước đi liền về Tây Phương cực lạc, nơi mà ngọc ngà châu báu rải đầy, ao sen thất bảo, muốn ăn uống gì cứ tự tiện thị hiện bày ra, trăm vạn lần sung sướng hơn so với cõi tạm hồng trần, thế mà vẫn còn chân chừ, phân vân chưa muốn đi ngay. Tôi thấy mình còn xa lắm mới hiểu được cái cảm giác ung dung tự tại “chẳng đến chẳng đi, chẳng việc gì” của bậc Bồ Tát Quảng Khâm hay Hòa thượng Tuyên Hóa, cứ ngang nhiên tự tại mà đi...

PHẦN 3: HỌC THIỀN Ở MYANMAR

Mười ngày ngắn ngủi thực hành thiền Minh Sát ở thiền viện Mahasi là khoảng thời gian tôi nhận ra sự thay đổi lớn về nhận thức của mình với mọi việc. Chương này tôi sẽ kể các bạn nghe các kinh nghiệm hành thiền của tôi và giá trị lợi ích của thiền tập, thật ra thiền không đáng sợ như các bạn nghĩ đâu

CHIẾC ÁO KHÔNG LÀM NÊN THẦY TU

10/2/2012

Chiều hôm sau chúng tôi có hẹn tới lãnh sự quán nhận visa, thế là yên tâm đi mua vé. Giá vé khá đắt nên người bán vé khuyên chúng tôi nên bay đường vòng, bay từ Hà Nội sang Bangkok rồi từ Bangkok sang Yangon. Dẫn đo mỗi tôi viết vào hai tờ trắng, một tờ là Bangkok, một tờ là Yangon, miêng khấn danh hiệu đức Phật A Di Đà, Ngài Quan Thế Âm Bồ Tát chỉ đường dẫn lối, kết quả bốc thăm là Yangon.

Một tiếng đồng hồ sau lấy vé, 3h chiều có mặt tại sân bay Nội Bài. Hình như trên loa phát thanh đang liên tục gọi tên tôi là hành khách cuối cùng, may thay các anh ở cửa an ninh ưu tiên cho tôi kiểm tra trước. Nhưng khi bước lên máy bay thì tiếp viên hàng không thông báo là máy bay bị trục trặc kỹ thuật, yêu cầu hành khách phải quay trở lại phòng chờ, đợi 45 phút để đổi sang máy bay khác.

8h30' tối, máy bay đáp xuống sân bay Yangon, đường phố im ắng, mọi nơi hầu hết đã đóng cửa, bước ra ngoài cửa thì thấy một nhóm đàn ông quần xà rồng⁽¹⁾ đến vồn vã hỏi chúng tôi đi đâu. Tôi bảo họ là tôi cần đến khu phố Tây ba lô để tìm hostel tầm 10-15 đôla thôi. Họ trao đổi bằng tiếng địa phương với nhau rồi rút điện thoại ra gọi một ai đó, tôi đoán là các chủ nhà trọ, một lúc sau họ bảo tôi là chỉ còn phòng giá 20 đôla. Có thể là họ nâng giá để ăn hoa hồng nhưng đành phải chấp nhận vì trời tối rồi. Tôi thấy mình quả là gan dạ khi đi không có kế hoạch cụ thể, khách sạn thì không book trước, tình hình đến đâu thì xử lý đến đó.

Leo lên xe, gặp bác taxi cũng lớn tuổi, trên đường đi bác hỏi tôi qua đây đi du lịch hay đi đâu? Tôi nói tôi có đăng ký khóa thiền ở trung tâm thiền viện Mahasi, bác nói bác cũng biết thiền viện này vì bác cũng đã từng là tu sĩ xuất gia gần tám năm. Theo truyền thống của người Myanmar, ít nhất một lần trong đời họ phải vào các chùa hoặc thiền viện để xuất gia gieo duyên một thời gian rồi sau đó sẽ chọn lựa con đường tu hành hoặc ra trở lại ngoài đời, cuối cùng vì lý do nào đó bác chọn trở lại đời nhưng bác cũng quả quyết với tôi rằng sẽ cố gắng quay trở lại xuất gia sớm! Chuyện này nghe qua quả thực khá lạ lẫm.

Theo truyền thống Phật giáo Myanmar (Miến Điện), các vị sư tu hành lâu năm hoàn tục rồi về nhà cưới vợ sinh con là chuyện bình thường và vẫn được các Phật tử kính nể vì họ quan niệm rằng dù vị sư đó đã hoàn tục nhưng kiến thức và phẩm chất đạo đức của ông vẫn không mất. Nhưng thông thường ở một số nước khác, một khi đã xuất gia rồi mà còn trở lại vòng thế tục thì thế nào cũng bị người đời mỉa mai chê cười, họ cho rằng đó là một sự thất bại, tu hành không đến nơi đến chốn, không có nghị lực, dễ bị sa ngã,...

Theo quan niệm của riêng tôi, đã là con người sinh ra trong vòng luân hồi này, ít nhiều sẽ có sai sót ngoại trừ Đức Phật và các bậc thầy giác ngộ, còn phần lớn hạng phàm phu chúng ta đều còn nhiều bài học cần phải học và dĩ nhiên sai lầm là điều không tránh khỏi. Nên việc xuất gia hay thành cư sĩ tại gia cũng nhằm một mục đích học tập, rèn sửa tâm của mình, noi theo chân lý của Phật để nâng cao giá trị tâm linh và hướng tới mục đích cao đẹp là cứu cánh giải thoát. Có mấy ai có đủ can đảm xả ly tất cả mọi ràng buộc của trần thế để khoát trên mình chiếc áo tu sĩ? Chưa biết sẽ gặt hái được những gì, dù cho nửa đường đứt gánh nhưng ít nhiều các vị ấy cũng đã được gieo trồng những chủng tử Phật pháp và cho dù họ có bước ra ngoài đời, họ cũng sẽ có nhiều lợi lạc hơn hạng phàm phu chúng ta.

Thấy tôi ham học hỏi đề tài Phật pháp, bác taxi nhiệt tình đưa tôi về tận nhà trọ với giá rẻ hời và không quên căn dặn người chủ nên tận tình, chu đáo với tôi, không những vậy bác còn tỉ mỉ ngồi ghi chép lại cho tôi những địa điểm nên tham quan ở Yangon. Tôi cảm ơn bác rồi bước vào căn phòng mà anh chủ nhà đã sắp xếp cho tôi. Căn phòng nhỏ cũ kỹ nhưng tươi mát bởi những bức tượng và tranh vẽ Đức Phật đang trong tư thế tọa thiền trang nghiêm. Mùi nhang thơm thoang thoảng được anh chủ nhà thắp hàng đêm làm tôi cảm thấy dễ chịu và ấm áp. Cứ thế tôi đi vào giấc ngủ một cách bình yên.

Việc làm đầu tiên của sáng hôm sau là xin anh chủ nhà tắm bồn đồ, lò mò cuốc bộ ra khu trung tâm để đổi tiền bản địa, sẵn tiện quan sát cách sinh hoạt của người dân địa phương luôn. Nhìn những người đàn ông mặc váy đi lại trên đường, cách gọi nôm na kiểu Việt Nam là quần xà rồng, tôi thấy cực kì thích thú. Phụ nữ cũng quần xà rồng như vậy, nhưng cũng có người mặc theo kiểu thời trang đương thời. Người Ấn Độ cũng sinh sống ở đây với kiểu tóc bím, quần sari⁽²⁾ theo truyền thống. Những loại xe lưu thông trên đường phố thường rất cũ, có cảm giác như đây là nơi tái chế, sử dụng các loại xe phế thải mà nước ngoài chuyển về, những người lái xe hạng sang thường là những người giàu có nhưng rất hiếm gặp. Có lẽ Myanmar không thể sánh bằng Việt Nam trong việc chơi xe hạng sang dù thuế ô tô ở Việt Nam cao gấp đôi so với nơi đây. Nhan nhản trên lề đường là các hàng điện thoại công cộng, nói là hàng điện thoại nhưng thật ra chỉ là một cái bàn nhỏ với hai cái điện thoại dây nhợ chằng chịt, rất nhiều hàng như vậy ở khắp phố bởi việc có đường dây home phone hay cell phone là một việc xa xỉ chỉ dành cho giới quý tộc. Tôi không thể

tin nổi vào tai mình khi nghe người dân địa phương nói rằng muốn gấn một đường dây điện thoại, bạn phải trả ít nhất 2.000-4.000 đôla cho phí lắp đặt, đó là giá hiện thời, cách đây vài năm là 6.000 đô la. Có thể nói chính phủ Myanmar khá nghiêm ngặt và khắt khe trong việc cho phép người dân kết nối với thế giới bên ngoài, Internet cũng vậy, gấn điện thoại đã đắt như vậy thì Internet lại càng không hề rẻ. Với chi phí đắt đỏ như thế nên không ai dại gì gấn điện thoại và vì vậy các dịch vụ kinh doanh điện thoại ra đời như kiểu Việt Nam 20 năm về trước.

Đường sá ở đây gọn gàng và sạch sẽ hơn so với Việt Nam trong khi thời tiết thì tương đối giống nhau, khoảng 35°C, vừa từ Hà Nội chỉ 17°C giờ thành 35°C nên tất cả các áo choàng, áo khoác tôi mang theo thành ra vô tác dụng. Thêm chút sổ mũi và cảm mà tôi đoán là do thời tiết thay đổi đột ngột, phần vì di chuyển liên tục, ăn uống cũng thất thường.

Đi vòng mãi mới tìm được chỗ đổi tiền, nghe mọi người nói không nên đổi ngoài đường vì thế nào cũng bị thiếu, ví dụ đổi 100 đôla = 810 Kyat⁽³⁾, bạn nhìn thấy họ đếm rõ ràng hay thậm chí bạn tự mình đếm là đúng, nhưng sau khi họ đi xong, đếm lại thế nào cũng bị thiếu, đó là kinh nghiệm mà anh chủ nhà nói cho tôi, bằng cách nào thì không biết, đã là nghề của họ rồi.

Lại thêm một chuyện rất vui về việc chấp nhận đô của ngân hàng ở đây. Họ nhìn tờ 100 đô và sẫm soi rất kỹ lưỡng, nếu tờ nào có hàng gấp chính giữa nhăn nhúm hay bị vết mực rất rất nhỏ rây lên đó, việc bỏ vào ví rồi cho vào túi quần lại càng thảm hại hơn, họ sẽ thẳng thừng từ chối và tờ đô đó trở thành tờ giấy vô giá trị. Cho nên kinh nghiệm khi sang đây việc đầu tiên là chuẩn bị cho mình những tờ đôla mới cứng, phẳng lì như mới ra lò, họ sẽ rất thích bạn.

SHWEDAGON CỒI TỊNH ĐỘ Ở YANGON

12/2/2012

Sáng nay, chúng tôi gọi taxi đến thiền viện để tham quan trước và đăng ký cho ngày hôm sau, sau đó trở về khu trung tâm viếng thăm chùa Shwedagon. Cho đến thời điểm đó tôi không hề biết đây là một trong những ngôi chùa linh thiêng nhất Myanmar mà người ta hay thường gọi là chùa Vàng. Chỉ có khi đến nơi, tận mắt mình chứng kiến, tôi mới thấy hết sự hùng vĩ, tráng lệ của nó. Theo truyền thuyết kể lại thì chùa Shwedagon có từ 2.600 năm trước, thời Đức Phật còn tại thế, nhưng những nhà khảo cổ ngày nay cho rằng nó có mặt vào khoảng thế kỷ thứ XI.



Chùa Shwedagon hay còn gọi là chùa Vàng

Từ chân cho đến ngọn tháp đều được dát bằng vàng, người ta ước tính tổng số vàng được dát ở đây lên đến 60 tấn, quả thật là đúng với tên gọi của nó: một ngôi chùa Vàng. Người dân thời đó thường dành dụm những gói vàng lá nhỏ để dát vào các tháp đền như một cách để bày tỏ lòng mộ đạo và chứng minh hạnh xả bỏ, lấy cái mình yêu thích nhất như vàng để bố thí, cúng dường cho đạo Pháp.

Nhưng người dân ở đây truyền miệng nhau rằng: Shwedagon không phải linh thiêng bởi việc dát nhiều vàng mà bởi nó hiện đang được lưu giữ bốn báu vật linh thiêng của các vị Phật, bao gồm cây gậy của Đức Phật Câu Lưu Tôn, cái lọc nước của Đức Phật Câu Na Hàm, một mảnh áo của Đức Phật Ca Diếp và tám sợi tóc của Đức Phật mà Ngài đã ban tặng cho hai thương gia đến đánh lễ, xin làm đệ tử khi Ngài còn tại thế.

Ngồi bên thềm giữa một khuôn viên rộng lớn, tôi có cảm tưởng như mình đang lạc vào cõi Tây Phương Cực Lạc vậy. Tôi vẫn không tin được rằng những xá lợi Phật đang được gìn giữ nơi đây. Xá lợi Phật là bằng chứng hiện thực nhất cho những ai hoài nghi và phủ nhận sự tồn tại của một chân lý giác ngộ đến từ một con người.

Người dân xung quanh thường đến đây cầu nguyện vào buổi xế chiều sau những bận bịu công việc để ngắm nhìn vẻ đẹp lung linh phát ra từ ánh sáng vàng của ngôi chùa. Tôi đi bộ vòng quanh tòa tháp theo chiều kim đồng hồ, nhìn những hành giả lặng lẽ ngồi thiền định, những người cầu nguyện, một nhóm đông người đang trang hoàng sân khấu vì sắp tới mấy ngày nữa đây sẽ là lễ kỷ niệm ngày Shwedagon tròn 2.600 năm tuổi. Lễ hội này là một sự kiện văn hóa tâm linh quan trọng đối với người Myanmar sau nhiều năm bị gián đoạn do sự lũng củng trong chính trị nội bộ. Xem ra tôi cũng thật là may mắn khi đến đúng thời điểm đang tổ chức lễ hội, nhưng thiết nghĩ ngày mai lại vào tu thiền rồi, không thể đi ra ngoài tham dự được.

Quay về trung tâm thành phố, tôi mang trong mình cảm giác vui mừng khôn xiết và càng ngày càng mến cái đất nước này, nơi mà mỗi bước chân đi qua là thấy một ngôi chùa trước mặt mình. Chùa ở khắp nơi, đâu đâu cũng là chùa, đâu đâu cũng thấy các hình tượng Phật, thấy các Phật tử thiền hành, tụng kinh nghe Pháp. Tôi dừng chân ở chùa Sue. Đây là một quần thể đền tháp không kém phần quy mô đặt ngay giữa trung tâm thành phố, nơi mà tôi đã có duyên gặp gỡ một người bạn người Myanmar tên là Nyein Moe và một vị thầy Guru đang đi quyên góp tiền cho hơn 420 trẻ em mồ côi.

Cả một buổi chiều, những người không hẹn mà gặp, lạ mà như quen, say sưa hàn huyên trao đổi chuyện Phật pháp. Lúc chia tay, tôi được thầy trân trọng chú nguyện vào ly nước rồi đưa cho tôi uống. Thầy nói quán tưởng như nước cam lộ, tịnh hóa mọi ô trược, phiền não trong tâm tôi và cầu chúc tôi có một chuyến hành trình tâm linh đến Ấn Độ được bình an. Như dòng suối mát tưới vào cái cây tâm linh nghèo nàn, già cỗi trong tôi, một niềm hoan hỷ vui sướng hạnh phúc vẫn còn lan tỏa cho đến tận bây giờ khi tôi nghĩ về cuộc gặp gỡ ấy, đâu đó trong cuộc đời đôi khi có những người, thật lạ, ta chỉ gặp có một lần...

Thông tin bổ sung

Quần thể chùa Vàng ước tính có khoảng 1.000 đền tháp đơn thể nằm san sát nhau, bao quanh một tòa tháp trung tâm cao 98m, trên đỉnh tháp gắn 5.488 viên kim cương, 2.317 viên ngọc ruby, ở vị trí cao nhất là viên kim cương 76 cara, thân tháp được dát 8.688 thẻ vàng, ngọn tháp có 15.153 thẻ, tổng số vàng được dát nơi đây ước tính lên đến 60 tấn.

THIỀN VIỆN MAHASI

Sáng nay chúng tôi thức dậy trả phòng và đón taxi đi thẳng đến thiền viện. Chú bảo vệ hôm trước thấy chúng tôi trở lại vui vẻ ra phụ chúng tôi xách vali.

Một bác lớn tuổi đưa cho tôi tờ lịch trình khóa tu và nội quy trung tâm. Học viên có thể ở bao lâu tùy thích với mức đóng góp tối thiểu 50 đôla mỗi người đã bao gồm chi phí ăn uống, một tháng, ba tháng, ba năm hay lâu hơn cũng từng đó tiền, khóa tu ngày nào cũng mở, mỗi học viên được một phòng riêng sinh hoạt.



Bức tượng sáp của thiền sư Mahasi Sayadaw

Bên trái cổng là văn phòng đăng ký, bên phải là dãy Dining Hall (khu vực ăn uống), sâu vào bên trong là những dãy nhà lớn nhỏ nằm san sát nhau dành cho các tăng sĩ, cư sĩ và những dãy phòng dành cho hành giả thiền tập trong thời gian dài. Thường những gia đình người Myanmar hay dành thời gian nghỉ hè trong năm để đến đây tu tập cùng nhau, như một ngôi nhà tâm linh thứ hai. Thỉnh thoảng tôi thấy một đại gia đình đi vào, người con vịn tay người cha, người cháu vịn tay ông, đầu gối cõ bầy, tám người lúi rúi dắt nhau đi vào trung tâm, miệng mỉm cười tươi tắn lắm, thật là hoan hỷ làm sao. Hỏi thông tin xong, tôi đi một vòng quan sát một vài phòng thiền đang tu tập. Họ ngồi trong tư thế kiết già (tư thế hoa sen), có người ngồi bán già, mắt nhắm nghiền, tất cả đều có một màu đồng phục, áo sơ mi trắng quần xà rồng nâu. Ngoài hiên tiếng chim líu lo, tiếng lá vàng rơi xào xạc, tôi phải bước thật nhẹ để tránh làm phiền các hành giả. Chưa biết được phương pháp tu tập ở nơi đây ra sao, sẽ mang lại kết quả gì ngoại trừ việc định tâm ở bụng, quan sát sự phồng lên xẹp xuống

nhưng tôi đã cảm thấy lòng mình vui lạ thường. Có một luồng năng lượng bình yên nào đó ở nơi đây làm cho mọi lo lắng trong tôi dường như biến mất, khác xa với cái ồn ào, xô bồ náo nhiệt ngoài kia. Nhìn thời khóa biểu liên tục từ 3h sáng đến 11h tối, 16 tiếng xen kẽ giữa thiền hành và thiền tọa, ngày ăn hai bữa: sáng 6h sáng và Ngọ 10h trưa, không ăn buổi tối. Tôi từng tham gia khóa tu niệm Phật ở chùa Hoàng Pháp, được các thầy chu đáo lo cho ăn uống đến ba buổi, ở đây chỉ có hai buổi không biết tôi có chịu đựng được hay không. Đang loay hoay không biết đi tiếp như thế nào vì khuôn viên quá rộng thì từ xa tôi thấy một bác lớn tuổi nét mặt hiền hòa, trầm tĩnh đang đi đến. Bác nói gì đó bằng tiếng Myanmar mà tôi không hiểu, cuối cùng bác khoác tay bảo đi theo bác. Thì ra bác dắt tôi đi đến tự viện của Ngài Mahasi, tham quan nơi Ngài từng đọc sách, viết sách, phòng ngủ, phòng tiếp khách và chỗ tọa thiền. Mọi thứ được ở yên như vị trí của nó từ hộp viết, tờ giấy úa vàng cho đến máy đánh chữ, điện thoại, tọa cụ, và hình như được bàn tay ai đó chăm chút lau chùi cẩn thận mỗi ngày. Một niềm cảm động dâng trào khiến mắt tôi đỏ hoe, mọi thứ vẫn nơi đây, còn người thì đã khuất như định luật vô thường là vậy. Bức tượng sáp của Ngài trong tư thế kiết già oai nghiêm, hai tay chạm đầu gối như Ngài vẫn còn đây, rằng Ngài chỉ đang ngồi thiền đấy thôi. Tôi bỗng giật mình khi chạm phải ánh mắt của Ngài, ánh mắt nghiêm nghị, khắc khoải như mang đầy nỗi khổ của chúng sanh nhưng cũng chan chứa tình yêu thương vô bờ bến. Tôi có cảm tưởng như Người đang nhìn xoáy tận vào trong tâm can của tôi, làm tôi sợ, tôi sợ cái tâm thô thiển trần tục nhuộm bụi trần của mình, tôi sợ Ngài nhìn thấy chúng, nhưng có một điều tôi chắc chắn rằng từ đây con đường tu tập của tôi sẽ có nhiều chuyển biến tốt đẹp.

Thông tin bổ sung

- Giới thiệu Ngài Mahasi

Ngài Mahasi Sayadaw (1904-1982) sinh ra tại làng Seikkhun, miền Bắc Myanmar. Ngài thọ giới sa di năm 12 tuổi, trở thành Tỳ kheo năm 20 tuổi. Năm 24 tuổi, Ngài đỗ ba kỳ thi quan trọng về Kinh Điển Pali với bảng danh dự cao nhất do chính phủ tổ chức. Những năm sau đó, với sự chỉ dẫn của người thầy lỗi lạc, thiền sư Mingun Jetawun, Ngài đã có những thành tựu vượt bậc trong việc thực hành theo phương pháp thiền Minh Sát. Nhận thấy đây là một phương pháp mang lại nhiều kết quả và lợi lạc nên Ngài đã bắt đầu chỉ dạy và thành lập những trung tâm hành thiền.

Sir U Thwin là một Phật tử giàu có và thành tâm, mong muốn xây dựng một hệ thống thiền viện hoàng dương đạo Pháp làm lợi lạc cho chúng sanh nhưng chưa tìm được một vị thầy đức hạnh. Sau khi rong ruổi khắp nơi theo bước chân Ngài Mahasi, nghe Ngài thuyết giảng và quan sát phong

cách cao quý của Ngài, ông đã cúng dường năm hecta đất và kiến nghị thủ tướng Myanmar mời Ngài Mahasi về làm chủ trì các thiền viện. Năm 1949, Mahasi Sasana Yeiktha Meditation Center được thành lập và diện tích đất ngày nay được mở rộng lên đến 19,6 mẫu do các Phật tử cúng dường thêm.

Cả cuộc đời hoằng dương giáo pháp của Đức Phật, Ngài viên tịch ở tuổi 78, để lại cho đời 67 bộ sách Phật pháp có tầm ảnh hưởng to lớn và một số công trình được phổ biến rộng rãi đến ngày nay ở cả Châu Á lẫn phương Tây như Pháp Hành Thiền Minh Sát Niệm Xứ (Satipat-thana Vipassana Meditation) và Thiền Minh Sát Thực Tiễn (Practical Insight Meditation). Ngài được coi là một trong những đại đệ tử của Đức Phật.

(Nguồn từ <http://www.mahasi.org.mm/>)

- Giới thiệu thiền Minh Sát

Khi nghĩ đến thiền, người ta thường hay liên tưởng đến hình ảnh một người ngồi xếp bằng, hai chân bắt chéo nhau, mắt nhắm nghiền ngồi ở một nơi hoang vắng nào đó, những ai có đầu óc bận rộn hoặc ưa thích vận động chắc chắn không thích việc ngồi một chỗ quá lâu như thế. Như vậy ngồi thiền để làm gì, có ích lợi gì không? Chúng ta thường ngày luôn bận rộn với lo toan tính toán, trong tâm lại ôm ấp đầy rẫy những muộn phiền, tham ái... trong khi đó thiền là tập cho tâm dừng suy nghĩ để tập trung về giây phút hiện tại chứ không lo lắng, bất an về những điều đã qua hay chưa tới. Nếu chúng ta đã có bác sĩ lo liệu cho bệnh tật của “thân” thì cũng cần có bác sĩ cho “tâm”, thiền sẽ là một vị bác sĩ cho những căn bệnh thuộc về tâm như nóng giận, sợ hãi hay bi quan, chán nản. Qua nhiều nghiên cứu, người ta cho rằng việc hành thiền mang lại niềm an lạc và tư duy tích cực hơn đối với cuộc sống hiện tại, khác hẳn so với những gì chúng ta nghĩ là đơn điệu và buồn chán.

Riêng thiền trong khái niệm của Phật giáo lại mang một ý nghĩa sâu sắc và vi tế hơn, như một phương pháp vượt khỏi vòng sinh tử luân hồi bất tận này. Cuộc đời của chúng ta luôn chịu chi phối theo quy luật: sinh, thành, trụ, hoại. Chúng ta sinh ra, lớn lên, già yếu và chết đi, và rồi lại sinh ra lần nữa, lần nữa, chu trình này cứ lặp đi lặp lại như thế cho đến khi nào ta có thể dừng lại và tìm được một lối thoát. Nếu sống một cuộc đời mà chúng ta không biết được chúng ta từ đâu tới và tương lai đi về đâu thì sẽ là một điều vô cùng thiếu sót. Tại sao chúng ta sinh ra đời, vì sao chúng ta phải chết? Chết rồi sẽ đi về đâu? Thiền sẽ mang đến đáp án cho tất cả những câu hỏi lớn đó.

Có nhiều phương pháp để hành thiền như thiền đếm hơi thở, thiền quán tưởng đến một đề mục nào đó để đưa tâm tập trung duy nhất vào một chỗ,

riêng Ngài Mahasi thì lấy sự chuyển động phòng xep của bụng làm đề mục chính để hành thiền. Phương pháp này gọi là thiền Minh Sát hay còn gọi là thiền Tuệ Quán, tức là nhờ quan sát những hiện tượng luôn thay đổi bên trong thân tâm để phát sinh tuệ giác và định lực, thông qua đó sẽ kinh nghiệm được những đặc tính và bản chất của sự sống.

Tham dự một khóa thiền đòi hỏi rất nhiều nghị lực và kiên nhẫn vì sự tôi luyện cái tâm đã quen thói buông xuôi và lảng xãng quay về một chỗ là một việc không dễ dàng gì, giống như việc lội ngược dòng nước hay leo lên núi vậy.

Có ba phương pháp thiền mà Ngài Mahasi đã yêu cầu các thiền sinh áp dụng trong các khóa tu thiền tập.

- Thiền trong tư thế ngồi: Thiền sinh chọn nơi thanh vắng, yên tĩnh, không bắt buộc ngồi ở tư thế hoa sen (kiết già) hay bán già, miễn là tư thế nào thoải mái và ngồi được lâu hơn. Nhắm mắt lại chú tâm nơi bụng, thở bình thường, không cố gắng nhanh hay chậm, theo dõi các cảm giác khi bụng bắt đầu phồng lên, kéo dài, chầm dứt và chú tâm vào các giai đoạn của chuyển động xep. Khi tâm bắt đầu vọng động đi đây đi đó hay nghe thấy suy nghĩ điều gì, hãy niệm trong đầu: “suy nghĩ suy nghĩ”, hay “nghe nghe”, “thấy thấy”, hoặc khi có các cảm giác nổi lên như đau, nóng, lạnh thì niệm: “đau đau”, “nóng nóng”, “lạnh lạnh”..., theo dõi tiến trình của những gì đang diễn ra trong thân, thiền sinh sẽ thấy các cảm thọ tăng dần hoặc dịu xuống hoặc di chuyển sang nơi khác và luôn luôn thay đổi.

- Thiền trong tư thế đi: Còn gọi là thiền hành hay đi kinh hành, thiền sinh được chỉ dẫn trụ tâm ở tiến hành đi của bước chân, nếu đi nhanh thì ghi nhận “trái trái”, “phải phải”, (có thể đọc thầm hoặc nói) nếu đi chậm hơn thì ghi chú vào sự “dở lên”, “bước tới”, “chạm đất” của bước chân và ghi nhận khi nào dở, khi nào bước, khi nào chân chạm đất.

- Thiền tổng quát: Sau khi kết thúc khóa thiền ngồi và thiền hành, thiền sinh tiếp tục áp dụng quán sát từng chi tiết nhỏ, những hành động thường làm trong sinh hoạt hàng ngày, ví dụ khi đi, đứng, nằm, ngồi, thay đồ, giặt giũ, ăn uống, tắm rửa, đánh răng... bất cứ động tác nào của thân, mỗi tư tưởng phát khởi hay cảm thọ xuất hiện đều ghi chú lại.

Cố gắng bắt kịp những chuỗi sự kiện liên tục xảy ra đó, định tâm và chánh niệm sẽ càng ngày được phát triển, nhờ đó mà những tư tưởng phóng dật, dơ bẩn trong tâm được loại trừ dần dần và dẫn đường cho trí huệ khai mở. Như vậy, mục đích của thiền sinh khi quán sát sự phồng lên xep xuống của bụng là để nắm bắt được rõ ràng cái sinh (khởi đầu) của hành động phồng và cái kết thúc (diệt) của hành động xep liên tiếp sinh diệt không ngừng nghỉ. Với sự nắm bắt từng chi tiết, chính xác những gì xảy ra trong thân và tâm (sắc và thân), tâm sẽ nhận thức được các đặc tính luôn luôn thay đổi, các hiện tượng đều không trường tồn, tức hiểu được Vô Thường.

Và khi bị chúng đàn áp liên tục và nhanh chóng thay đổi nên tâm cảm thấy bất toại và do đó thấy được Khổ. Đến lúc không thể nào cưỡng lại, ngăn cản hay tránh khỏi chúng thì biết chúng là Vô Ngã (ví dụ như thân đau nhưng ta không thể bảo chúng ngừng đau được). Khi đã thật sự hiểu được Vô Thường, Khổ, Vô Ngã bằng trí tuệ ở bên trong, chân lý sẽ dần dần được hiển lộ và lúc đó thiên sinh sẽ tiến vào các tầng thiên cao hơn của Tuệ Minh Sát.

Có một câu châm ngôn mà tất cả các thiên sinh đều phải đọc qua và ghi nhớ: “Sự sanh khởi của tất cả hiện tượng Danh (tâm) và Sắc (thân) đều không thể tránh khỏi kết cuộc là sự tan rã (sự hoại Diệt).”

Biết về sự hoại Diệt thì sẽ thấy rõ Vô Thường

Thấy Vô Thường thì Khổ sẽ hiển lộ

Khổ hiển lộ thì sẽ thấy Vô Ngã

Thấy Vô Ngã thì sẽ chứng nghiệm Niết Bàn.

CHIẾC GIƯỜNG ĐƠN, CÁI BÀN VÀ KHUNG CỬA NHỎ

13/2/2012

Sau khi đọc qua một loạt những nội quy, ký tên cam kết vào tờ đơn, nhận thời khóa biểu thì cũng vừa đến giờ dùng cơm gạo. Quy định ở đây chỉ được ăn hai bữa một ngày, buổi sáng lúc 6h và buổi trưa lúc 10h, không được phép ăn sau 12h hoặc buổi tối, ngoại trừ lúc bị bệnh. Các hành giả mới vào mấy ngày đầu cũng có thể được phép dùng thêm bánh ngọt hay kẹo ngậm nếu cảm thấy quá đói, hy vọng là tôi sẽ vượt qua được chặng đầu tiên này, đấu tranh với sự tham ăn và mê ngủ của mình. Nhìn từng hàng các tăng đi trước, các ni nổi bước theo sau, rồi đến lượt các thiên sinh từng bước chậm rãi tiến vào khu vực Dining Hall (khu vực ăn uống), trông thật nghiêm trang và đẹp mắt làm sao. Tôi được bác lúc nãy sắp xếp cho ngồi ở bàn của thiên sinh nước ngoài. Nhìn thấy tôi là người mới vào, một cô, tôi đoán là người Pháp, một cô thì người Trung Quốc trông lớn tuổi, cả hai đều chấp tay chào tôi với nụ cười hiền từ như thể tôi vừa đi xa hôm nay trở về nhà họp mặt vào bữa cơm gia đình vậy. Sơ sơ tôi đoán khoảng chừng 50 bàn thức ăn được đặt theo kiểu bàn của người Nhật, tất cả thầy trò đều ngồi dưới đất mà ăn, bàn chay có, bàn mặn có, ai dùng gì thì tự chọn bàn ấy, khu vực các tăng riêng, khu vực dành cho ni và thiên sinh cũng riêng biệt. Thức ăn đã được nhà bếp và những người làm công quả bày biện sẵn, trên dưới khoảng sáu món; cơm có, canh có, đồ xào có, trông nhìn cũng dễ ăn, lại cộng thêm hai món tráng miệng ra thành những tám món, một bữa ăn

thật thịnh soạn và đầy đủ. Tất cả mọi người đều ăn trong im lặng và tĩnh thức, chỉ nghe tiếng va chạm lốc cốc của chén cơm và muỗng, không ai nhìn ai.

Sau bữa cơm trưa, tôi được bác lúc nảy dẫn đi nhận phòng của mình, bác còn cử thêm hai cô công quả ở trung tâm khiêng hai cái vali của tôi nữa. Tôi cảm tưởng mình như một bà hoàng vậy, đi tu mà như thế này thì còn gì hơn nữa, thôi thì xem như sự chu đáo tận tình sẽ tiếp thêm cho tôi nghị lực trong những ngày sắp tới. Chúng tôi bước vào căn phòng nhỏ xinh xắn nằm trong một dãy các phòng trọ dành cho thiền sinh nữ nước ngoài, có phòng vệ sinh bên trong, một chiếc giường, hai cái chăn, một cái gối, một chiếc bàn dùng để ngồi viết và đọc sách đặt bên khung cửa sổ. Trên tường có dán sẵn lịch trình khóa tu và hình của Ngài Mahasi kế bên, hai bộ đồng phục được xếp ngay ngắn để trên ghế. Tất cả dường như đã sẵn sàng, cô phụ giúp vội vã đi đâu đó, bỏ lại tôi một mình với căn phòng mới và sự im lặng bao trùm.

Tôi bước ra ngoài hành lang, lang thang lên phòng thiền, thì ra tất cả mọi người đang hành thiền ở đây, thấy vậy tôi cũng bắt chước ngồi vào một ô còn trống dù trong đầu chưa có khái niệm phải bắt đầu thiền như thế nào. Được một lúc thì có ai đó khều nhẹ rồi hỏi tôi bằng tiếng Việt: *“Cô mới vào phải không, cô là người Việt Nam à?”* Mở mắt ra, nhìn thấy một ni sư người Việt đáng người thanh mảnh, mừng quá đổi, tôi trả lời lia lịa: *“Con mới vừa vào nên lên trên này ngồi thử.”* Ni sư mỉm cười rồi nói đi theo cô lên gặp thầy giám luật. Vừa đi cô vừa nói: *“Tôi ở đây được 10 tháng rồi nên tôi cũng rành rồi, có gì không hiểu thì cô cứ hỏi tôi, tôi cũng mừng ghê, thấy cô còn trẻ mà biết tìm đến Phật pháp là quý lắm, ở đây có hai người Việt thôi hà, giờ thêm cô nữa là ba, còn lại trong dãy này có hai cô người Hàn Quốc, một cô đến từ Thụy Sĩ, một cô người Pháp, hai cô người Trung Quốc nữa.”*

Ni sư nói thầy giám luật, tức hòa thượng Ashin Jatila, rất nghiêm khắc, từ sau khi Ngài Mahasi mất, Ngài về đây tiếp quản thiền viện và phụ trách thêm phần hướng dẫn cho thiền sinh nước ngoài, chứ bình thường thiền sinh trong nước ít khi được gặp thầy lắm. Quả thật khi bước vào trong, tôi thấy thầy ngồi trên ghế, đeo mắt kiếng, trông đã luống tuổi và có vẻ oai nghiêm, ai cũng kín kẽ rón rén như sợ thầy lắm, hai bên có hai vị phiên dịch. Khi tôi vào, hình như một tăng sĩ nào đó người Hàn Quốc vừa trình pháp xong và bước ra ngoài.

Thấy tôi, thầy ngoắt tay bảo tiến về gần phía thầy rồi nói bằng tiếng Anh, thầy nói thao thao như không để cho tôi chen vào được, rằng phương pháp nơi đây quán chiếu vào hơi thở ra vào tập trung nơi vùng bụng phòng lên, xẹp xuống, bước đầu thầy chỉ yêu cầu tôi làm như vậy mà không giải thích gì thêm.

Sau đó thầy bảo tôi ngồi im lặng tập trung để nghe băng giảng của Ngài Mahasi để lại, như quy định chung cho tất cả các thiền sinh mới. Cuối cùng tôi cũng được nghe chính giọng nói của Ngài Mahasi như đang trực tiếp ban giảng pháp cho mình dù âm thanh của băng cát sét không rõ ràng lắm, cộng thêm Ngài nói tiếng Anh rất khó nghe. Dường như đọc được ý tôi, thầy giám luật đưa

tôi hai quyển sách với nội dung của băng giảng vừa rồi để về đọc và nghiên cứu thêm. Thầy hẹn là mỗi tuần vào thứ Tư và thứ Sáu, lúc 3h30' chiều đến gặp thầy để tường trình kết quả tu tập hay còn gọi là trình pháp. Chỉ vậy thôi rồi thầy khoác tay bảo tôi đi về phòng nghỉ ngơi và không quên dặn dò ni sư người Việt lúc này quan tâm chú ý đến tôi. Hai cô cháu về phòng rồi tiếp tục lên phòng thiền đi kinh hành, cứ ngồi một tiếng thì đứng dậy đi một tiếng, thấy sư cô làm thế nào thì tôi làm thế đấy, nói chung là ngày đầu tôi như một con rồ bốt, cố gắng gượng lắm mới vượt qua được thời gian từ 4-8h tối. Thời gian từ 9-11h tối thì được phép đi kinh hành và thiền ở khu vực xung quanh một cách tự do.

Nhưng đến giờ đó thì mắt đã mỏi, lưng đã đau, tôi cảm thấy phương pháp nhiếp tâm vào câu niệm Phật dễ dàng hơn là quán nơi bụng vì tôi luôn bị bối rối ở chỗ thở ra thì bụng phình hay bụng xẹp, thở vào thì bụng xẹp hay bụng phình, cứ bị rối ở đoạn này nên tâm không định, gây ra mệt mỏi và tê nhức khắp nơi. Tôi thoáng nghĩ mới ngày đầu mà đã không xong rồi, để ngày mai xem phản ứng thế nào, thôi thì cứ ghi lại để mà có tường trình với thầy. Ở đây không ai quản lý thời khóa biểu, không ai bắt mình đến giờ phải lên thiền, mọi việc đều phải tự giác, sư cô nói mình tu cho mình chứ cho ai mà phải cần người nhắc nhở, tự tu thì tự đắc, ai ăn thì nấy no vậy mà. Lúc này tính bê trễ và thiếu nhẫn nại của tôi bắt đầu trở dậy, cái tôi đột nhiên thì thậm là nó chỉ muốn chợp mắt ngủ, nó viện lý do là mới có ngày đầu chưa quen kịp với thời khóa biểu, ngày mai sẽ tốt hơn nên giờ đi ngủ sớm đi, nó lại muốn cắt xén bớt thời khóa biểu nữa rồi.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

TRĂNG NON

14/2/2012

*“Đêm nay hết giờ thiền,
Ngẩng đầu nhìn trời cao,
Kìa ánh trăng lười liềm,
Ôi non nót làm sao.”*

Đêm đầu tiên xem như vượt qua được cái sự đói, đói nhưng không hẳn là đói còn cào, vẫn thấy nó ở đâu đó nhưng nó hiền lành và không gây khó chịu, như vậy đã là một bước tiến khá ổn. Nhưng việc hành thiền vẫn còn một chút trở ngại, hết việc lẫn lộn giữa hơi thở ra vào và niệm phòng xẹp thì lại đến việc niệm Phật và không niệm Phật.

Theo pháp môn Tịnh Độ⁽⁴⁾, tôi hay có thói quen niệm Nam Mô A Di Đà Phật trong đầu dù đang làm việc gì, thấy tâm suy nghĩ vu vơ, chạy rong đây đó thì tôi lấy đề mục niệm Phật để nhiếp tâm mình. Ví dụ như đang rửa chén, quét nhà, nấu cơm hay chạy xe ngoài đường tôi cũng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tôi

hay gọi là thiền Niệm Phật để tâm mình không nghĩ lung tung tứ tán. Qua quá trình hai năm như vậy, tôi cảm nhận được sự yên lặng của tâm, không ồn ào dấy sóng như lúc trước.

Trong khi phương pháp của Ngài Mahasi hay thiền Minh Sát thì trái lại, đòi hỏi phải luôn chú tâm ghi nhận tất cả các diễn biến xảy ra với thân và tâm ngay khi vừa phát hiện ra nó, ví dụ như tâm đang suy nghĩ điều gì thì mình biết tâm đang suy nghĩ và niệm “suy nghĩ, suy nghĩ”, khi đó luồng tư tưởng vừa lóe lên sẽ tự nhiên biến mất hay chuyển sang niệm khác. Như khi đang rửa chén, thay vì niệm Phật thì thiền Minh Sát đòi hỏi phải chú trọng từng cử chỉ hành động đang rửa chén mà ghi nhận nó, như việc nâng tay lên, hạ tay xuống, xả nước, tráng xà bông, từng nhát cử nhát động phải cố gắng ghi nhận càng nhiều càng tốt để tâm chỉ biết sống cho hiện tại mà không khởi vọng tưởng, nhờ vậy các nghiệp bất thiện về thân, khẩu, ý sẽ không có cơ hội phát sinh.

Như vậy cũng có nghĩa là hai phương pháp này tuy hỗ trợ cho nhau nhưng sẽ không thể thực hành cùng một lúc, đó thật sự là một vấn đề khi tôi đang hành thiền vì tôi bắt buộc phải chọn một trong hai. Trong khi tôi nên ghi nhận quan sát những hiện tượng xảy ra trong thân thì tôi lại quên mất điều đó và chỉ niệm Phật, thỉnh thoảng lại quay về phòng xệp, rồi thỉnh thoảng lại niệm Phật, chắc chắn điều này sẽ không dẫn tôi đi tới đâu cả.

Mục đích của câu niệm Phật hay niệm hồng danh của các vị Phật và Bồ Tát là để tâm được an trụ, cố định vào một chỗ nhờ đó phát triển chánh niệm, cũng giống như việc tập trung tâm phòng xệp ở nơi bụng. Tuy nhiên, hồng danh chỉ là một ý niệm đã được định sẵn, không thay đổi vì vậy khó để kinh nghiệm được các đặc tính sinh diệt, điểm cốt lõi trong thiền định, vì thế nó chỉ tạm thời chế ngự những vọng tưởng và phiền não. Trong khi đó, thiền Minh Sát, hay sự chuyển động lên xuống nơi bụng lại là một thực thể sống động, có thể nhìn thấy được, có thể kinh nghiệm được các giai đoạn sinh, diệt nên dễ rèn luyện cho tâm đạt được mức độ ghi nhận nhanh chóng những gì diễn ra bên trong nó.

Theo hiểu biết non kém của mình, tôi chỉ hiểu được đến đây, nhưng tôi biết rằng dù là ai, chọn pháp môn niệm Phật hay thiền, nếu tinh tấn đi đến tận cùng thì mỗi pháp môn đều mang lại lợi ích không cần bàn cãi, vì như Phật đã nói, tất cả các con sông đều quy về biển cả, tất cả các con đường chung quy đều dẫn về một lối. Những ai mới kinh nghiệm hành thiền đầu tiên sẽ giống như tôi: Chốc chốc lại len lén nhìn đồng hồ xem đã hết giờ chưa, rồi lại nhìn sang các hành giả kế bên tò mò xem họ tu tập thế nào. Cố gắng tập trung vào phần bụng và niệm phòng xệp nhưng tâm luôn ở tận đâu đâu, rong ruổi hết quá khứ rồi đến tương lai, lại bồn chồn lo lắng về một điều gì đó không rõ ràng, đến khi phát hiện ra là vọng tưởng đang khởi lên cuộn cuộn và bị nó lôi kéo trước khi kịp ghi nhận thì tâm đã đi hết một vòng Trái đất rồi, thậm chí còn xa hơn thế nữa, lên Sao hỏa, lên cung trăng rồi vượt ra ngoài không gian vũ trụ, làm mưa làm gió, tốc độ của ánh sáng và sóng điện từ thật không thể nào sánh kịp.

CÁI NÀY CÓ VÌ CÁI KIA CÓ

15/2/2012

*“Trời đã về chiều rồi
Đường xa còn vạn dặm
Bổn thương khách lữ hành
Mệt mỏi chốn trần lao.”*

Khuya nay tôi thức dậy như mọi thường, cái ngủ vẫn muốn lôi kéo tôi trở lại vào giường và nó thì thầm với tôi rằng nó mệt quá, nó muốn “nương” thêm chút nữa. Mặc dù nghĩ vậy nhưng thân tôi vẫn cố lê bước vào nhà tắm tìm kiếm bàn chải đánh răng vì đã đến giờ đánh keng báo thức. Khi cầm bàn chải trong tay thì trong tôi đột nhiên có một dòng tư tưởng rất lạ xuất hiện. Tôi nhắm mắt lại, một loạt những hình ảnh: Nhà máy xí nghiệp, kem đánh răng, những lớp vỏ nhựa, người kỹ sư, những người công nhân đang đóng gói, chiếc xe tải vận chuyển hàng đến siêu thị, người sắp xếp nó lên kệ, người bán hàng, rồi người mua hàng chọn lựa nó đem về và sự có mặt của nó trong tay tôi sáng nay, ở căn phòng này, quả là một hành trình khá dài.

Tôi miên man trong những dòng tư tưởng ấy mà quên mất mình đang suy nghĩ, nhưng nó dường như nhắc nhở tôi rằng, tôi và bàn chải này không hề riêng lẻ và tách biệt nhau, cả tuýp kem đánh răng và bàn chải nữa, tất cả đều nương vào nhau mà có. Có một câu nói rất hay của thiền sư Thích Nhất Hạnh mà tôi rất tâm đắc: “Cái này có vì cái kia có, vạn vật nương nhau mà phát hiện”, lúc trước tôi hiểu câu nói này qua cuốn sách tên *An lạc từng bước chân* của thầy nhưng giờ khắc này không hiểu sao khi cầm bàn chải trên tay, tôi lập tức hiểu ý nghĩa của câu nói này một cách trọn vẹn và đầy đủ hơn. Nó làm cho tôi bật cười khi nghĩ về những câu hỏi ngu ngốc của mình trước kia: “Con người sinh ra từ đâu? Vũ trụ đến từ đâu, nó có trường tồn mãi không?” Đại loại những câu hỏi như thế, những câu hỏi mà Đức Phật im lặng không trả lời khi những đệ tử đề cập đến, bởi vì sự hình thành của mọi thứ đều do nhân duyên mà thành, trong vô vàn những mắt xích đan kết lại, không có điểm đầu và điểm cuối. Cũng như ta không thể nói bàn chải này đến từ đâu được, nếu nói nó đến từ ý tưởng của người kỹ sư thiết kế ra chúng, vậy người kỹ sư đó lại đến từ đâu? Thật vậy nếu cứ đi tìm những câu trả lời như thế, những câu hỏi có và không, hiện hữu hay không hiện hữu sẽ là vô cùng vô nghĩa bởi bản chất của mọi sự việc, hiện tượng không bao giờ sinh khởi cô độc, mà nó sinh khởi trong một nguyên tắc tất yếu:

“Nếu cái này hiện hữu, thì cái kia hiện hữu; nếu cái này không hiện hữu, thì cái kia không hiện hữu. Nếu cái này sinh khởi, thì cái kia sinh khởi. Nếu cái này không sinh khởi, thì cái kia không sinh khởi”.

Đó cũng là đạo lý duyên khởi trong nhà Phật.

Tôi thấy trong lòng mình len lỏi niềm vui nho nhỏ khi đã tìm được câu trả lời mà bấy lâu tôi tìm kiếm. Tôi thật sự phải nói lời cảm ơn đến cây bàn chải, bởi nó đã cho tôi bài học đáng nhớ ngày hôm nay. Tôi lập tức hăng hái đánh răng rồi chạy lên phòng thiền, tôi nhận ra mình đang có một bước tiến đáng kể. Tiếp tục thiền ngồi, tôi lại thấy mình trong mọi vật, tôi thấy sàn gỗ này có mặt để dành cho tôi và những hành giả đang hành thiền. Tôi cũng thấy được ánh nắng mặt trời và sàn gỗ này nương tựa nhau mà thành. Vì sao? Vì sàn gỗ được làm từ những cây cối trong rừng, những cái cây lại nương tựa vào ánh mặt trời, yếu tố nước, đất mà sống; rồi những người nhân công cưa gỗ đem về, người thợ mộc cắt xẻ làm nên sàn gỗ, rồi từ sàn gỗ làm nên ngôi nhà, và sự có mặt của tôi ở đây... Một chuỗi nguyên nhân và kết quả hình thành, cho nên mới nói mọi vật, mọi việc đều có mối tương quan chặt chẽ với nhau.

Khi quán những điều này, tôi vô cùng thích thú và muốn ngồi lâu hơn nữa, mặc dù hiểu tôi đã đi xa hơn đề mục phòng xep ở bụng nhưng vì nó là những vọng tưởng tích cực nên tôi cứ để nó tự nhiên như thế. Hết giờ thiền ngồi, tôi nhẹ nhàng đứng dậy rồi chân trái bước, chân phải bước, “trái trái”, “phải phải”, từng bước nối đuôi nhau, gót chân này chạm đất, bàn chân kia tiếp bước, hai chân nương tựa vào lực của thân rồi tạo thành bước đi, nhưng cái gì đằng sau đó để vận hành sự bước đi, đó chính là ý muốn. Tôi bỗng nhiên kinh nghiệm một điều, hễ tâm muốn (ý muốn) làm gì thì thân sẽ làm theo và ý muốn luôn có mặt trước tất cả mọi hành động, tôi hiểu được sự tương quan nhân quả giữa thân và tâm.

Cũng như vậy nhìn qua ngoài hiên, tôi thấy lá cũng là cây, cây cũng là lá, chúng hỗ trợ nhau mà sống, rễ cây hút nhựa từ nước, khoáng chất, phân phát lại cho lá, nhờ ánh nắng mặt trời, không khí, lá lại tái tạo ra nhựa nuôi dưỡng lại cây, vì vậy tôi càng thấm thía câu nói của thiền sư Thích Nhất Hạnh: “Chiếc lá mỏng manh kia là gì nếu không là sự vận chuyển hàng triệu năm của các vì sao...” Rồi đến lúc ăn cơm, tôi lại nhìn hạt cơm như một tiểu vũ trụ thu nhỏ, yếu tố đất nước, gió, lửa, ánh mặt trời, cánh đồng, bác nông dân, con trâu, cái cày, nhà máy, xí nghiệp,... hàng trăm nguyên nhân hình thành nên hạt cơm nhỏ bé như thế chứ bản thân hạt cơm không thể tự hình thành một mình được, tất cả đều phụ thuộc và tương quan lẫn nhau.

Khi đi tắm tôi lại tiếp tục quán chiếu cơ thể mình, tôi thấy ông bà, cha mẹ từ nhiều kiếp ở trong thân thể này, bởi có cha, có mẹ, có ông bà mới có mặt ta nên ta không hề đơn độc và riêng lẻ. Ngày hôm nay làm tôi thấy phấn khích lạ, tôi thật sự muốn chia sẻ những điều tôi vừa chiêm nghiệm được với thầy giám luật. Hôm nay cũng là ngày phải gặp để trình pháp với thầy, ít ra tôi cũng có cái gì đó để nói.

TRÌNH PHÁP

3h30' chiều, rồi cũng đến giờ trình pháp. Theo trình tự, tăng ni trước, hàng hậu học trình sau, có hai vị thông dịch ngồi hai bên thầy. Mỗi hành giả lại có một vấn đề khác nhau, thấu hiểu khác nhau nên thầy thường phải dành ít nhất 15 phút cho mỗi vị.

Thầy ít khi nói nhiều, thỉnh thoảng mỉm cười lớn khi thấy các học trò vận dụng hết động tác tay chân để giải thích cho thầy, dường như sợ thầy không hiểu ý. Dù là ai, kinh nghiệm thế nào, không có lời khen, chê, thầy chỉ nói ngắn gọn, hãy trở về với phòng xệp và tiếp tục ghi nhận nó. Thật sự là tôi hơi thất vọng ở thầy vì muốn thầy đừng nên quá kiếm lời như vậy.

Đến lượt tôi, khỏi phải nói là tôi đã trông chờ để gặp thầy như thế nào, từ hôm qua đến giờ, đặc biệt là sáng nay, tôi đã trải qua những kinh nghiệm vô cùng quý báu muốn chia sẻ với thầy... Tôi trình với thầy lần lượt theo thứ tự như sau:

- **Trò:** Thưa thầy, ngày thứ nhất con hơi giải đãi và mất tập trung, thay vì niệm phòng xệp thì con lại niệm cái đồng hồ vì cứ chờ cho nó hết giờ mà thôi, lại còn bối rối không biết thở ra là bụng phòng hay bụng xệp, con lại còn thói quen niệm Phật trong đầu nữa.

- **Thầy:** Cứ để hơi thở tự nhiên, đừng nhìn xem có phòng lên hay xệp xuống hay không mà theo dõi hơi thở ra vào của nó, không nên niệm Phật nữa, tập trung vào đề mục chính. Còn vấn đề thời gian thì càng trông hết giờ sẽ thấy nó càng lâu hơn thôi, khi nhìn đồng hồ thì niệm “nhìn, nhìn” rồi quay về phòng xệp. Việc thiền đi thì con như thế nào?

- **Trò:** Dạ, con theo thầy chỉ dẫn, bước chân trái thì niệm chân trái, bước chân phải thì niệm chân phải, trái trái phải phải nhưng con thấy nó buồn chán quá nên lúc sáng con chuyển sang đếm niệm động tác giờ lên, đi tới và chạm đất.

- **Thầy:** Hãy quay trở về niệm hai bước trái, phải cho đến khi thuần thục rồi hãy nói tiếp, chưa đến lúc thực hành ba bước, chú ý mắt đừng tập trung quá vào bàn chân mà nhìn xa hơn một chút. Con còn gì muốn nói nữa không?

- **Trò:** Dạ, sáng nay khi con thức dậy đánh răng rửa mặt, tự nhiên nhìn cây bàn chải con nghĩ đến một loạt hình ảnh về sự có mặt của nó, mối tương quan giữa các hiện tượng. Giây phút đó làm cho con rất vui, rồi tiếp tục khi ngồi thiền, hay đi kinh hành, ăn cơm con thấy được mình trong mọi vật, không có riêng biệt, tách rời, con là một phần của tất cả, nên con hiểu không có cái gì là của riêng con hết, ngay cả thân thể này, con...

- **Thầy (ngắt lời):** hiểu là tốt, giờ tập trung lại niệm phòng xệp nơi bụng, đừng quên đề mục chính là... v.v. và v.v.

Thầy luôn luôn chỉ có từng ấy câu trả lời: tập trung vào phòng xệp. Tôi quay về phòng mà nửa giận thầy vì thầy dường như không muốn nghe tôi nói, không muốn chia sẻ những gì tôi trải nghiệm được, đến lúc gặp sư cô người Việt đem

sự việc ra giải bày thì sư cô cười lớn: “Thầy đối với ai cũng như vậy, nhiệm vụ của thầy gặp mình là để nhắc nhở cái mà mình hay quên nhất trong khi thiền đó, con không nhận ra điều đó sao, ngay cả mấy thầy tu tập đã lâu còn quên phòng xệp, Ngài Mahasi cả đời Ngài cũng chỉ có phòng xệp, trái phải, vậy mà đắc đạo quả đó thôi. Con thật muốn nghe thầy nói hay là muốn thầy phải khen con nức nở? Như vậy là cái Ngã của con nó còn lớn lắm đó nha, cẩn thận, phải cẩn thận đó.” Rồi sư cô quay sang nói với một sư cô người Hàn Quốc khác: “Đúng là giới trẻ ngày nay, thôi bây giờ chúng ta cùng luyện phòng phòng, xệp xệp, trái trái, phải phải nào.” Rồi cả hai cùng cười lớn dặt nhau bỏ đi, để lại tôi lừng chừng một mình với gương mặt ngây thơ “quá đỗi”!

Nhìn tôi lúc ấy như một đứa bé mới tập đi, chưa đi vững mà đã nghĩ mình có khả năng chạy xuyên qua tường, hóa ra những hiểu biết như tôi ngày hôm nay, các bạn đồng tu có thể đều đã kinh nghiệm qua, còn các thầy đã phải lắng nghe nhiều lời giải bày tương tự từ các thiền sinh mới như tôi nên thầy cảm thấy bình thường, hàm ý như mọi việc đều tiến triển tốt và trong tầm kiểm soát, nếu không thì chắc thầy sẽ không ít lời như vậy. Ai mà biết được các đấng giác ngộ đang nghĩ gì.

Quay trở về phòng, chân bước, miệng niệm trái phải, chợt thấy hoàng hôn đang buông xuống, một ngày nữa sắp sửa trôi qua... tôi bắt chợt kệ rằng:

*“Trời đã về chiều rồi
Đường xa còn vạn dặm
Bổn thương khách lữ hành
Mệt mỏi chốn trần lao.”*

Từ dạo nào không biết, tôi đã biết làm thơ!...

HƯƠNG VỊ CỦA THIỀN

Giờ ăn sáng và ăn trưa là hai khoảng thời gian mà tôi thích nhất trong ngày. Tôi thích thời điểm này không phải vì lý do được ăn mà bởi tôi rất ấn tượng với tiếng hú của những chú chó báo hiệu giờ cơm kết hợp với hồi trống một cách nhịp nhàng. Sáng cũng như chiều, tiếng trống ngừng, tiếng hú ngừng, một cách chính xác như vậy từ ngày này qua ngày khác. Rồi hình ảnh cả trăm vị tăng, chân đất, vai trần trong bộ đồ khất sĩ màu đỏ lần lượt nối đuôi nhau thành hàng dài đều thẳng tắp, thầy giám luật luôn là người đi trước, đến các tăng ni phía sau và các thiền viên đi sau cùng.

Ở mỗi giờ ăn trong khóa thiền, thầy luôn dạy: Trong lúc ăn phải biết quán sát thân tâm và các hoạt động của các căn, ghi chú cẩn thận ý muốn, từng cử chỉ động niệm lớn nhỏ, để thấy sự làm việc của mắt, tay, mũi, lưỡi, thân, ý và từ đó ghi nhận sự thích hay không thích đối với món ăn. Ví dụ như khi cầm muỗng biết mình cầm muỗng, nhai biết mình đang nhai, nuốt biết mình đang nuốt, mặn

biết mặn, ngọt biết ngọt, cay biết cay, hay các hành động gấp đồ ăn rồi để vào chén, đưa lên miệng, bỏ vào miệng...

Nếu luyện tập một cách thường xuyên như vậy, thiền sinh sẽ hiểu biết được các đối tượng đang sanh khởi, sẽ thấy tác ý muốn ăn trước rồi đến thân đang ăn mà không thấy có tôi, có ta đang ăn. Dần dần khi đạt được sự quán sát cao độ, thiền sinh sẽ loại bỏ bớt được sự tham, sự chấp vào đồ ăn thức uống như ngon hay dở, chay hay mặn vì không khởi tâm phân biệt. Ngoài việc quan sát hoạt động của thân tâm, thầy còn khuyên các thiền sinh nên khởi ý niệm rải tâm từ khi ăn như lòng biết ơn đến xã hội, những người đã tạo ra thực phẩm, những thí chủ thiện tính đến làm công quả và luôn tự nhủ phải hết sức nỗ lực tinh tấn tu tập cho xứng đáng với vật mình đang thọ dụng. Chỉ khi đó ta mới thật sự là đang ăn, ăn một cách có ý nghĩa và ý thức, hương vị của đồ ăn khi đó không còn là hương vị của trần thế mà trở thành hương vị của sự tỉnh giác, hương vị của thiền.

KHỔ CỦA THIỀN

16/2/2012

Hai ngày trôi qua, tôi cảm nhận được mình có chút tiến bộ, có thể thiền tọa lâu hơn một tiếng đồng hồ, hai tiếng rồi đến ba tiếng. Đêm hôm qua lại là một đêm đặc biệt có ý nghĩa với tôi vì lần đầu tiên tôi cảm nhận được một chút gì gọi là: cái Khổ của thiền tập.

Như mọi hôm, đánh lễ Đức Phật xong thì tôi bắt đầu ngồi bán già, đùi chân phải đặt lên chân trái, 20 phút trôi qua tôi cảm thấy mọi việc bình thường suôn sẻ, có thể tập trung được, nhận biết được bản thân không còn chú ý đến cái đồng hồ như mọi khi. 15 phút kế tiếp, cảm thọ đau bắt đầu trỗi dậy mạnh mẽ từ bàn chân phải, tôi chuyển đề mục từ niệm phòng xệp nơi bụng sang theo dõi cái đau để kịp thời ghi nhận nó, vùng đau di chuyển và bắt đầu tăng dần, tăng dần ngay khuỷu chân cho đến lúc tôi không thể chịu nổi và muốn nhúc nhích chút xíu để xoa dịu nó. Nhưng có một giọng của ai đó vang lên trong đầu tôi: “Hãy cứ xem cái đau như một người bạn quý lâu lâu đến thăm nhà, vì vậy nên tiếp đãi bạn mình một cách đàng hoàng, chu đáo chứ sao lại xua đuổi người ta” có thể là tôi đang nhầm lẫn hoặc tự tưởng tượng ra giọng nói của một ai đó nhưng rồi cơn đau cũng từ từ dịu xuống, từ từ, từ từ và biến mất hẳn trở về với trạng thái bình thường.

30 phút kế tiếp là cảm thọ an lạc đến, cái cảm giác hạnh phúc này tôi không biết diễn tả như thế nào cho đầy đủ, chỉ biết là trong giới hạn ngôn từ, tôi cảm nhận được sự thanh tịnh mát mẻ, tràn đầy năng lượng xung quanh. Năng lượng này như một bức tường thành kiên cố mà những âm thanh, tiếng nói bên ngoài không cách nào tác động được đến tôi, đến độ tôi đã nghĩ rằng mình có thể ngồi từ ngày này qua ngày khác mà không cần phải mở mắt hay ăn uống gì

cả. Nhưng chỉ cần vừa nghĩ như vậy thì cảm thọ Đau lại xuất hiện trở lại, nó lại tiếp tục cuộc hành trình của riêng nó.

Tuy lần này nó không dồn dập mạnh bạo như lúc đầu nhưng có vẻ khá cứng đầu và ở lì một chỗ, rồi một cảm thọ khác bắt đầu xuất hiện từ phía dưới hông, nhưng chỉ nửa bên phải, chưa kịp đặt tên cho nó là gì thì từ phía xương sống bắt đầu lâm râm ê ẩm. Một cảm giác đau tột cùng cực điểm khi cả ba cảm thọ không mấy gì vui vẻ cùng một lúc di chuyển, như ba mũi tên tấn công vào ba hướng khác nhau, lúc thì như kim chích từng mũi từng mũi vào mình, lúc thì như ai lấy dao cứa vào thịt rồi cắt ra từng mảnh, có lúc lại như sợi dây thun bị ai đó kéo giãn cho đến cùng cực rồi từ từ thả lỏng co ngược trở lại. Tôi muốn khóc, muốn hét lên tới tận trời xanh rằng tôi không thể chịu đựng thêm một giây phút nào nữa và muốn mở mắt ra, muốn tung hê tất cả rồi mặc kệ ra sao thì ra.

Rồi bỗng nhiên hai bàn tay tôi cũng không còn cảm giác là đang đặt ở hai khuỷu chân nữa mà nó như miếng nhựa gặp độ nóng tan chảy ra. Hai phần chân dưới cũng bắt đầu không còn cảm thấy được sự hiện diện của chúng, các đầu ngón tay như bị axit ăn mòn, dần dần rồi đến khuỷu tay, như người bị cụt tay vậy, hơi thở thì có phần rút ngắn lại tựa hồ như không còn không khí để thở, nó mong manh đến độ như một sợi tơ và dễ bị đứt bất cứ lúc nào.

Trong vòng ba tiếng đồng hồ, tôi kinh nghiệm được cái khổ ở thân không bằng cái khổ phải chịu sự đàn áp liên tục bên trong của các cảm thọ, cũng chỉ là bước đầu mang máng hiểu cái sự “Khổ” theo ý nghĩa thật sự của chân đế. Tôi khe khẽ mở mắt khi một chị công quả đến thì thầm bên tai tôi rằng tôi nên nghỉ ngơi và đừng cố gắng quá sức. Tự nhiên tôi cảm nhận như có tay chân trở lại, cảm thọ đau từ từ lắng dịu xuống và tôi bắt đầu cử động. Nhìn xung quanh mọi người ai đã về phòng nấy, riêng chỉ còn mỗi mình tôi thênh thang trong căn phòng thiền vắng lặng. Tôi khẽ mỉm cười và nghĩ tới lời thầy giám luật lúc nào cũng nhắc các thiền sinh: Điều gì đến hãy cứ ghi nhận như nó là như vậy và hãy trở về với phòng xếp, giờ tôi mới bắt đầu thôi giận thầy.

NHỮNG CÂU CHUYỆN BÊN LỀ

19/2/2012

Sáng nay thân thức dậy trễ, để đồng hồ báo thức mà đến cận giờ ăn sáng tôi mới dậy nổi. Có một chú chim nào đó không biết thuộc loại gì kêu inh ỏi như cái còi bên cửa sổ phòng ngủ, có lẽ chú muốn đánh thức tôi dậy nhưng tôi lại mặc kệ chú rồi tiếp tục mơ màng trong giấc ngủ nửa tỉnh nửa mê của mình.

Trong mơ tôi lại nhìn thấy năm chú chim khác đang đứng xếp hàng ngoài nhánh cây kêu gọi tôi thức dậy, màu sắc xanh đen lấp lánh rất đẹp, tiếng kêu càng lúc càng lớn, có lúc như thúc giục, có lúc như tức giận, khi thấy tôi vẫn chưa chịu thức dậy thì tất cả đều bỏ đi. Thực sự là hai đêm vừa qua giấc ngủ

tôi cứ chập chờn và còn có nhiều giấc mơ khá lạ lùng nữa, như đêm hôm trước tôi mơ thấy một chú rắn rất to đen, dài, có hai vảy ở hai má từ dưới nước bơi theo tôi đang ngồi trên thuyền, tôi càng cố chèo thuyền thì chú càng bơi nhanh theo, rồi khi tôi mệt mỏi quá nằm trốn dưới mạn thuyền thì bị chú tìm thấy và cắn một phát từ phía sau lưng. Trong mơ tôi gần như bị trúng độc và sắp chết, hình như có một nhóm người đâu đó mang tôi vào bệnh viện nhưng tôi đã ngừng thở.

Đêm hôm qua còn lạ lùng hơn nữa, sự việc xảy ra vào lúc nửa đêm, rõ ràng bên tai tôi nghe văng vẳng có tiếng bước chân của một nhóm người nữ bên ngoài cửa sổ và họ nói là đưa ai đó đi cấp cứu vì ngộ độc thực phẩm. Lúc đó tôi cứ đinh ninh rằng người bạn thiền người Trung Quốc kể bên phòng tôi có chuyện xảy ra, vì cô bị bệnh xuất huyết bao tử đến nỗi không thể nào ăn uống hay ngồi thiền được cả hơn tuần nay rồi. Tôi giật mình chạy vội ra ngoài hành lang, có ý giúp mọi người một tay đưa cô đi bệnh viện, nhưng thật lạ lùng là khi mở cửa bước ra ngoài thì hành lang vắng tanh, im phăng phắc như không hề có chuyện gì xảy ra. Tôi khẳng định rằng đó hoàn toàn không phải tôi đang nằm mơ, lúc đó là vào 12h30 khuya, tôi còn nhớ rất rõ.

Sau đó, tôi đem sự việc này trình bày với sư cô người Việt, đại ý dò hỏi xem có ai có hiện tượng giống tôi hay không, tôi sợ mình hành thiền không đúng nên xảy ra nhiều việc như vậy, thì sư cô giải thích với tôi rằng do tâm mình bị tán loạn, bị động hoặc do nghiệp thức từ quá khứ trỗi dậy, từ từ ngồi thiền lâu sẽ bớt đi nhiều và không còn nghe thấy những điều lạ nữa.

Trong nhóm ngồi thiền ở đây có một sư cô còn khá trẻ, khi cô ngồi thiền tôi thấy cô cứ nhúc nhích hoài, vai lúc thì lắc lư, lúc thì xoay vòng vòng như đang lên đồng. Sư cô người Việt cho tôi biết rằng sư cô này đã hành thiền khá lâu, hơn 10 tháng rồi và đi đến giai đoạn bị hiện tượng gió trong thân (hay đặc tánh Phong Đại) cuốn theo vì bị mất định lực. Chỉ có người khác nhìn thấy sư cô như vậy nhưng chính sư cô thì không hề hay biết điều đó, cũng giống như cảm thọ đau, nó tự thân vận động theo bản thể của mình, tâm chỉ có thể ghi nhận nó chứ không thể điều khiển hay chi phối nó được.

Cũng có một trường hợp ly kỳ khác mà chính ni sư người Việt từng chứng kiến và kể lại cho tôi. Một hành giả trong lúc hành thiền, cái đầu của ông liên tục xoay vòng vòng, xoay ngược cả ra phía sau làm các thiền viên khác bị một phen hú vía, vị hành giả này thì không hay biết cho đến khi hết giờ thiền được nghe các vị khác kể lại. Với những trường hợp hiếm hoi như thế, thầy giám luật thường có cuộc trao đổi riêng mà chỉ hành giả đó và thầy biết mà thôi.

Sư cô còn kể cho tôi nghe về cuộc đời của bà Dipa Ma, người phụ nữ đã từng luyện tập thiền ngay tại trung tâm này với sự hướng dẫn của thiền sư Mahasi, và sau đó nhờ vào định lực thâm sâu học được ở thiền Minh Sát, bà đã đắc được nhiều loại thần thông. Những điều này đã được thiền sư Munindra cũng là thầy của bà thực chứng khi một vài lần bà phô diễn thần thông với ông như bay

lơ lửng trên không bằng việc chuyển yếu tố gió thành đất, độn thổ, xuyên qua tường, phân thân mình ra làm hai, hay mô tả từng chi tiết địa điểm, vị trí các thánh vật của Bodhi Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng, nơi Phật thành Đạo) một cách chính xác dù bà chưa hề đặt chân đến đó lần nào, và việc bà có khả năng tiên đoán trước vận mệnh tương lai của các vị thiền sinh nước ngoài của mình mà sau này họ đều thấy chính xác.

Tất cả những cuộc phỏng vấn, những bài học, những câu chuyện thần thông, những câu hỏi xung quanh cuộc đời bà từ lúc nhỏ cho đến lúc lớn được viết lại khá đầy đủ và chi tiết bởi những học viên ngoại quốc đến từ Mỹ của bà trong quyển sách mang tên: *Dipa Ma - Cuộc đời và di huấn* (The Life and Legacy of A Buddhist Master).

Trước đây khi tôi không hiểu gì về đạo Phật, khi có người nói với tôi về thần thông, bùa chú, tôi hay nói đùa rằng họ bị điên và hết sức vớ vẩn. Nhưng quả thật khi bước ra ngoài thế giới mà mình cứ tưởng là chỉ có khoa học là thực tiễn này thì mới biết rằng mình đang tự giới hạn mình và tự giam lỏng tầm nhận thức của mình trong phạm vi hết sức hạn hẹp.

Giống như con kiến nhỏ, nó sẽ chẳng thể nào mừng tượng ra được có bao nhiêu thế giới động vật khác xung quanh nó, có những động vật khổng lồ gấp hàng trăm hàng ngàn lần nó như là con người đầy thôi, thì tôi nghĩ con người cũng thế, có những điều ta không thể nhìn bằng mắt thường hay dùng sự hiểu biết của thế gian để giải thích mà phải nhìn về khía cạnh tâm linh thì mới có thể thấu đáo được.

Cách đây mấy trăm năm sẽ chẳng ai có thể hình dung ra một ngày con người có thể bay trên không bằng máy bay, nói chuyện được với nhau khi cách nhau cả ngàn cây số qua cái điện thoại nhỏ bé, hay nhìn thấy được tình hình thế giới qua màn hình ti vi và máy vi tính v.v và v.v. Đó cũng có thể được xem như là một loại thần thông của các nhà khoa học dùng tứ đại bên ngoài mà có được, còn thần thông đạt được do tu tập thiền định mang lại bởi quán chiếu thực tính của tứ đại bên trong như thiên nhãn, thiên nhĩ, túc mạng thông hoàn toàn có thể đạt được, nhưng những điều này chỉ có thể đến từ việc thực hành một cách kiên nhẫn và nghiêm túc. Khi đệ tử hỏi về thần thông, Đức Phật thường im lặng không trả lời, tuy trong một số Kinh tạng có đề cập đến sự vận dụng thần thông của Đức Phật nhưng Ngài lại không khuyến khích đệ tử của mình học thần thông vì thần thông không đem lại sự giải thoát, và vì mục đích rốt ráo nhất của việc tu tập thiền định là để diệt khổ trong tâm, từ bỏ đời sống ngũ uẩn để tìm tới an vui Niết Bàn tuyệt đối.

Niết Bàn chính là loại thần thông cao thượng nhất vậy.

TIỀN BẠN

“Sớm nào còn xanh màu lá,

Rồi một chiều vội vã chia ly”

Sáng nay tôi xin phép thầy nghỉ buổi sáng để đi xin visa vào Ấn Độ. Chạy lên văn phòng lãnh sự quán, điền đơn rồi phỏng vấn, gọi là phỏng vấn cho có thôi, chứ lên trên lầu người phụ trách chỉ nhìn nhìn tôi sơ qua như kiểu thăm dò rồi nhanh chóng đóng dấu vào đơn và mời đi xuống lấy phiếu hẹn. Tôi chưa bao giờ thấy lấy visa dễ dàng như visa của Ấn Độ mà nhân viên cũng thân thiện và nhiệt tình nữa. Biết chắc mình sẽ có được visa nên tôi sẵn tiện chạy lên văn phòng vé hỏi vé đi Gaya nhưng hết vé đến tận ba tuần sau mới có, đành hỏi vé sang Calcutta nhưng cũng kín hết chỗ. Tôi loay hoay một hồi rồi chạy lên India Airlines tìm kiếm chút hy vọng mong manh, họ cũng trả lời như bên đại lý, chỉ còn vé thương gia mà vé này thì tôi không kham nổi. Đang ngồi suy nghĩ miên man, miệng liên tục niệm hồng danh Đức Phật xin Người tạo thuận duyên cho tôi có một chỗ để đi về đánh lễ Người thì bỗng nhiên chị bán vé gọi tôi bảo là còn hai vé hạng bình dân vì có người vừa hủy vé nhưng phải đi buổi tối. Quả là có cầu tức có ứng mà.

Chiều nay là lần trình pháp thứ ba rồi, sau bảy ngày tu tập, nhìn chung kết quả cũng chỉ tạm chấp nhận được, không ai đánh giá nhưng tôi vẫn cho rằng bản thân mình còn trì trệ và chưa tinh tấn lắm. Vẫn như thường lệ tôi trình bày cách ngồi thiền của mình, tôi nói với thầy rằng tôi khó theo được thời khóa biểu đã định sẵn vì tôi thường ngồi quá một tiếng và rất lười đi thiền hành, tôi vẫn cảm thấy thích ngồi hơn là đi. Thầy khuyên tôi về tiếp tục thực hành thiền hành nhưng lần này tập trung ba bước, tức quan sát bước chân lúc nhấc lên, bước tới và hạ xuống thay vì ghi nhận hai bước, trái trái, phải phải như trước. Hơn nữa, cần phải quan sát kỹ tiến trình từng động tác một để ghi nhận sự nhẹ dần khi đưa lên và nặng dần khi bàn chân từ từ hạ xuống, mục đích là để nhận biết đặc tính của Phong đại (cảm giác Nhẹ) và Địa đại (cảm giác Nặng), từ đó hiểu được thực tính tạo ra sự chuyển động.

Lần này vì biết ý thầy nên tôi trình bày vấn đề rất đơn giản để không mất thời gian của các thiền sinh khác, hơn nữa, dù có nói dông dài như thế nào thì thầy cũng chỉ khuyên có bấy nhiêu.

“Trái phải, phải, trái phải,

Gót nhỏ mòn lồi xura

Mà vẫn chưa nhận diện

Khổ đau với vô thường.”

Kể từ khi lấy vé thì chỉ còn có ba ngày nữa là khởi hành đi Ấn Độ. Tôi nhìn quang cảnh xung quanh thiền viện mà tự nhiên thấy lòng xao xuyến lạ, bảy ngày vừa qua tôi đã xem nơi đây như ngôi nhà tâm linh của mình. Cây bồ đề cổ thụ nơi tôi thường đi thiền hành, những buổi trưa lang thang nhặt lá vàng rơi rồi bất chợt thấy đời người mong manh quá đổi...

Chiều nay lại chia tay hai hành giả trong nhóm thiền sinh nữ, một người trở về Pháp, một người về Hàn Quốc. Chúng tôi tiễn họ ra đến tận cửa, nắm tay nhau rồi bịn rịn, người ở lại nhấn người ra đi cố gắng tu tập, người ra đi nhấn nhủ người ở lại cùng vượt thoát bờ mê. Thật lạ, chỉ đơn giản như thế mà nước mắt cũng rơi.

HỘI NGHỊ KẾT TẬP KINH TẠNG LẦN VI

Mấy ngày nay tôi ngồi thiền không được tập trung lắm vì cứ phải đi ra ngoài lo việc visa, sáng nay lại có hẹn lên đóng tiền lệ phí, tôi ngạc nhiên là sao hôm trước họ không cho đóng tiền luôn một thể. Nghĩ cũng lạ nhưng thôi nhập gia thì tùy tục vậy. Xong phần đóng tiền, họ hẹn 5h chiều đến lấy, định quay trở về trung tâm rồi lại xin phép thầy đi lên lần nữa nhưng thấy không tiện nên cuối cùng tôi quyết định loanh quanh ở ngoài chờ đến lúc lấy visa luôn.

Tôi gọi cho Moe, anh bạn người Myanmar mà tôi gặp ở chùa Sue hôm trước, anh hứa là khi nào tôi có thời gian thì anh sẽ làm hướng dẫn viên du lịch miễn phí cho tôi.

Đầu tiên Moe đưa tôi đi đến một nhà sách Phật giáo cách trung tâm thành phố gần 10km. Trước đó tôi có ý muốn tìm một vài bức tranh thangka⁽⁵⁾ hình Phật để mang theo làm kỉ niệm nhưng không tìm được bức nào như ý muốn. Sau đó, Moe dẫn tôi đến một ngôi chùa gần đó mà như lời anh nói là rất quan trọng.

Đến nơi, trao đổi qua lại một hồi, tôi mới biết đây là nơi đã tổ chức Hội nghị Kết tập Tam Tạng Kinh Điển lần VI cách đây 50 năm. Quả thật là có một điều gì đó kỳ lạ mà tôi không giải thích được vì mới hôm qua đây thôi, tôi nghĩ trong đầu mình là có một nơi tổ chức hội nghị này ở Yangon nhưng không biết nó ở đâu, tên gọi là gì vì tiếng Myanmar khi dịch ra khác với tiếng Việt và tiếng Anh. Tôi còn tiếc nuối là mình không có cơ duyên đi đến đó rồi, vậy mà bây giờ tôi đang ở đây, quả là một sự may mắn và phúc lành cho tôi trong những ngày cuối ở Yangon.

Tôi bước qua cánh cổng rồi quán tưởng như mình đang được cùng hàng Thánh tăng tiến vào khu vực tiền sảnh để tham dự hội nghị. Moe giải thích cho tôi rằng, kể từ khi Đức Phật nhập diệt cách đây 2.500 năm, Phật giáo thường phải đối mặt với nhiều sự kiện đen tối và sự chống phá của các thế lực bên ngoài lẫn bên trong tăng đoàn, cộng thêm sự diễn dịch sai lạc về kinh điển, nhưng may mắn vẫn còn các vị trưởng lão Thánh Tăng mang trách nhiệm gìn giữ, phát huy giáo pháp của Đức Phật, và vì vậy mà có các Hội nghị Kết tập Kinh Tạng được tổ chức. Tính đến nay, đã có sáu lần diễn ra hội nghị này.

Rồi anh lần lượt kể cho tôi nghe về những lần kết tập ấy như một người hướng dẫn tour chuyên nghiệp. Tôi xin kể ra sau đây theo trình tự thời gian, địa

điểm và nguyên nhân của các kỳ kết tập để chúng ta thấy được tầm quan trọng của các hội nghị này.

- *Lần kết tập Kinh Tạng lần thứ I*: Diễn ra ba tháng sau khi Phật nhập diệt năm 478 TCN, được tổ chức trong thời gian bảy tháng tại thạch động Sattapanna ở thành Rajagaha (thành Vương Xá hay Rajgir, Ấn Độ ngày nay). Ngài Ma Ha Ca Diếp là một trong những vị đại đệ tử của Đức Phật lúc bấy giờ đứng ra triệu tập 500 vị tỷ kheo để kết tập. Trong lần kết tập theo lối tụng đọc này, hai trong ba bộ Tam Tạng Kinh là Kinh Tạng và Luật Tạng được hình thành.
- *Lần kết tập Kinh Tạng lần thứ II*: Diễn ra 100 năm sau khi Phật nhập diệt, hội nghị kéo dài 8 tháng, ở thành Vê Xá, do nhà vua Kakasoka bảo trợ, có 700 vị tỷ kheo được triệu tập dưới sự chủ tọa của Ngài Ly Bà Đa. Nội dung là để điều chỉnh lại một số giới luật do sự mâu thuẫn trong tăng đoàn và từ sự kiện này đã dẫn đến sự thành lập riêng lẻ hai hệ thống Trường Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ (Đại Thừa và Tiểu Thừa).
- *Lần kết tập Kinh Tạng lần thứ III*: Diễn ra 200 năm sau khi Phật nhập diệt, kéo dài 9 tháng ở ngôi chùa Asokarama tại Patthana, có 1.000 vị tỷ kheo được tuyển chọn. Hội kết tập lần này do Ngài Moggaliputta Tissa chủ tọa, dưới sự bảo trợ của vua A Xà Thế. Nội dung cũng nhằm chấn chỉnh lại giáo pháp và giáo luật, đồng thời thanh lọc hàng ngũ tăng già do có nhiều tu sĩ ngoại đạo giả dạng vì lúc đó có một bộ phái mới hình thành nên những giới luật, tri kiến hoàn toàn khác với Phật giáo. Sau cuộc thanh lọc đó, có khoảng 60.000 tu sĩ bị trục xuất khỏi tăng đoàn.
- *Lần kết tập Kinh Tạng lần thứ IV*: Diễn ra 400 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn, cả hai bộ phái lớn của Phật giáo là Trường Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ đều có cuộc hội nghị kết tập của riêng mình. Trường Tọa Bộ tổ chức lần kết tập kinh Tạng lần thứ IV tại ngôi làng Matale ở Tích Lan (tức Sri Lanka) do Ngài Maharakkhita chủ tọa, gồm 500 vị tỷ kheo, dưới sự bảo trợ của vua Vattagàmani. Mục đích của đại hội là sắp xếp lại các thứ tự của kinh điển, cũng như dịch bộ Tam Tạng Kinh trên lá buông bằng tiếng Pali.

Cùng lúc đó, Đại Chúng Bộ cũng tổ chức lần Kết tập Kinh Tạng lần thứ IV tại Kasmira thuộc nước Gandhara, miền tây bắc Ấn Độ. Vị chủ tọa cuộc kết tập là Ngài Vasumitra với sự bảo trợ của Hoàng đế Kanishka. Mặc dù kỳ kết tập của Đại Chúng Bộ không được Trường Tọa Bộ công nhận nhưng sau đại hội kết tập lần này, cả hai bộ phái lớn của Phật giáo đều có Tam tạng viết trên lá buông.

Lần kết tập kinh điển lần thứ V & thứ VI đều do Trường Tọa Bộ tổ chức.

- *Lần kết tập Kinh điển lần thứ V*: Diễn ra năm 1854 tại Mandalay, Myanmar. Hội nghị kéo dài năm tháng, có 2.400 Chư Tăng tham dự. Vị chủ tọa lần này là

Ngài Pong Yi Sayadaw và người bảo trợ là vua Mindon. Sau lần kết tập thống nhất lại kinh điển lần này, tất cả Tam Tạng Kinh: Luật, Luận, Tạng được khắc trên 729 phiến đá cẩm thạch và được gìn giữ tại chùa Kuthodaw.

- *Lần kết tập Kinh điển lần thứ VI*: Diễn ra năm 1956 tại Yangon dưới sự tài trợ chi phí của thủ tướng U Nu và do Ngài Nyungan Sayadaw làm vị chủ tọa. Theo hình thức tương tự như lần kết tập lần thứ I, các vị thánh tăng chọn lựa Ngài Mahasi nêu lên câu hỏi về vấn đề trong Tam tạng Kinh, còn Ngài Bhadanta Vicittasara Bhivamsa là người trả lời. Hội nghị lần này có 2.500 vị Tỷ kheo tham dự. Tiếng Pali, tiếng Miến Điện và tiếng Anh là ba ngôn ngữ được sử dụng chính trong đại hội. Hòa thượng Thích Bửu Chơn là vị trưởng đoàn cho đại diện Việt Nam được mời tham dự cùng với các nước khác như Thái Lan, Campuchia, Lào, Sri Lanka...

Tôi đứng đây, trong sảnh đã diễn ra hội nghị lần thứ VI này mà lòng cảm thấy sung sướng làm sao dù nơi đây bây giờ chỉ còn dành cho khách thập phương lui tới viếng thăm. Những thông tin này trước khi đến tôi hoàn toàn không nắm vững, vì luôn nhầm lẫn giữa một rừng khái niệm: Phật giáo Tiểu Thừa, Đại Thừa, Nam Tông, Bắc Tông, Mật Tông. Tự nghiên cứu qua một số bài viết trên mạng, tôi chỉ thấy mình hiểu được một phần rất nhỏ, rất nhỏ trong dòng luân chuyển khổng lồ của lịch sử Phật giáo. Việc ghi chú lại để củng cố lỗ hổng kiến thức của mình là một việc không hề dễ dàng gì.

Tôi tiếp tục theo chân Moe đi về tu viện của anh, nơi mà anh đang làm nhiệm vụ chăm sóc hơn 400 trẻ em mồ côi. Hàng ngày, anh thường phải đi khát thực cầu bố thí khắp nơi về lo cho các em, đâu đó vẫn còn những tấm lòng Bỏ Tát như thế, nghĩ lại mình mà thấy thẹn làm sao.

Vì có hẹn 5h quay trở về trung tâm lấy visa nên tôi cũng không có nhiều thời gian, Moe lại hối hả dẫn tôi viếng thăm ngôi chùa Chaukhtukyi Paya, nơi lưu giữ một bức tượng Phật rất lớn, chỉ băng qua đường là tới, chưa kịp lễ Phật, giờ máy chụp vội vài tấm hình rồi tôi vội quay ra đón xe bus về trung tâm. Chúng tôi chia tay nhau như thế, xe bus lăn bánh, ngoái lại phía sau nhìn bóng anh vẫy tay chào dần dần khuất hẳn, cầm visa trong tay, quay về thiền viện, chiều lại tới, hoàng hôn nghe chơi vơi...

23/2/2012

Tạm biệt Yangon!

PHẦN 4: INDIA

Có bốn thánh tích thiêng liêng ghi dấu bốn sự kiện trọng đại trong cuộc đời hoàng pháp của Đức Phật. Tứ động tâm đó là: Lumbini (Lâm Tỳ Ni) nơi Đức Phật đản sinh, Bodhgaya (Bồ Đề Đạo Tràng) nơi Đức Phật thành đạo, Sarnath (Vườn Lộc Uyển) nơi Đức Phật thuyết giảng bài pháp đầu tiên và Kusinara (Câu Thi Na), nơi Đức Phật nhập Niết Bàn.

Một trong ba nơi đó thuộc địa phận của Ấn Độ, chương này tôi sẽ cùng bạn tham quan các thánh tích và địa danh du lịch nổi tiếng sông Hằng.

THE GOD FATHER

24/2/2012

Chuyến bay từ Yangon đến Calcutta cuối cùng cũng khởi hành sau hai tiếng trì hoãn. Trong phòng chờ, tôi có dịp bắt chuyện với một bác người Myanmar, tên là Ricky. Bác khoảng 65 tuổi, nhỏ người, mặc đồ theo kiểu thời trang hippe bụi bặm, trông rất phong trần và hóm hỉnh, có vẻ như không điều gì qua mắt được người đàn ông luống tuổi này.

Bác kể mình đã đi du lịch bụi khắp nơi từ Châu Âu sang Châu Á, đến cả Châu Phi, thảo nào mà tiếng Anh của bác sành sỏi đến vậy. Trò chuyện bằng tiếng Anh với tôi nhưng chốc chốc bác lại quay sang tíu tít với mấy cậu thanh niên người Ấn bằng tiếng Ấn, gặp hành khách người Nepal, bác lại chuyển sang nói tiếng Nepal, tổng cộng bác bảo tôi bác biết chín thứ tiếng khác nhau, quả là đáng nể. Vậy là trên chuyến bay chúng tôi có thêm một người bạn già, ông chỉ cho chúng tôi cách trả giá với dân buôn Ấn Độ và cách làm quen với những ánh mắt đầy tham vọng của đàn ông Ấn Độ khi nhìn thấy con gái Châu Á. Đi bên cạnh ông, tôi cảm thấy được che chở và cực kỳ an toàn. Tôi gọi ông là Bố Già, phỏng theo bộ phim nổi tiếng cùng tên vì thấy ông thật giống như thế.

Chúng tôi đến Calcutta lúc 8h tối, sân bay trông hoang tàn và cũ kỹ, thời tiết tương tự như ở Myanmar nhưng có vẻ oi bức hơn. Vốn đã tới Calcutta nhiều lần nên bác Ricky chỉ cho tôi chỗ mượn phòng trọ giá rẻ dành cho Tây ba lô bụi, giá chừng 700 rupee⁽¹⁾, khoảng 11 đôla/đêm. Chúng tôi đồng ý theo bác đón taxi đến đó.

Xe lướt qua những dãy đường phố tấp nập nập người là người. Ở đây có vẻ gì đó hời hả và lộn xộn, những gương mặt rám nắng, những đôi mắt trần tục đau đáu sâu thẳm, khó mà đoán được họ đang suy nghĩ điều gì. Từ lúc ngồi trên xe đến lúc tới khu hostel, tôi vẫn chưa tin được rằng mình đang ở Ấn Độ. Tuy

nhiên cảm giác thật kỳ lạ, tôi không còn cảm thấy hào hứng như khi đặt chân lên đất Myanmar dù nơi đây là ngôi nhà tâm linh của thế giới.

Giữa dòng người nhộn nhịp buôn bán về đêm, bước lên một vài bậc thang nhỏ cũ kỹ là tới chỗ nhà khách, bác Ricky tay bắt mặt mừng với người chủ nhà trọ rồi chỉ trở về hướng tôi, đại ý là gửi gắm chúng tôi cho anh ta. Anh chủ nhà lập tức vồn vã tới chào hỏi và dẫn tôi đi xem phòng. Hai bác cháu chào tạm biệt nhau, ngày mai bác đặt vé tàu đi New Delhi thăm vài người bạn già trên đó, tôi thì tìm vé lên Gaya, nơi còn gọi là Bồ Đề Đạo Tràng. Hai lối đi, gặp nhau trong chốc lát, thôi thì cũng phải quen dần với những cuộc chia ly như vậy.

“Welcome to India! Chào mừng đến Ấn Độ!”

SÂN GA HOWRAH

25/2/2012

Cảnh tượng nhà ga xe lửa Howrah, một trong những ga xe lửa bận rộn nhất nhì Châu Á, là một điều hãi hùng đối với tôi. Bước vào sân ga, cảm giác đầu tiên của tôi là hoàn toàn lạc lõng bởi sự ồn ào, nhộn nhịp chưa từng có ở đây.

Người trải chiếu nằm ngủ la liệt khắp nơi. Trên sân ga, tiếng kẻ ăn xin, tiếng người rao hàng, tiếng trẻ con gào khóc, tiếng la hét của bảo vệ, tất cả tạo thành những âm thanh và hình ảnh hỗn độn, chưa tính tới mùi vị khai nồng từ các nhà vệ sinh. Tôi đã cố bịt mũi, nhắm mắt, nín thở vài phút để không bị nôn mửa khi đi tiểu tiện trên tàu.

Trước chuyến đi đến Ấn Độ, tôi đã có một giấc mơ rất lạ. Xung quanh tôi là những đường phố cũ kỹ, có rất nhiều đàn quạ đen đang vây quanh. Tôi đi vào một ngôi nhà nhỏ với ánh nến le lói chiếu ra từ một bàn thờ Phật ở bên trong. Bàn thờ được trang trí với hoa và nến, trịnh trọng và trang nghiêm, hai bên lối đi vào là những người rất già, da đen, ốm yếu và bệnh tật đang ngửa tay xin tiền, tay họ bầu vúi vào bàn chân tôi, ánh mắt lờm lờm thần bí như chục chò nuốt chửng tôi. Tôi thức dậy với mồ hôi nhễ nhại và sợ hãi tột cùng, như thể tôi không hề nằm mơ mà rất thực.

Khi chưa đến Ấn Độ, tôi đã được cảnh báo rằng đừng tin vào hai chữ “Incredible India” hay những vũ điệu âm nhạc rộn ràng xa hoa với quần áo lụa là, những điệu múa hát khiến bạn lắc lư. Tôi đã nghĩ xứ Phật thật đẹp làm sao, giờ đây nó đối với tôi cũng thật là “Incredible” nhưng mang một ý nghĩa hoàn toàn khác.

Khi tìm đường đến nơi mua vé tàu đi Gaya, tôi có dịp chứng kiến tất cả những điều trong giấc mơ như diêm báo. Quạ ở khắp nơi trong thành phố này, những tòa nhà cổ quái không người ở từ thời thực dân Anh mà chỉ cần nhìn vào bạn cũng có thể cảm nhận được một luồng gió lạnh xuyên qua người. Rác rưởi nhan nhản khắp mọi nơi, những người ăn trầu thích khắc nhỏ trên vách

tường hoen ố, mùi tanh bay ra từ mọi ngõ ngách của thành phố, lại có người vô tư xách nước tắm trên vỉa hè, có người say giấc nồng mặc kệ bên cạnh là ống cống và ruồi nhặng xung quanh. Những bà mẹ bồng con đi ăn xin sẵn sàng ra giá, những đứa bé bám víu xin vài đồng bạc lẻ, dường như với chúng, tiền chưa bao giờ là đủ, bạn cho một đứa, ngay lập tức sẽ có một nhóm năm sáu đứa khác chạy đến và vây xung quanh rồi nũa như đùa, nũa như khiển trách khi bạn không cho.

Cả một bầu năng lượng nặng nề, đen tối dường như bao trùm khắp thành phố. Nếu ở Myanmar, tôi cảm nhận được luồng năng lượng yêu thương tràn trề, thanh bình bao nhiêu thì ở đây tôi cảm thấy ngột ngạt và bức bối bấy nhiêu. Hiếm lắm tôi mới bắt gặp được nụ cười hời hợt trên môi của họ. Cứ ngỡ là mình đang về đất Phật nhưng hóa ra chỉ 2% dân số ở đây theo Phật giáo, còn lại chia đều cho Ấn Độ giáo và dày đặc các tôn giáo khác. Sự pha trộn tín ngưỡng tạo nên một bức tranh tâm linh đầy màu sắc nhưng có vẻ gì đó tù túng, không lối thoát.

Tám tiếng ngồi trên xe lửa là khoảng thời gian dài nhất trong đời khi tôi không thể nào chớp mắt được, những suy nghĩ cứ vây lấy tôi, đặt ra hàng loạt câu hỏi tại sao và tại sao. Đôi khi tôi thoáng nghĩ chắc vì vậy mà Đức Phật chọn nơi này làm nơi Ngài sinh ra và hành đạo chẳng. Ngài chọn nơi tối tăm và cùng khổ nhất để thắp lên ngọn nến soi sáng cho những linh hồn đang đau khổ? Màn đêm hun hút, gió lùa qua khung cửa sổ, tiếng khoang tàu ken két rền rĩ, thôi thì tạm nhắm mắt, ngày mai trời sẽ lại sáng...

BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG CHUYẾN TRỞ VỀ ĐẦU TIÊN

26/2/2012

Có bốn thánh tích thiêng liêng ghi dấu bốn sự kiện trọng đại trong cuộc đời hoàng pháp của Đức Phật mà bất cứ một Phật tử thuần thành nào cũng mong muốn một lần trong đời được viếng thăm và đánh lễ. Tứ động tâm đó là: Lumbini (Lâm Tỳ Ni) nơi Đức Phật đản sinh (Lumbini, Nepal), Bodhgaya (Bồ Đề Đạo Tràng) nơi Đức Phật thành đạo (Gaya, Ấn Độ), Sarnath (Vườn Lộc Uyển) nơi thuyết giảng bài pháp đầu tiên *Tứ Diệu Đế* (Varanasi, Ấn Độ) và Kusinara (Câu Thi Na), Tháp Niết Bàn, nơi Đức Phật nhập Niết Bàn (Kusinara, Ấn Độ).

Đọc qua bao nhiêu sách vở nói về cuộc đời Đức Phật và không ít lần ước mơ được ghé thăm, giờ Dọc theo hành lang phía Bắc của ngôi Đại Tháp đánh dấu sự kiện tuần thứ ba Đức Phật đi ngang qua khu vực này và có 18 đóa hoa sen hiện ra đỡ bước chân Người đây không còn gì vui sướng hơn là tôi lại được ngồi ngay tại Bồ Đề Đạo Tràng lúc hoàng hôn sắp buông xuống để viết những dòng chữ này, cảm giác tựa hồ như một giấc mơ. Tôi đã được vào trong

đại tháp đánh lễ Đức Phật, được chứng kiến tận mắt chỗ ngồi của Người dưới
tạng cây bồ đề.



*Đọc theo hành lang phía Bắc của ngôi Đại Tháp đánh dấu
sự kiện tuần thứ ba Đức Phật đi ngang qua khu vực này
và có 18 đóa hoa sen hiện ra đỡ bước chân Người*

Sau thời gian sáu năm tu khổ hạnh nhưng không tìm ra được mục đích cứu cánh giải thoát, Người từ bỏ lối tu khổ hạnh mặc sự xem thường của năm người bạn đồng tu. Người quyết định ngồi dưới cội bồ đề Pippala, cũng là nơi Bồ Đề Đạo Tràng ngày nay với lời nguyện dù thịt nát, xương tan, nếu không đạt thành chánh giác, quyết không đứng dậy. Sau 49 ngày đêm thiền định, vào đêm cuối khi sao mai của đêm rằm tháng Tư vừa ló rạng, Người đắc đạo quả, thấu triệt nguyên nhân sinh diệt, khổ đau của con người và chân lý toàn thể vũ trụ, tìm ra con đường đưa đến thoát ly sinh tử, giải thoát hoàn toàn, khởi nguồn cho đạo Phật xuất hiện trên thế gian.

Chỗ ngồi năm xưa giờ vẫn còn đây nhờ công lao của vị vua A Dục xây dựng để ghi nhận thành quả của một bậc giác ngộ. Lịch sử Phật giáo cũng công nhận rằng ngôi tòa tháp và vị trí của Kim Cang Tòa tức nơi Đức Phật ngồi thiền định và cây Bồ Đề tại Bồ Đề Đạo Tràng ngày hôm nay vẫn còn giữ nguyên vị trí cũ không hề thay đổi và được xem là gốc rễ nhiều đời từ cây bồ đề nguyên thủy xưa kia. Người Ấn Độ có niềm tin rằng cây Bồ Đề này là nơi trú ngụ của rất nhiều thần linh nên hết lòng quý trọng và tôn thờ, khách hành hương thường chờ đợi dưới gốc cây, nhặt một vài lá từ cây bồ đề này đem về như một bảo vật mang lại nhiều may mắn và xem như được ban phước gia trì từ Đức Phật.

Dường như theo một thông lệ có sẵn, tất cả những ai bước vào bên trong tòa tháp đều đi theo chiều kim đồng hồ từ trái sang phải hoặc tiến thẳng vào khu vực đại tháp, họ tin rằng nếu đi theo chiều ngược lại thì con đường tu tập sẽ bị sai hướng và gặp nhiều trắc trở. Tôi không biết điều này có thật sự đúng không nhưng thật khó mà đi ngược lại vì hầu hết các đoàn tham quan đều nối đuôi nhau đi theo kiểu như vậy.

Ngôi Đại Tháp (Maha Bodhi) cao 52m, nằm đối diện ngay cổng ra vào được xem là khu vực chính đây, bên trong tòa tháp, ở tầng trệt có tượng Đức Phật ngồi kiết già trang nghiêm. Hàng ngày khách thập phương muốn vào đánh lễ dâng hoa quả cúng dường phải xếp thành hàng dài, đi qua một cánh cửa nhỏ sau khi đã được bảo vệ kiểm tra nghiêm ngặt. Vì không gian chật hẹp và kín hơi nên tôi có muốn ngồi lâu trong đó để ngắm nhìn Đức Phật cũng không được, hoặc bị chen lấn hoặc bị đẩy đi theo dòng người đông nghịt, nhưng đôi khi họ cũng ưu tiên cho các đoàn thể tăng muốn tụng kinh trong một thời gian nhất định.

Ngoài các địa điểm chính trên, xung quanh tòa Đại Tháp còn có bảy nơi khác đánh dấu cho bảy tuần đầu giác ngộ của Đức Phật được biết đến như:

Tòa tháp Animeslochana: Nơi đánh dấu tuần thứ hai khi Người kinh hành về phía này và quay lại ngắm nhìn cội cây Bồ Đề với lòng tri ân nó đã che mưa che nắng cho mình.

Trụ Chankramenar: Dọc theo hành lang phía Bắc của ngôi Đại Tháp, đánh dấu sự kiện tuần thứ ba Đức Phật đi ngang qua khu vực này và có thuyết nói

có 18 đóa hoa sen hiện ra đỡ bước chân Người.

Đền Ratnagraha: Nơi Người tọa thiền trong tuần thứ tư và toàn thân phát ra năm ánh hào quang sáng chói. Có nhiều người cho rằng lá cờ Phật giáo có năm màu khác nhau tượng trưng cho ánh sáng hào quang là dựa trên sự kiện này.

Khu vực bên trái tòa Đại Tháp theo lối đi vào, khách hành hương dễ dàng nhìn thấy một hồ nước nhỏ, chính giữa hồ là hình tượng của Đức Phật đang ngồi tọa thiền và hình Vua Rong hiện ra bên trên lấy thân che mưa cho Người vào trong tuần thứ sáu.

Cây Ravyatna: Nơi Đức Phật nhận đồ cúng dường từ hai vị thương gia và hai vị thương gia này được Đức Phật ban tặng nhúm tóc của mình làm kỷ niệm trong tuần lễ thứ bảy. Tôi nhớ hình như người bạn tên Moe ở Myanmar có lần nói với tôi rằng, xá lợi tóc đó về sau hai người thương gia đã tặng lại và được gìn giữ tại ngôi chùa lớn Swedagon ngày nay.

Trước đây, do không biết gì về lịch sử Phật giáo nên tôi đã cho rằng, câu chuyện về cuộc đời Đức Phật chỉ là những truyện cổ tích thần thoại được người đời thêu dệt. Mặc dù đã ngồi tại nơi đây, chứng kiến hàng ngàn Phật tử khắp nơi về chiêm bái, có cả những vị chư Tăng đi thành đoàn thể từ Thái Lan, Miến Điện, Sri Lanka, Tây Tạng ngồi tụng kinh, cầu nguyện rồi tọa thiền, lễ lạy từ sáng sớm đến chiều tối nhưng tôi vẫn còn ngờ ngợ không tin vào mắt mình.

Tuy nhiên có một điều kỳ lạ là bất kỳ ai đi hành hương ở đây cũng đều cảm nhận được một cảm giác an lạc, hoan hỷ lạ thường. Tôi thấy có người dâng trào niềm xúc động và bật khóc, không gian tràn ngập tín ngưỡng tâm linh từ rất nhiều gương mặt đến từ khắp nơi trên thế giới và có lẽ hình ảnh làm tôi ấn tượng nhất là những người phương Tây trong trang phục tu sĩ theo truyền thống Tây Tạng.

Có ai đó đã nói với tôi rằng, trước khi Đức Phật ra đời đã có ba vị Phật xuất hiện trên Trái đất và 1.000 vị Phật khác với lời thề nguyện cứu độ chúng sanh cùng chứng ngộ ngay trên mảnh đất Bồ Đề Đạo Tràng này, nên người ta đã tin rằng nơi đây có một sức mạnh tâm linh rất lớn đủ để trấn áp tất cả những buồn phiền, lo lắng, hay tẩy rửa hết những nghiệp lực quá khứ và đánh thức năng lượng thức tỉnh bên trong của mỗi người, và rằng cuộc đời họ từ đây sẽ phần nào thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Tôi thì hoàn toàn tin vào điều ấy.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

KHỔ HẠNH LÂM

27/02/2012

Sáng nay, tôi bắt đầu hành trình đến núi Khổ Hạnh Lâm (Mahakala Cave), cách Bồ Đề Đạo Tràng khoảng 8km. Đây được cho là nơi Đức Phật đã trải qua

thời gian sáu năm tu tập gian khổ. Sau khi tìm cầu và tham vấn nhiều vị đạo sư, mặc dầu đã đạt được những thành quả cao nhất trong thiền định mà các vị thầy danh tiếng truyền lại, nhưng Người nhận ra đây vẫn chưa phải là con đường đưa đến sự thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, nên Đức Phật đã từ giả các vị thầy, tự tìm hướng đi cho riêng mình. Hướng về phía Tây, vượt qua con sông Niranjana⁽²⁾ tới địa phận của khu rừng Uruvela, nơi có nhiều hang động và những vách đá núi cheo leo, cũng là nơi dành cho những vị sa môn có lối tu khổ hạnh, và cuối cùng Người đã lựa chọn một trong vô số những hang động nơi đây để tiếp tục thiền định.

Chỉ mất khoảng nửa tiếng đồng hồ cho việc đi lại, tôi đã có mặt tại chân núi Khổ Hạnh Lâm. Khung cảnh hoang vắng và tiêu điều, thưa thớt. Ở đây không có dân cư sinh sống xung quanh, duy chỉ có một con đường nhỏ tráng nhựa dẫn lên thạch động. Những người khuân kiệu mời gọi khách hành hương với cái giá khá rẻ, hầu hết khách hàng của họ là các cô, các bác lớn tuổi đi lại khó khăn, còn phần lớn khách hành hương khác đều tự mình leo lên núi để thể hiện lòng thành kính vì thạch động chỉ nằm ở lưng chừng núi, cách mặt đất tầm 120m.

Giữa cái nắng oi bức như muốn thiêu đốt tất cả là những em bé và các cụ già hai bên lề đường, một tay che nắng, một tay ngửa ra xin tiền khách hành hương, cũng vẫn là những thân hình ốm o đen đúa, đôi mắt từ địa ngục đau đáu nhìn tôi. Tôi không thể nào tin rằng, giữa một thời đại văn minh như thế này, cuộc sống thiếu văn minh, vật chất nghèo nàn vẫn còn tồn tại khắp mọi nơi, mọi nẻo đường tôi có dịp đi qua trên đất Ấn. Dẫu biết rằng mỗi một đất nước, một con người đều có nghiệp quả chung và riêng phải trả nhưng nơi đây quả thật là phải trả một cái giá quá nặng nề.

Tôi lần hồi đến hang động, có một cánh cửa nhỏ hẹp dẫn vào bên trong, cả khuôn viên chỉ chứa được tầm ba đến bốn người. Khách hành hương phải xếp hàng dài phía ngoài nhưng chỉ được vào trong dâng hoa cúng dường Phật trong chốc lát rồi lại phải di chuyển nhanh chóng để đến lượt các khách hành hương khác. Tôi ngồi ở phía bên ngoài chờ đợi cho đến khi các đoàn lần lượt đi xuống núi rồi mới tiến vào bên trong đánh lễ Người, tôi muốn có cơ hội được ngồi thật lâu bên Người.

Tại khu rừng này, Đức Phật đã trải qua giai đoạn tu tập gian khổ tột đỉnh. Trong một đoạn kinh Trung Bộ, Người đã mô tả về sự gian khổ như sau: *“Vi ta ăn quá ít mỗi ngày, nên cơ thể ta hết sức gầy yếu. Tay chân ta như các lông tre khô đầy khúc khuỷu. Hai bàn tọa của ta trở thành giống như móng trâu, xương sống với cột tủy lõi ra trông giống chuỗi hạt. Xương sườn ta lộ rõ như rui cột của một ngôi nhà đổ nát. Đồng tử của ta nằm sâu trong hố mắt thăm thẳm long lanh giống như ánh nước từ đáy giếng sâu. Da đầu ta nhăn nheo như trái mướp đắng được cắt đem phơi nắng khô héo. Nếu ta muốn sờ da bụng thì ta đụng nhằm xương sống vì hai thứ đã dính sát vào nhau. Nếu ta muốn đi đại tiện hay*

tiểu tiện thì ta ngã úp mặt xuống đất. Nếu ta chà xát tay chân thì đám lông hư mục rụng xuống trong tay ta.”

Y như theo lời Người mô tả, ngày nay người ta đã tạc một tượng đá để thờ tự trên đồi. Ngẫm nghĩ đến đoạn văn này, ngẫm nhìn hình tượng của Người mà nước mắt tôi tuôn rơi thành dòng, mới có 10 ngày ở trung tâm thiền viện Mahasi, quan sát cơn đau mặc tình đến rồi đi, chỉ bấy nhiêu thôi mà tôi đã lao đao khốn khổ, chỉ muốn bỏ cuộc giữa chừng rồi mặc cuộc đời ra sao thì ra, những điều tôi kinh nghiệm được có lẽ chỉ là một hạt nước mặn so với biển khổ bao la của Người mà thôi.

CHUYỆN NÀNG SUJATA VÀ BÁT SỮA CÚNG DƯỜNG

Sau chuyến viếng thăm hang động ở Khổ Hạnh Lâm, người tài xế mà tôi thuê lúc sáng tiếp tục chở tôi đến thăm ngôi đền tưởng niệm Sujata, cũng chính là nơi mà cô đã dâng cúng bát sữa cho Đức Phật, một trong hai bữa ăn được Đức Phật cho là có công đức lớn nhất trong suốt cuộc đời hoàng pháp của Người. Tuy nhiên nó lại ít được đề cập đến trong các câu chuyện kể về cuộc đời Đức Phật.

Câu chuyện được kể lại rằng, sau khoảng thời gian tu hành khổ hạnh trên núi Khổ Hạnh Lâm, mặc dù với sự khổ luyện và ý chí quyết tâm đến cùng cực, nhưng vị sa môn trẻ tuổi ấy vẫn chưa cảm thấy tâm của mình thật sự được an ổn. Cho đến một ngày, ông nhận ra rằng con đường ép xác không phải là con đường đúng đắn. Thân đau thì tâm cũng sẽ đau, tâm và thân tuy hai mà một, hành hạ xác thân cũng chính là hành hạ tâm trí, giống như tiếng đàn của người nghệ sĩ, nếu dây đàn quá căng, nó sẽ bị đứt, ngược lại nếu quá chùng nó sẽ không thành tiếng, chỉ có lên dây vừa phải thì tiếng đàn mới thanh tao được. Với sự nhận thức được con đường trung đạo, ông quyết định để ý và quan tâm đến thân thể mình hơn.

Vào một hôm, trên đường đi khát thực xuống xóm Uruvela, ông kiệt sức và ngã quỵ, bất tỉnh. Có một cô gái sống ở ngôi làng gần đấy trên đường mang lễ vật gồm có hoa, sữa, bánh mật đi cúng thần linh trong rừng đã phát hiện ra có một vị sa môn đang nằm thoi thóp thở bên bờ sông, thân thể ốm yếu, hai mắt nhắm nghiền. Cô liền cúi xuống lấy bình sữa trên mâm cúng của mình kê vào môi vị sa môn ấy, nhiều vào từng giọt và làm cơ thể ông dần hồi sức. Ông nói với cô gái ông tên là Siddhattha, con của vị quốc vương đang trị vì ở nước Ca tỳ la vệ. Cô gái cũng giới thiệu tên của mình với vị sa môn là Sujata, sinh sống ở ngôi làng kế bên, cô vừa hạ sinh được một bé trai kháu khỉnh nên mang lễ vật lên núi tạ lễ với thần linh...

Khuôn viên đền thờ nàng Sujata ngày nay chỉ là một nền đất nhỏ nằm trơ trọi giữa cánh đồng lúa mạch đang mùa trổ bông. Tôi vào đánh lễ một bức tượng thờ nhỏ có hai mặt khác nhau, một mặt có hình Đức Phật và một cô gái ngồi quỳ xuống, tay dâng bát sữa. Mặt phía sau cũng có hình của Đức Phật nhưng lại có hai người con gái quỳ hai bên đồng chấp tay dâng cúng bát sữa.

Sở dĩ có hai mặt là vì có hai thuyết khác nhau. Thuyết thứ nhất cho rằng Sujata là con gái của người điền chủ sống ở ngôi làng gần đó, nàng có khát nguyện xin thần linh ban cho nàng sinh được một đứa con trai để nối dõi. Khi nguyện ước thành sự thật thì nàng và người hầu của mình tên là Punna cùng sửa soạn phẩm vật để đi lễ tạ thần linh trên núi, trên đường đi thì gặp Đức Phật đang bắt tỉnh trên đường, vì vậy mà người nghệ nhân tạc tượng hai người con gái quỳ hai bên.

Thuyết thứ hai cho rằng Sujata là vợ một anh chăn bò ở ngôi làng nhỏ sát khu rừng. Nàng vừa mới sinh được một cậu con trai đầu lòng. Vào ngày rằm, nàng chuẩn bị lễ vật và chọn loại sữa ngon nhất để mang vào rừng đáp lễ thần linh. Trên đường đi, nàng nhìn thấy vị sa môn ốm yếu bắt tỉnh giữa đường nên dâng bát sữa. Vì vậy mà một mặt của đền thờ chỉ có hình ảnh của một người con gái đang quỳ dâng bát sữa cho Đức Phật. Nhưng dù là ở lý thuyết nào đi nữa, lịch sử cũng không thể phủ nhận sự có mặt của nàng Sujata, công đức cúng dường cũng như cử chỉ cao đẹp và lòng từ bi của nàng.

Tôi đến lúc công trình dường như còn đang xây dở dang. Những người thợ xây dựng đang dùng cơm trưa, có một vài khách hành hương đơn lẻ khác giống như tôi vào đốt nhang và đánh lễ. Thấy tôi cứ đứng nhìn phân vân giữa hai phía bức tượng mà không hiểu nguyên do của nó, một chú trưởng nhóm của đội thi công ra hỏi han tôi về ân cần, trên tay chú là tập giấy dành cho việc cúng dường đã chuẩn bị sẵn. Chú giải thích cho tôi rằng công trình đang tu sửa lại, việc tu sửa do một Phật tử người Myanmar tài trợ nhưng hiện không còn đủ kinh phí để tiếp tục. Nghe như vậy nhưng tôi không thấy thuyết phục lắm bởi bức tượng khá đơn sơ và giản dị, không có vẻ gì là cần nhiều sự cúng dường đến vậy.

Mon men ra phía sau tầm một đoạn, tôi nhìn thấy một ngôi thờ tự nhỏ đánh dấu nơi Đức Phật thả bát sữa xuống dòng sông Nirarijana và khát nguyện: *“Nếu ta từ bỏ con đường khổ hạnh là đúng đắn thì xin để chiếc bát trôi ngược dòng sông”*, quả nhiên chiếc bát vừa chạm mặt nước thì liền trôi ngược trở lại. Từ đó Người khẳng định con đường mình đi là đúng.

Băng qua cánh đồng tầm 1,5km là đến ngôi làng mang tên Sujata. Nơi đây có một ngôi mộ cổ được khai quật vào năm 2002, người ta cho rằng đây là ngôi mộ nàng Sujata ngay trên chính nền ngôi nhà cũ nàng ở, do vua A Dục xây dựng để tưởng niệm công đức của nàng.

Ngôi mộ được xây bằng gạch nung, diện tích khá rộng, được rào bảo vệ xung quanh. Ngôi mộ hình như được để nguyên hiện trạng của nó, thỉnh

thoảng có những em bé leo lên trên đỉnh vui đùa, những chú dê núi chân lững thững nhảy từng bậc trông rất vui mắt. Anh tài xế hối thúc tôi đi về vì trời đã nhá nhem tối. Trên đường về, anh dừng lại cho tôi ghé thăm một di tích cũng khá quan trọng khác là nơi chàng thanh niên chẵn bỏ dâng bó cỏ cúng dường cho Đức Phật. Vì đây là nơi thờ cúng nhỏ nên ít khách du lịch lai vãng, tôi cũng hy vọng là không có ai hỏi han tôi việc cúng dường tiền. Tuy nhiên, khi bước vào bên trong tôi vẫn nhìn thấy sự hiện diện của thùng cúng dường đặt phía trước tượng Phật. Điều đó làm tôi có cảm giác thật khó chịu.

Leo lên xe đi về, chạy vào những con đường hẻm ngoằn ngoèo, một tay phải bịt mũi vì mùi cứt, rác, ống cống bốc ra nồng nặc, những ngôi nhà đất trám lụp xụp, âm u, những em bé ốm đói hết như ở tận Châu Phi xa xôi đang vô tư chơi với phân bò, cuộc sống vẫn thiếu thốn và lạc hậu như vậy, địa ngục trần gian có đâu xa.

“Tôi ước mơ, rồi có một ngày, em về qua đây, ghé thăm tôi, trong ngôi làng này, nghe câu chuyện đời của người dân tôi. Tôi ước mơ, sớm mai hiền hòa, thấy con trâu già, gặm cỏ trên đồng, nhẹ nhàng ung dung. Tôi ước mơ, ngọn lúa trên đồng, gió trong rừng già, thổi bay đi hết, nhọc nhằn nông phu. Tôi ước mơ, em bé trên đường, da nhuộm màu đời, mắt quạ đơn côi, được đi đến trường, màu trắng tinh khôi, thay vì ngửa tay, làm xót cuộc đời, bằng vài rupee.”
(Bài thơ con cóc và cũng là bài hát tôi có dịp sáng tác trong tâm trạng của nàng Sujata)

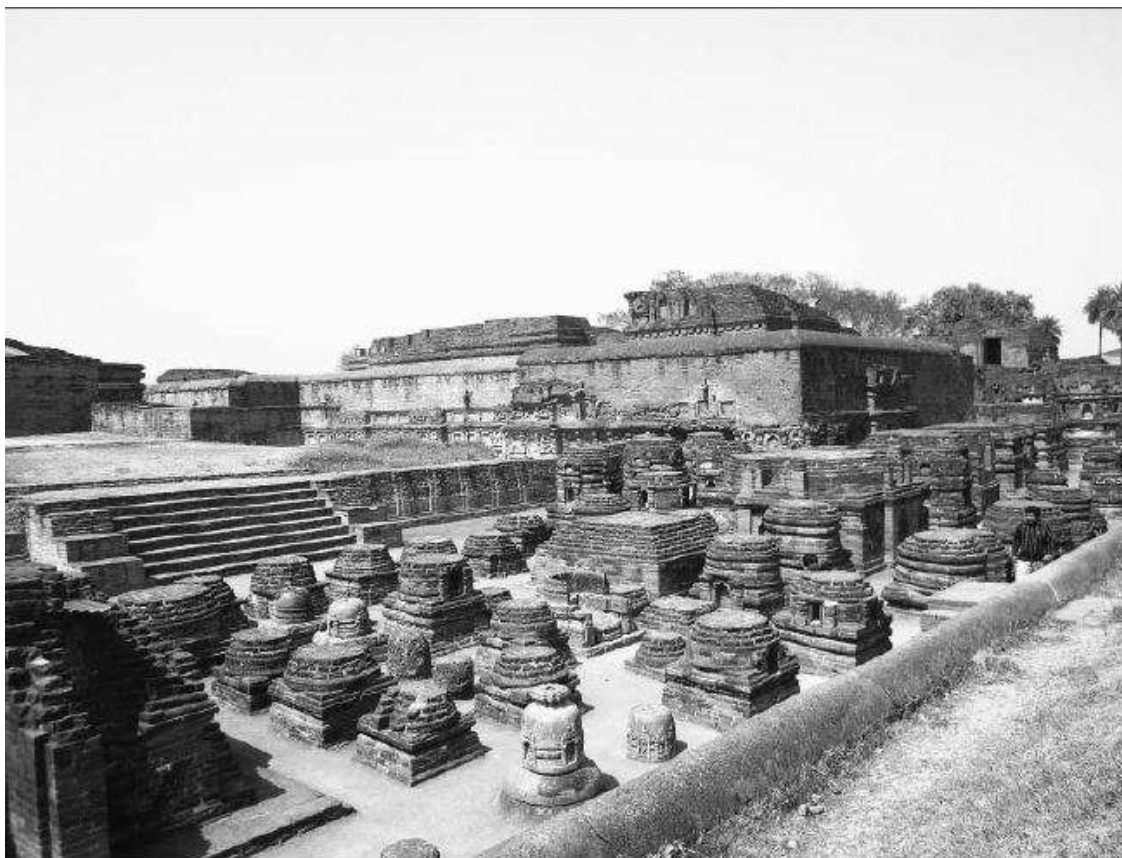
NALANDA VỀ LẠI TRƯỜNG XƯA

29/2/2012

Sáng hôm nay, tôi thuê một chiếc xe bốn chỗ đi Rajgir cách Bồ Đề Đạo Tràng tầm 66km để viếng thăm Đại Học Nalanda, ngôi trường Phật Giáo đầu tiên trên thế giới. Đây là ngôi trường danh tiếng một thời và cũng là nơi đào tạo ra những bậc thánh tăng tiêu biểu như Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Mục Kiền Liên, Ngài Long Thọ, Ngài Trần Huyền Trang - bậc cao tăng Trung Quốc đời Đường mà khán giả Việt Nam cũng như khắp nơi trên thế giới từng biết qua bộ phim *Tây Du Ký* hay *Journey to the West*.

Chúng tôi đến nơi vào khoảng tầm 11h sáng, khung cảnh bên ngoài trường cũng giống như những địa danh du lịch ở các nơi khác, nhộn nhịp Một góc khuôn viên của Đại Học Nalanda, trường Đại Học Phật Giáo đầu tiên cảnh buôn bán tấp nập và cảnh trẻ em chen chân xin tiền khách du lịch. Tôi đến Nalanda với một tâm trạng nửa vơi vì mệt mỏi quá nhiều thứ cộng thêm trong người bị cảm mấy hôm nay, trong đầu không có nhiều thông tin về lịch sử của trường, định bụng là kệ đã đến thì cứ đi, về sau sẽ tìm hiểu thêm thông tin để bổ sung vào kiến thức hạn hẹp của mình. Bước tới cổng mua vé, đầu tầm 100 rupee gì đó, lập tức có người kè kè theo chúng tôi mong muốn làm tour guide.

Sau một vài lần bám theo và thuyết phục là không có hướng dẫn viên, tôi sẽ chẳng hiểu gì về nơi vĩ đại này đâu, nhưng với giọng tiếng Anh đặc Ấn Độ, tôi e là mình cũng sẽ chẳng hiểu được gì nhiều. Vậy là khước anh, thật tội nghiệp khi nhìn thấy gương mặt buồn so của anh khi quay đi.



Một góc khuôn viên của Đại Học Nalanda, trường Đại Học Phật Giáo đầu tiên

Bước vào cánh cổng, băng qua một phiến đá lớn với dòng chữ khắc *Archaeological Survey of India* tạm dịch là Công trình Khảo cổ Ấn Độ, hai hàng cây lớn xanh um dọc theo lối đi giữa cái nắng oi bức của Ấn Độ làm lòng khách tham quan nhẹ nhàng, thư thái. Có một phiến đá lớn ghi tóm tắt lịch sử của trường Nalanda bằng tiếng Anh, tôi tạm dịch ra tiếng Việt như sau:

“Lịch sử của Nalanda gợi nhớ lại thời quá khứ, thời của Ngài Mahavira (người sáng lập của Kỳ Na Giáo, một tôn giáo cùng thời của Đức Phật) và Đức Phật Gautama vào thế kỷ thứ VI trước Công nguyên. Nalanda cũng chính là nơi sinh và nơi nhập Niết Bàn của Ngài Xá Lợi Phất, một trong những đại đệ tử nổi tiếng của Đức Phật. Nalanda trở nên nổi tiếng vào thế kỷ thứ V sau công nguyên như một tu viện và học viện về các môn nghệ thuật phương Đông và giáo dục Phật giáo. Nơi này đã thu hút nhiều sinh viên đến từ những nước xa xôi trên thế giới, trong đó có Trung Quốc.

Những tài năng tinh hoa xuất chúng gắn liền Nalanda gồm có Ngài Long Thọ, Ngài Đề Bà, Ngài Thế Thân, Ngài Hộ Pháp, Ngài Vô Trước, Ngài Giới Hiền,

Ngài Pháp Xứng, Ngài Tịch Hộ và hai nhà chiêm bái nổi tiếng Trung Quốc Ngài Huyền Trang và Ngài Pháp Hiển đã mô tả chi tiết các tu viện và đền thờ ở Nalanda cũng như đời sống của tu sĩ thời đó. Nhiều môn học khác nhau như thần học, ngữ pháp, luận lý học, thiên văn học, y học, siêu hình học và triết học đã được giảng dạy ở đây. Học viện được duy trì bởi sự phát tâm cúng dường từ các làng kế cận và những nhà lãnh đạo đương thời.”

Đi qua một cánh cổng cao tầm 4m được xem là cổng chính của trường đại học là những bức tường thành đồ sộ nối tiếp nhau trải dài ra trước mắt. Trong phạm vi 10 hecta đất, thiết kế của ngôi trường được sắp xếp theo kiểu: Các ngôi đền nằm ở phía Tây, còn các tu viện thì nằm ở phía Đông. Như trên bảng chỉ dẫn có viết, trường bao gồm 11 tu viện và sáu chánh điện, mỗi tu viện có chiều dài 500m, chiều rộng chừng 250m. Kích thước và kiến trúc các phòng trong tu viện gần như giống hệt nhau, từ phòng dành cho giáo thọ, phòng thọ trai, giếng nước, phòng đôi cho tân sinh viên, phòng đơn cho cựu sinh viên, khu nhà vệ sinh, giảng đường... Đôi khi tôi cảm tưởng như mình bị lạc vào một ma trận bởi cách thiết kế từ tu viện số 1 cho đến 11 đều giống hệt nhau, chỉ khác nhau ở độ xói mòn và sụp lở.

Theo số liệu lịch sử, có hơn 1.500 giáo thọ và trên dưới 10.000 sinh viên tu học tại Nalanda thời đó. Họ phải trải qua nhiều kỳ thi sát hạch Kinh luật gắt gao với nhiều quy định nghiêm khắc, vì vậy mà Nalanda trở thành niềm ao ước của tất cả các sinh viên ngoại quốc thời bấy giờ, Ngài Huyền Trang là một trong số đó. Ngài lưu lại Nalanda học tập vào năm 629, sau đó Ngài được mời ở lại giảng dạy cho trường dưới sự chỉ dẫn của Đại Sư Giới Hiền, cũng là vị hiệu trưởng của trường, lúc bấy giờ đã 120 tuổi.

Về sau này, trong quyển *Đại Đường Tây Vực Ký*, Ngài Huyền Trang đã mô tả các hoạt động trong trường Nalanda như sau:

“Trong chùa có mấy ngàn Tăng nhân, đều là những người tài năng xuất chúng, kiến thức uyên thâm. Họ tuân thủ giới quy, có phẩm hạnh thanh bạch, am hiểu giới luật, tín ngưỡng kiên định được người trong toàn Ấn Độ ngưỡng mộ sùng bái. Từ sáng cho đến tối, các vị này đều luôn luôn biện luận. Già và trẻ đều giúp đỡ lẫn nhau. Những ai không thể biện luận về kinh điển đều không được kính trọng và phải lẫn tránh vì xấu hổ. Những nhà học giả từ các thành thị khác, muốn mau có danh tiếng trong các cuộc biện luận đều đến Nalanda rất đông để được giải đáp những điểm mình còn nghi ngờ, và vì vậy danh tiếng của những vị ở Nalanda được lan truyền rất rộng. Cũng vì vậy mà có nhiều người muốn có danh của Nalanda để được người ta kính trọng. Những người ở các giới khác muốn dự các cuộc biện luận phải trả lời một vài câu hỏi của người giữ cửa, nhiều người không trả lời được phải trở về. Phải am tường cả tân và cựu kinh điển mới được thấu nhận. Những sinh viên lạ mặt phải tỏ rõ biệt tài của mình trong những cuộc biện luận gắt gao, và số người bị hỏng so với những vị trúng tuyển độ 7, 8 phần 10.”

Chính những điều này cho thấy sự hiện diện của Nalanda vào thời điểm đó là vô cùng quý mô cả về nội dung lẫn hình thức. Sự có mặt của Ngài Huyền Trang cũng có tầm ảnh hưởng to lớn đối với Phật giáo Châu Á về sau bởi các bản dịch Kinh, Luật, Luận mà chúng ta đang sử dụng ngày nay đều nhờ công đức vô cùng to lớn của Ngài.

Bộ phim *Tây Du Ký* nói về một Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh là phỏng theo câu chuyện Ngài trải qua 16 năm tu học ở đất Ấn này. Thế là giờ tôi biết được rằng Ngài Huyền Trang thật có mặt trên đời chứ không phải là một nhân vật tiểu thuyết hư cấu, quả là đi một ngày đường học một sàng khôn.

Tuy nhiên, có một sự kiện đau buồn được lịch sử ghi lại, đó là cuộc xâm lăng bạo tàn của vị vua Thổ Nhĩ Kỳ Bakhtiyar Khilji vào năm 1199, đã thiêu hủy toàn bộ 9 triệu bản Kinh, không chỉ gồm Kinh sách mà còn cả vô số hình tượng Phật, các đền thờ bị phá hủy, số giáo sư và sinh viên tăng sĩ bị thảm sát nhiều không tính kể. Thảo nào khi dạo bước xung quanh khuôn viên trường cũ, tôi cảm nhận được sự hoang vu u buồn ẩn chứa trong đó. Không có nhiều khách du lịch, tôi mãi mê lang thang từ tu viện này đến tu viện khác trong sự trầm mặc bao trùm và tiếng gió vi vu. Len lỏi trên bờ tường, có thể dễ dàng nhận ra vô số những nhánh bồ đề con vượn mình vục dậy, làm cho tôi có niềm tin rằng rồi một ngày trường Nalanda sẽ được phục hồi như thời vàng son xưa kia của nó.

Đi được một đoạn thì tôi gặp một chú bảo vệ bảo tôi nên đi về hướng có tòa tháp khá cao gần đó, mãi đến sau này khi đọc thêm tài liệu về lịch sử Nalanda thì mới hay nơi này là mộ tháp của Ngài Xá Lợi Phất, một trong 10 đại đệ tử có trí tuệ bậc nhất của Đức Phật và nổi tiếng uy nghiêm trong 1.250 vị A La Hán và chính nơi này cũng là nơi Ngài đã sinh ra và từ giã cõi đời. Vua Asoka là người đã có công xây dựng lại ngôi đền này để tưởng niệm Ngài.

Khuôn viên tòa tháp cao rộng, cấu trúc cũng có phần khác biệt so với các tu viện khác, có một cầu thang đi lên trên đỉnh nhưng được bao bọc bởi một hàng rào bên ngoài, vì vậy khách hành hương chỉ được phép đi nhiều xung quanh khu vực để chụp hình mà không được vào bên trong. Một quần thể các trụ tháp nhỏ khác nằm san sát nhau, xung quanh đại tháp có nhiều bức ảnh mô tả lại các sự kiện trọng đại của cuộc đời Đức Phật. Một vài phiến đá có những hình tượng điêu khắc nằm ngổn ngang khắp lối đi, vòng ra phía sau là những hàng cây có hoa tựa như hoa Sala tỏa mùi hương thơm ngát. Ngồi dưới gốc cây, tôi chợt nhận ra rằng sự vô thường là đây, sẽ chẳng có gì tồn tại mãi mãi với dòng sinh diệt bất tận này...

ĐƯỜNG LÊN LINH THỨU SƠN

Từ giã Nalanda, tôi tiếp tục cuộc hành trình về núi Linh Thứu. Linh Thứu, trong tiếng Pali là Gijjhakuta, là nơi Đức Phật đã thuyết giảng bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hay còn gọi là Kinh Pháp Hoa, một trong những bộ Kinh quan

trọng của Phật giáo nói về sự khai ngộ Phật tính trong mỗi chúng sanh. Trong đó, Đức Phật đã từng phát ngôn khai thị: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”* chỉ rõ mỗi chúng sanh đều có Phật tánh sẵn có và một khi biết quay về bản chất chân như của mình thì đều có khả năng giác ngộ.

Bộ Kinh ngày nay được truyền tụng rộng rãi ở các nước Châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng và Việt Nam, nhờ công đức của Đại lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh đã dịch giải từ tiếng Trung Quốc sang. Chính vì Bộ Kinh xuất phát từ lời thuyết giảng của Đức Phật trên núi Linh Thứu nên quyển Kinh thường bắt đầu bằng câu: “Nam Mô Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát.”

Đường lên đỉnh núi cũng không quá khó khăn, tương tự như lối đi đến Khổ Hạnh Lâm. Hai bên ven đường cũng vẫn là hình ảnh làm xót lòng của những người ăn xin lam lũ dưới cái nắng trưa hè gay gắt. Giữa đường có những biển chỉ dẫn ghi chú ngôi chùa nơi Ngài Huyền Trang đã đến tá túc và được Ngài ghi lại trong quyển *Đại Đường Tây Vực Ký*.

Trên khuôn viên vuông vức tầm 10m² nằm riêng biệt ở nơi cao nhất của ngọn núi là một tượng Phật nhỏ đơn sơ được trang trí bằng hoa và nền do các phái đoàn cúng dường. Xung quanh nơi Đức Phật ngồi, còn có các hương thất khác đánh dấu chỗ ngồi của Ngài Ananda, Ngài Xá Lợi Phất, Ngài Ma Ha Ca Diếp rồi Ngài Mục Kiền Liên... Đỉnh núi Linh Thứu là đây, bốn bề lồng lộng gió, Pháp Hội Chư Thượng Phật Bồ Tát là nơi đây.

Nếu ai đã đọc kinh Diệu Pháp Liên Hoa qua lời của Ngài Ananda thì khi đi hành hương đến núi Linh Thứu viếng thăm hương thất của Phật sẽ không tránh khỏi hoài nghi vì theo Kinh sách ghi chép thì có vô lượng chúng sanh đến nghe Pháp nhưng khuôn viên thực tế ở đây lại tương đối nhỏ bé, chỉ khoảng 10m², nhiều lắm chỉ đủ cho khoảng 200 người ngồi là cùng. Chỗ vi diệu của Linh Thứu Sơn là chỗ này.

Một sư thầy đã giải đáp thắc mắc đó của tôi như sau: Mỗi lần Đức Phật thuyết giảng, Phật thường nhập định tam muội (thiền định) và từ tướng bạch hào, những sợi lông li ti trên trán phóng ra vô lượng luồng hào quang chiếu sáng đến các cõi Phật trong mười phương đại thiên thế giới, âm thanh chấn động cả sáu cõi (*hào quang này mắt thường không thể nhìn thấy được, chỉ những vị đại Bồ Tát nhập định mới thấy được*). Mỗi lần như vậy thì chư đại Bồ Tát, các hàng Trời, Người, Rồng, Thiên Long Bát Bộ đều vân tập về tham dự pháp hội.

Do thần lực của Phật, chu vi của ngọn núi Linh Thứu được mở rộng ra, mỗi người trong đại chúng đều có đủ chỗ, dù ngồi xa hay gần đều nghe rõ ràng lời Phật thuyết và người nào cũng cảm thấy lời thuyết pháp của Phật dường như chỉ để nói ra cho mình. Đó chính là sự vi diệu của Tâm, vì Tâm Phật là tâm thanh tịnh, bao trùm khắp hư không, nên âm thanh từ Tâm ấy phát ra không bị chướng ngại, không chỗ nào là không tới được. Người nghe pháp cũng bằng trạng thái Tâm thiền định nên tiếp nhận được làn sóng vi diệu từ tâm Phật, và

tự nhiên cảm giác chỗ ngồi không chật không hẹp, vì tâm đã vô ái ngại không chấp trước, hoàn toàn thanh tịnh. Cái mà thế gian thường gọi là tâm truyền tâm hay tâm tâm tương ấn chính là như vậy.

Cũng vì vậy mà có lời tương truyền rằng Đức Phật thuyết pháp cho Tam thừa, cho hàng Thanh Văn, Bồ Tát, Duyên Giác chứ không phải cho hàng phàm phu thế gian nên chỉ có những bậc A La Hán, Bồ Tát trụ trong đại thiên định mới nghe và tiếp nhận được. Nếu đem những lời này cho thế gian sẽ sanh ra nhiều nghi ngờ, khinh chê phỉ báng vì tâm chúng sanh còn ô trược, phiền não đầy rẫy khó lòng mà dung nạp. Lấy ví dụ ngay trong cõi ta bà này, hàng ngàn năm về trước với một trình độ nhận thức hạn hẹp của con người, thật khó mà chấp nhận nếu có ai đó nói rằng về sau này con người sẽ có thể đi lên cung trăng, vượt qua ngoài Trái đất hay sáng tạo ra những cánh chim sắt như máy bay, rồi phát minh ra điện, máy vi tính v.v và v.v. Cùng một tần số con người mà còn nghi ngờ, khó tin, huống hồ gì chúng ta đem mình ra so sánh với hàng Bồ Tát, A La Hán khi tâm đại từ bi của các vị ấy vượt ra ngoài các cõi, tựa như đặt tâm thức của hàng côn trùng nhỏ bé mà so với con người rồi con người so với các cõi Trời, cõi Tây Phương Cực Lạc. Thật là khác nhau một trời một vực.

Cũng chính ở địa danh núi Linh Thứu ngày nay, còn có một sự kiện vô cùng quan trọng khác đó là việc Đức Phật trao truyền giáo pháp lại cho Ngài Ma Ha Ca Diếp, nhờ sự kiện này mà chúng sanh nghiệp dày phước mỏng như chúng ta mới có cơ hội tiếp xúc được với giáo pháp ngày nay.

Chuyện kể lại rằng trong một pháp hội, đang lúc thuyết pháp thì Đức Phật bỗng nhiên ngừng lại, Ngài nhìn đại chúng một lượt rồi tay cầm bông hoa gioi lên cao, đại chúng nhìn nhau ái ngại không hiểu ý nghĩa là gì, chỉ duy có Ngài Đại Đức Ma Ha Ca Diếp lặng lẽ nhìn bông hoa và quay sang nhìn Đức Phật mỉm cười. Đức Phật biết được Ngài Ca Diếp đã tỏ ngộ được thông ý của mình, sự thấu hiểu này chỉ có tâm Phật với tâm Phật, tâm truyền tâm, một cảnh giới không có hình tướng, không thể giải bày bằng sự hạn hữu của ngôn từ. Cũng bằng ánh mắt ấy, Đức Phật đã nhận ra Ngài Ma Ha Ca Diếp có đầy đủ hạnh nguyện, phước trí bất khả tư nghì xứng đáng để nhận lãnh trách nhiệm truyền thừa giáo Pháp của Ngài cho hàng hậu học về sau. Đức Phật lúc đó trước đại chúng mới nói lên bài kệ rằng:

“Ngô hữu chính pháp nhãn tạng. Niết bàn diệu tâm. Thật tướng vô tướng. Vi diệu pháp môn. Kim phó nhữ Ma Ha Ca Diếp.” Dịch: “Ta có kho tàng mắt tạng. Con mắt chính pháp là Niết Bàn diệu tâm. Thật tướng vô tướng. Nay trao cho Đại Ca Diếp.”

Về sau Ngài Ma Ha Ca Diếp được xưng tôn là vị Sơ tổ Thiền Tông của Phật giáo mà tính đến nay đã truyền qua 28 đời. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là tổ thứ 28 sau đó đem chánh pháp truyền bá sang Trung Hoa, tại đây chân lý vi diệu pháp được tiếp nối thêm sáu đời Tổ, tất cả là 33 vị Tổ được trao truyền y bát, vì vậy mà có thuyết nói: Linh Sơn Hội gắn liền với nguồn gốc của Thiền Tông.

Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, nguồn gốc của Tịnh Độ Tông cũng được xem là xuất phát từ đỉnh núi Linh Thứu này. Thời Đức Phật còn tại thế có vua Tần Bà Sa La và hoàng hậu Vi Đề Hy, là người rất nhân đức và thương dân nhưng người con trai (vua A Xà Thế) lại nổi tiếng là gian ác, vì ngôi báu mà mưu đồ giết vua cha và giam mẹ vào ngục.

Vì thấy A Xà Thế vô cùng ngỗ nghịch lại không thể khuyên nhủ, thái hậu Vi Đề Hy đã vô cùng đau khổ, ngày ngày trong ngục giam luôn hướng về Đức Phật hiện đang thuyết pháp trên núi Linh Thứu rồi khẩn nguyện rằng: *“Cho con xin một thế giới nào luôn có những người thượng thiện nhân, không có người nữ và sự sanh nở trần tục cùng các cảnh giới ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để con được nương tựa về.”* Lời khẩn nguyện của Bà trong ngục khi đó đã cảm ứng tới Đức Phật trên núi Linh Thứu. Lúc đó Ngài đã nhập định dùng thần lực làm hiển lộ các thế giới của chư Phật mười phương, trong đó có Thế Giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, ao sen thất bảo, là nơi thù thắng hơn cả nhờ 48 lời nguyện độ chúng sanh của vị Phật này. Đức Phật đã dạy cho bà Vi Đề Hy pháp môn Niệm Hồng Danh A Di Đà và phát nguyện vãng sanh về cõi ấy.

Vua A Xà Thế sau đó gặp được Đức Phật và được Ngài hóa độ, vì muốn chuộc lại lỗi lầm nên đã ra sức hộ trì Phật pháp, xây dựng đền tháp, cúng dường tăng chúng. Những thánh tích Phật giáo còn sót lại ngày nay là nhờ công đức gìn giữ, tu sửa của vị vua này.

Như vậy, ngoài ý nghĩa vi diệu của Pháp Hội Tam Thừa và việc trao truyền giáo pháp cho Ngài Ma Ha Ca Diếp, Linh Thứu Sơn còn là nguồn gốc khai mở của hai pháp môn thiền và Tịnh Độ Tông. Vì vậy, hai pháp môn này tuy hai mà như một, như hai nhánh sông cùng đổ về biển cả. Con mắt phàm tục của tôi bị vô minh che lấp, tội nghiệp thay chỉ nhìn được Linh Thứu như một di tích lịch sử, sỏi đá hoang tàn. Thật đáng thương thay.

Nam Mô Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát, Ma Ha Tát.

ĐẶT CHÂN ĐẾN THÁNH ĐỊA VARANASI

4/3/2012

Sau khi viếng thăm các thánh tích Khổ Hạnh Lâm, trường Nalanda, núi Linh Thứu, tôi quay trở về Bồ Đề Đạo Tràng và nằm dưỡng bệnh cả tuần vì lên cơn sốt rét. Trong cái nhà trọ nhỏ như lỗ mũi, ngày hai ly trà gừng, ba cử thuốc, chiều lại đi vòng quanh Bồ Đề Đạo Tràng lễ Phật, sáng nay, tôi thấy trong người đã đỡ đi nhiều, có lẽ nghiệp nhờ đó mà giảm bớt được phần nào chăng?

Tối qua tôi đã quyết định mua vé xe bus tiếp tục lên Varanasi, dù trong đầu đã có phần muốn bỏ cuộc nhưng nghĩ lại chỉ khoảng 270km nữa là đến Vườn Lộc Uyển, nơi Đức Phật luân chuyển bánh xe pháp đầu tiên, lại là nơi có con

sông Hằng linh thiêng mà những Phật tử hành hương không thể nào bỏ qua được trong chuyến hành trình tâm linh của mình.

Có mặt lúc 6h20' sáng hôm sau trước cửa văn phòng công ty du lịch, họ dẫn tôi ra một bến xe gần đó rồi giao tôi và một số sư thầy Tây Tạng cho một người khác. Một anh bạn ba lô người Nhật cũng cùng chung số phận, tất cả thầy trò lũ lượt leo lên chiếc xe lam bé tí, đi được một đoạn ra đường lớn thì họ thả chúng tôi xuống rồi nói ú ớ là đứng đó chờ xe đến rước đi Varanasi!!!

Trong khi chờ đợi, may thay có anh bạn người Nhật nói chuyện phiếm cho qua thời gian, sáng sớm tinh sương trời còn lạnh, uống ly trà “Chai⁽³⁾” ở quán ven đường mà ấm lòng. Thôi kệ mặc duyên đưa đẩy, đưa đến đâu thì chấp nhận đến đó, trong lòng mà cứ sân si tức tối, sợ bị lừa gạt thì biết đâu nó lại thành thật. Mình đi về xứ Phật, dầu có gian nan, vất vả thì cũng phải cắn răng mà chịu, than vãn hoài cũng làm mất đi oai nghi của người Phật tử, tôi nghĩ vậy mà tự an ủi mình, cái sân nhờ đó cũng vơi bớt phần nào.



Những chiếc xe kéo chuyên dụng ở Varanasi

Nửa tiếng sau thì xe bus đến, thầy trò chúng tôi nhìn nhau ngỡ ngàng vì chiếc xe bus đã chật kín người, cả trên mui xe cũng vậy, mà chiếc xe còn tòi tàn cũ

kỹ hơn mấy chiếc tốc hành ở bến xe Miền Đông Sài Gòn nữa. Chẳng ai có thể hình dung được mình đặt vé trả tiền đắt gấp đôi để đi quãng đường dài 255km trên chiếc xe này cả, anh người Nhật thậm chí phải trả gấp ba.

Xe chạy một lúc lại nghỉ một lúc, phần vì ngừng đón khách liên tục ở dọc đường, người lên kẻ xuống chen lấn nhau, phần vì xe quá cũ phải cho nó nghỉ ngơi để thêm nước, thêm xăng. Đường thì hố gà to bằng cái thúng, xóc một cái là đầu đụng tới trần xe, ban đầu muốn ói nhưng tưởng tượng ra cảnh mình mà ói một cái mọi người không biết chạy đi đâu nên thành ra cũng phải nhịn ói luôn. Chúng tôi lúc đó không khác gì những con gà bị người ta nhét vào lồng mang ra chợ bán, khát không dám uống, đói không dám ăn, chỉ có điều không đến nỗi bị người ta đem ra làm thịt mà thôi.

Đi từ 7h30' sáng đến 4h chiều thì đến Varanasi, bước xuống xe một cái, hít thở được không khí bên ngoài, tôi mới cảm thấy hai chữ tự do có ý nghĩa như thế nào. Nghĩ lại mà cảm phục tinh thần người dân Ấn Độ ghê gớm, suốt dọc đường không một tiếng kêu ca phàn nàn, dường như việc đi xe như vậy là một điều quá đỗi bình thường với họ. Tôi theo chân anh bạn người Nhật đi tìm nhà trọ, may thay anh có đặt phòng trước ở đây, nghe nói giá khá rẻ, chỉ tầm 10 đôla/ngày ngay sát bên bờ sông Hằng.

Điều đầu tiên đập vào mắt chúng tôi khi len lỏi qua những con hẻm nhỏ thành Varanasi là sự nhộn nhịp náo nhiệt của nó, khói bụi đầy rẫy khắp nơi nhưng cũng còn tươi mát hơn so với thành phố Calcutta. Năng lượng nơi đây cũng làm tôi thấy nhẹ nhàng hơn nhiều, ít nhiều cũng thấy được người dân mỉm cười chào đón. Sông Hằng nằm ngay sát bên cạnh khu chúng tôi thuê phòng, cũng có một vài con hẻm nhỏ mua bán đồ đặc lưu niệm giống như khu Phạm Ngũ Lão hay Đề Thám ở Sài Gòn.

Varanasi vốn nổi tiếng về lừa, vì vậy mà những cửa hàng vải tràn ngập khắp các con phố. Cách ăn mặc của phụ nữ Ấn Độ ở đây cũng thời trang và cởi mở hơn so với các nơi tôi đi qua, phương tiện đi lại đôi khi còn có cả Honda hay Attila như ở Việt Nam. Nhưng hình ảnh tôi thích nhất có lẽ vẫn là những chú bò thông thả ung dung dạo bước trên đường phố. Người theo đạo Hindu vốn không ăn thịt bò, vì đối với họ, bò là một vị thần linh được ban phước, nên có lẽ trên Trái đất này, Ấn Độ là nơi mà loài động vật như bò được quyền tự do và bình đẳng như con người nhất. Ban ngày bò sống như những người du mục, lang thang từ nơi này đến nơi khác, ăn thức ăn thừa trên đường, hoặc được người dân bên đường cúng dường cho, tối thì dựng đầu ngủ đó, khi nào chết đi thì được người dân hỏa táng, chôn cất tử tế, âu cũng là một phần phước báu to lớn được tái sinh ở đây.

Sau khi thuê được một phòng giá tầm 200 rupee, ngay sát cạnh sông Hằng, tôi rất lấy làm mãn nguyện. Dĩ nhiên phòng trọ ở đây cũng không khác mấy so với những nơi khác nhưng dường như giờ tôi thấy quá quen với hoàn cảnh sống như vậy rồi, giống như việc đi xe đồ vậy, lần đầu bị ói mửa, đi lần hai, lần

ba rồi cả chục lần là thành ra hết bị ối. Và lại phần lớn thời gian là tôi ở ngoài đường, tối mới mò về phòng, nhắm hai mắt là hết biết mặt trăng hay mặt trời nên cũng không quan trọng chuyện phòng ốc mấy.

Như lời Phật dạy: Muốn thương người thì phải hiểu, phải đi vào cái khó khăn, hiểu được nỗi vất vả thống khổ của họ thì mới biết thương và cảm thông với họ được, từ đó sẽ không trách móc họ tại sao lại hành xử như thế này, như thế nọ. Tôi bắt đầu có một cái nhìn khác với đất nước đa văn hóa này.

SÔNG HẰNG VÀ PHẬT GIÁO

Người ta nói nhiều về sông Hằng, viết nhiều về sông Hằng nhưng riêng tôi thì chẳng biết tí gì về nó cả, chỉ biết rằng đó là dòng sông linh thiêng nhất tại Ấn Độ, bắt nguồn từ Himalaya, nơi gắn liền với các huyền thoại và truyền thuyết cổ xưa. Khi còn tại thế, Đức Phật đã nhiều lần hoằng pháp ở khu vực sông Hằng nên dòng sông đã trở thành một ẩn dụ, một hình tượng thường nhắc đến trong các pháp thoại của Ngài.

Ví dụ như:

“Nước sông Hằng tuy nhiều, nhưng không thể nhiều bằng máu, nước mắt của chúng sanh hay sữa mẹ mà chúng sanh đã uống trong vòng sanh tử.” (Tạp A-hàm, quyển 33)

“Ví như khúc gỗ trôi trên sông Hằng, không vướng vào hai bờ, không bị chìm, không bị nhặt lấy... chỉ trôi theo dòng nước mà ra biển, cũng vậy, chư Tỳ-kheo cũng chỉ nên hướng về Niết-bàn.” (Tương Ưng IV, phẩm Rắn Độc)

“Một nhúm muối nhỏ bỏ vào chén nước nhỏ thì nước trong chén sẽ bị mặn, không thể uống được, nhưng nếu đem nhúm muối ấy bỏ vào sông Hằng thì nước sông Hằng không bị mặn. Cũng ví như người có tu tập tâm, có giới đức, có tâm quảng đại như sông Hằng thì một nghiệp ác nhỏ không thể làm người ấy đau khổ” (Tăng Chi I).

Trong số những ví dụ và ẩn dụ trên, có lẽ ví dụ số cát sông Hằng (Hằng hà sa số) là ví dụ mà kinh điển thường nói đến nhiều nhất. Kinh sách nói rằng số cát trong sông Hằng là vô lượng, hàng phàm phu không thể tính đếm được, duy chỉ có Đức Phật và Pháp thân Bồ Tát mới biết được số đó.

Đức Phật thường dạy hàng đệ tử của mình rằng những gì mà Ngài giảng dạy chỉ là một phần rất nhỏ so với những gì mà Ngài đã chứng biết.

Một trong những sự kiện quan trọng có liên quan đến sông Hằng là việc tôn giả A Nan, một trong thập đại đệ tử của Đức Phật viên tịch giữa dòng sông này. Câu chuyện kể lại rằng:

Khi tôn giả sắp viên tịch, hai nước Tỳ-xá-ly và Ma-kiệt-đà đang có mối bất hòa nhưng dân chúng hai bên đều mong được tôn thờ xá lợi của Ngài. Vì thương tưởng cho dân chúng hai nước này và cũng để hóa giải mối hiềm thù

của họ, tôn giả A-nan đã ra giữa dòng sông Hằng, con sông được dùng làm biên giới giữa hai nước, khuyên dân chúng hai nước nên sống hòa thuận, tôn kính nhau và sau đó Ngài an trú tam muội và viên tịch. Xá lợi được chia đều cho hai nước.

Từ thời Đức Phật tại thế hay trải qua những giai đoạn sau đó, sông Hằng vẫn luôn gắn liền với những sự kiện và dòng lịch sử của Phật giáo. Trong một số Kinh sách, Đức Phật không chấp nhận quan niệm rằng nước sông Hằng có thể rửa sạch tội lỗi của chúng sanh. Theo Ngài, chỉ có sự tu tập chân chính mới có thể chuyển hóa được nghiệp thức của mỗi người. Tuy nhiên mối tương quan giữa tập tục, truyền thống của người dân Ấn Độ và sông Hằng vẫn luôn tiếp diễn như không điều gì có thể ngăn cản và tách rời họ được.

CÂU CHUYỆN NAI CHÚA VƯỜN LỘC UYÊN

Tôi đặt chân đến thành phố Varanasi khi trời đã tối, nên chưa kịp hình dung ra diện mạo sông Hằng ra sao đã leo lên giường đánh một giấc ngủ vùi, trưa hôm sau mới thức dậy nổi.

Thuê một anh xe lôi (tôi gọi là xe lôi vì chiếc xe này thiết kế kiểu như xe xích lô của Việt Nam) trọn gói 300 rupee (khoảng 7,5 đôla) cho cả ngày, muốn đi đâu thì anh ta chở đi đó, chiều tối lại về. Cái cảm giác được ngồi trên kiệu trong khi người khác thì mồ hôi nhễ nhại để gồng mình vượt qua những con dốc giữa cái nắng trưa hè làm tôi không lấy gì làm hạnh phúc cho lắm. Cứ đến dốc là tôi lại đòi bước xuống để anh khỏi vất vả nhưng anh luôn khoác tay không cho tôi làm vậy. Hỏi thăm gia thế anh, một vợ, bốn con, ba trai, một gái, tuổi còn đang cấp sách đến trường, thảo nào anh mới chừng 35 tuổi mà tôi cứ ngỡ là đã ngoài 50.

Anh nói vợ con anh hiện sinh sống ở cách thành phố Varanasi tầm 42km, anh không dám thuê phòng ở đây vì chi phí đắt đỏ nên chỗ ngủ của anh là lề đường cạnh lưu vực sông Hằng. Thịnh thoảng hai hoặc ba tuần anh đạp xe về nhà đưa tiền cho vợ nuôi con. Tôi lên tiếng hỏi vậy chứ hai, ba tuần đó anh đi tắm ở đâu, anh cười lộ hai hàm răng lõm chồm mành đen, mành trắng do ăn trầu nói: *“Sáng ra sông Hằng tắm, chiều muốn thì lại ra sông Hằng tắm tiếp, thân vừa được sạch sẽ, tâm lại được rửa hết mọi tội lỗi, cần gì phải đi đâu”*. Anh nói rằng đối với anh, sông Hằng giống như dòng sữa mẹ mát lành vậy nên không có gì phải lo lắng, đoạn đường 12km tưởng dài mà lại hóa gần bởi những câu chuyện trò xã giao. Điểm đầu tiên anh chở tôi đến là Vườn Lộc Uyển, hay còn gọi là Deer Park.

Sở dĩ nơi này có tên là Lộc Uyển vì Kinh sách có ghi lại rằng, ở nhiều kiếp sống về trước, Đức Phật đã từng sinh ra làm nai chúa nơi đây. Vị vua thời đó

ưa sẵn bắn và thích ăn thịt nai. Một lần để đổi mạng cho một con nai mẹ đang mang thai sắp bị giết, con nai chúa đã tự đi đến cung vua nộp mạng. Cảm động trước tấm lòng thương yêu bầy đàn của nai chúa, nhà vua đã tha mạng cho tất cả và cấm săn bắt loài nai từ đó.

Ngoài ra, Lộc Uyển theo quan niệm của người dân địa phương còn có tên gọi là “Chư Thiên Đọa Xứ” (Rishipatana) vì đây là nơi có nhiều chuyện liên quan đến những vị độc giác Phật. Trong quyển *Đại Đường Tây Vực Ký*, Ngài Huyền Trang khi đến đây vào khoảng những năm 629, còn trông thấy ngôi tháp lớn, nơi đánh dấu 500 vị độc giác Phật nhập diệt.

Vì vậy mà có thuyết cho rằng, Lộc Uyển không chỉ là nơi đầu tiên Đức Phật thuyết pháp mà cả ngàn chư Phật trong nhiều kiếp cũng đã và sẽ chuyển bánh xe pháp tại đây. Thuyết Bồ Tát Di Lặc được Đức Phật phó chúc là vị Phật tương lai, nơi vị trí tòa tháp Dhamek cách khuôn viên vườn Lộc Uyển không xa cũng từ đó mà ra.

Khuôn viên vườn Lộc Uyển ngày nay, quang cảnh có lẽ cũng đã khác xa với thời Phật còn tại thế, nhưng may mắn là vẫn còn nhìn thấy đàn nai sinh sống an lành trong phạm vi được cho phép. Phía trước khuôn viên vườn, có một ngôi Tịnh Xá tên Mulagandhakuti Vihara thờ Xá Lợi Phật được Sri Lanka xây dựng vào năm 1931. Theo các vị sư Tích Lan đang trụ trong chùa thì ngôi chùa này được xây ngay trên nền của túp lều nguyên thủy, nơi mà Đức Phật đã từng trú ngụ trong thời gian Ngài ở Sarnath.

Tôi đi vào trong sảnh lễ Đức Phật, không mừng tượng ra được sự quy mô như lời Ngài Huyền Trang có nói: *“Hàng rào lớn của chùa cao khoảng 70 thước, trên mái có hình cây xoài mạ vàng. Nền chùa bằng đá và cầu thang cũng vậy, những ngôi tháp và khung thờ bằng gạch. Những khung thờ được sắp xếp kế tiếp nhau và mỗi khung đều có thờ một tượng Phật bằng đồng, kích thước bằng với Đức Phật thật và tượng ngồi ở tư thế đang chuyển bánh xe pháp.”* Nhưng đối với tôi, ngôi chùa hiện tại cũng vô cùng trang nghiêm và cao rộng, trên tường bốn phía được họa vẽ các giai đoạn về cuộc đời Đức Phật, từ lúc Ngài Thành Đạo, đến lúc Đản Sinh và nhập Niết Bàn bằng nét vẽ hài hòa và đẹp mắt, pha lẫn chút Á và Âu. Một vị sư người Sri Lanka hiện đang chăm sóc tu viện nói với tôi rằng: Người vẽ bức họa này là một vị họa sĩ phương Tây rất nổi tiếng trên thế giới, nhưng khi hoàn thành xong bức vẽ, ông chỉ lấy tiền công tượng trưng là 1 rupee. Tôi lặng lẽ quan sát những bức vẽ trên tường lần cuối trước khi đi đến tòa tháp Dhamekh. Nét vẽ dù khác lạ so với phong cách của người Ấn Độ, Trung Quốc hay nghệ thuật thangka của Tây Tạng nhưng vẫn thấy ám áp vì một tấm lòng không màng đến danh lợi. Đúng như vị thầy nói, người họa sĩ vẽ nên những bức họa này là một con người vĩ đại.

BỐN SỰ THẬT VÀ CON ĐƯỜNG BÁT CHÁNH ĐẠO

Cách khuôn viên Vườn Nai chừng 200m, khuôn viên tòa tháp Dhamek đánh dấu vị trí bài pháp đầu tiên xưa kia vẫn còn đây. Tòa tháp cao lớn nổi bật giữa nền trời xanh với chu vi 34m, chiều rộng 28m, nhìn từ xa tựa như một khối đá khổng lồ, kiên cố và vững chắc. Trên thân tháp có những ô trống với hình tượng Phật như đang ngồi thuyết pháp, nhiều hoa văn chữ phạn và hình hoa mai được trang trí xung quanh. Tôi đi nhiều ba vòng quanh tháp đánh lễ theo truyền thống, hồi tưởng lại bốn chân lý mà Người đã chỉ dạy, xung quanh tôi là những Phật tử hành hương các nước đang đọc kinh cầu nguyện. Ánh mặt trời chiều chiếu qua kẽ lá, gió lồng lộng thổi từ trên cao, các phiến đá lặng im trầm mặc.

Nơi đây là nơi lần đầu tiên sau những tháng ngày thiền định gian khổ và chứng ngộ, Người san sẻ hoa trái thực chứng của chính mình cho năm vị đồng tu bằng một bài pháp sâu sắc gọi là *Tứ Diệu Đế*.

Câu chuyện được ghi lại rằng khi thấy Đức Phật từ xa đi tới, năm vị sa môn bảo nhau rằng không nên đón tiếp Đức Phật nồng hậu làm gì vì cho rằng Người đã từ bỏ con đường pháp tu khổ hạnh, đã khát thực, tắm rửa trở lại và thọ nhận bát sữa cúng dường từ nàng Sujata. Cả năm người đồng ý là sẽ không ra ngõ đón tiếp mà cũng không cần phải đứng dậy khi Đức Phật bước vào. Nhưng khi thấy Đức Phật tiến gần lại với phong thái đĩnh đạc của một bậc giác ngộ xuất thế, người như tỏa chiếu hào quang, bước chân vững chãi như tòa sư tử, và chỉ ánh mắt của ông thôi cũng đủ xóa tan mọi ý niệm sắp đặt từ trước trong đầu của năm vị sa môn.

Tức thì không ai nói với ai, một vị sa môn tên là Kondanna chạy tới đỡ lấy bình bát trên tay Đức Phật, vị sa môn tên Mahanama chạy đi múc nước cho Người rửa tay chân, vị sa môn Bhaddiya kê một chiếc ghế để mời Đức Phật ngồi, sa môn Vappa thì đi tìm một cái quạt để quạt cho Đức Phật, còn vị tên Assaji thì đứng ngó người một bên, ngại ngùng vì những suy nghĩ ban đầu của mình. Năm vị sa môn sau đó tự động thay đổi thế ngồi nghiêm chỉnh chấp tay thành kính cầu xin đạo Pháp từ Đức Phật.

Với ánh nhìn từ bi chậm rãi, Đức Phật bắt đầu mở lời:

- Đây các vị sa môn, có hai thái cực mà người tu đạo nên tránh: một là lao mình vào khoái lạc nhục thể, hai là hành hạ thân xác cho hao mòn. Cả hai con đường đều đưa tới sự phá sản của thân tâm. Con đường mà ta đã tìm ra là con đường trung đạo tránh được hai thái cực ấy và có thể đem đến trí tuệ, giải thoát và an lạc. Con đường đó là con đường Bát Chánh Đạo: *“nhận thức chân chính, tư duy chân chính, ngôn ngữ chân chính, hành*

động chân chính, sinh kế chân chính, chuyên cần chân chính, niệm lực chân chính và định lực chân chính”. Ta đã theo con đường bát chánh đó và đã thực hiện được trí tuệ, giải thoát và an lạc.

- Nay các vị sa môn, sao gọi là chánh đạo? Sở dĩ gọi là chánh đạo vì con đường này không phải là con đường trốn tránh đau khổ mà là con đường đối diện trực tiếp khổ đau để diệt trừ khổ đau. Con đường bát chánh này là con đường của sự sống tỉnh thức, vì vậy chánh niệm là khởi điểm. Có chánh niệm thì sẽ có chánh định, nghĩa là định lực có tác dụng đưa tới trí tuệ. Nhờ có niệm lực và định lực chân chính nên nhận thức, tư duy, ngôn từ, hành động, sinh kế và sự chuyên cần cũng sẽ đi vào chánh đạo. Trí tuệ được phát sinh sẽ giải thoát cho người hành giả tất cả mọi ràng buộc khổ đau và làm phát sinh nơi người hành giả nguồn an lạc chân chính.
- Nay các vị, có bốn sự thật mà người tu phải công nhận: *“sự có mặt của khổ đau, những nguyên nhân của các khổ đau ấy, sự chấm dứt khổ đau và con đường đi tới sự chấm dứt khổ đau”*. Bốn sự thật ấy là bốn sự thật màu nhiệm, gọi là tứ diệu đế.
- Nay các vị sa môn, đây là sự thật thứ nhất: Khổ đau, sinh, già, bệnh và chết là khổ; buồn, giận, ghen, tức, lo lắng, sợ hãi và thất vọng là khổ; chia cách người thân yêu là khổ, chung đụng với người ghét bỏ là khổ, tham đắm và kẹt vào năm uẩn là khổ.
- Nay các vị sa môn, đây là sự thật thứ hai: Nguyên nhân của khổ đau. Vì ngu muội, vì không thấy và không hiểu được sự thật về bản thân và về cuộc đời cho nên con người bị những ngọn lửa của tham đắm, giận hờn, ghen tức, sầu não, lo lắng, sợ hãi và thất vọng đêm ngày đốt cháy và hành hạ.
- Nay các vị sa môn, đây là sự thật thứ ba: Sự chấm dứt khổ đau. Đó là trí tuệ, là hiểu biết, là nhận thức được sự thật về bản thân và về cuộc đời. Trí tuệ này, cái thấy này đưa lại sự chấm dứt của mọi sầu đau và làm phát sinh niềm an lạc.
- Nay các vị sa môn, đây là sự thật thứ tư: Con đường diệt khổ. Đó là con đường Bát Chánh Đạo mà ta đã trình bày. Bản chất của Bát Chánh Đạo được nuôi dưỡng bằng nếp sống tỉnh thức hàng ngày, tức là chánh niệm. Chánh niệm đưa tới Định và Tuệ, có năng lực giải thoát con người khỏi mọi niềm đau và đem lại mọi an vui.”⁽⁴⁾

Trong khi nghe Đức Phật giảng giải về bốn sự thật màu nhiệm này, sa môn Kondanna là người đầu tiên thấy tâm mình được bừng sáng, ông lập tức nhìn ra được con đường giải thoát thật sự mà bấy lâu nay ông đã tìm kiếm, ông chấp tay thành kính quỳ xuống xin được làm học trò của Đức Phật. Bốn vị sa môn kia thấy vậy cũng quỳ xuống dưới chân Đức Phật và chấp tay cầu xin Đức Phật nhận họ làm đệ tử. Kể từ ngày đó, tăng đoàn tên gọi sangha, nghĩa là

“những người biết sống tỉnh thức” được thành lập. Đức Phật lưu lại một thời gian ở Sarnath để diu dắt năm vị sa môn. Người cũng dạy cho họ về tự tính vô thường và vô ngã của vạn vật.

Nhờ sự tu học chuyên cần, cả năm vị đều dần dần chứng ngộ. Vị đầu tiên là Kondanna, sau đó là Ngài Vappa và Bhaddiya, cuối cùng là Ngài Mahanama và Assaji cũng đồng chứng quả vị A La Hán, và cũng chính từ đó bánh xe pháp bắt đầu lăn chuyển trên khắp cõi nhân gian.

CHUYỆN CHIẾC KHĂN CHOÀNG VÀ NHÀ CHIÊM TINH HỌC

Tôi quyết định ở lại Varanasi thêm năm ngày nữa thay vì đi đến Lumbini như lịch trình, vì hiện ở đây đang có Lễ hội Màu sắc. Lễ hội này có nguồn gốc từ nhiều huyền thoại của người Hindu trong cuộc chiến giữa cái thiện và cái ác. Trong những ngày lễ hội, người ta thường ném bột màu hoặc nước màu vào nhau. Tôi cũng không biết gì về thông tin lễ hội này, chỉ thấy những cửa hàng tạp hóa trưng bày những thứ bột gồm nhiều màu sắc khác nhau, hỏi ra mới biết là họ chuẩn bị cho dịp lễ sắp tới.

Sẵn dịp này, tôi lang thang ở khu vực chợ và sông Hằng để ngắm nghía dân tình thế thái. Varanasi nổi tiếng về lụa pashmina làm từ lông dê, thế nên các cửa hàng lụa tràn ngập khắp trong cùng ngõ hẻm. Nhưng điều làm tôi thích thú nhất là những bảng rôn quảng cáo việc xem tiền kiếp, xem vận mệnh, đại loại theo kiểu Việt Nam gọi là xem bói hay xem tử vi... Ngoài Myanmar ra, chắc Ấn Độ là đất nước thứ hai mà tôi biết chính phủ cho phép công khai việc này. Hầu hết người dân Ấn Độ ai cũng bỏ trong mình một phép bùa để phòng thân như bùa may mắn, bùa mua bán, bùa nói chuyện...

Theo lời giới thiệu của hai chàng thanh niên địa phương vui tính, thay vì mua một chiếc khăn choàng bằng lụa pashmina, chúng tôi theo họ đến tìm một nhà chiêm tinh học hiện sống ở gần đây. Theo hai người thanh niên thì nhà chiêm tinh học này đã tu thiền định 30 năm trên núi Himalaya, rằng ông có khả năng tiên đoán vận mệnh con người và chữa lành nhiều căn bệnh kỳ lạ.

Trời lúc này cũng đã hơn 8h tối, chúng tôi phải luồn lách qua nhiều con hẻm ngoằn ngoèo, sau đó leo lên một cầu thang nhỏ hẹp thì mới tới được nhà của vị chiêm tinh. Bước vào trong, chúng tôi đành lễ theo sự hướng dẫn của hai người đệ tử của ông. Ông ngồi chễm chệ ở chính giữa nền nhà, thân người to lớn, râu dài và đen, mặc áo phông với quần đùi trắng, xung quanh là những chai lọ nhỏ đựng tinh dầu, dường như đang chuẩn bị đóng hộp và chuyển đi đâu đó.

Tôi nhìn sơ qua một lượt các loại chai lọ, nào là tinh dầu hoa hồng, tinh dầu hoa lài, tinh dầu trà... có trên dưới 20 loại mà tôi cũng không nhớ hết, chỉ ngửi thấy nhiều mùi hương khác nhau trộn lẫn trong không khí. Ông dường như không để ý gì đến tôi khi tôi bước vào, vẫn chăm tĩnh với công việc đang làm dang dở của mình, một lúc lại quay lên nhìn tôi rồi hỏi tôi qua loa là đến từ đâu, ở đây bao lâu, có dự định gì, ông cũng nói sơ qua về dịch vụ của mình và hỏi liệu tôi muốn gì ở ông?

Tôi nói với ông là tôi muốn biết tiền kiếp của chính mình và mong ông hãy giúp tôi, ông gật đầu đồng ý rồi hỏi thêm tại sao tôi muốn biết kiếp trước của mình. Tôi giải thích quanh co với ông rằng tôi muốn mình có động lực cho quá trình đạt giác ngộ trong kiếp này, bởi tôi biết có lẽ tôi đã từng làm nhiều điều tội lỗi nên mới sinh ra ở kiếp này. Nếu biết được kiếp trước như thế nào thì tôi sẽ tránh được những lỗi lầm và trả nợ nghiệp cũ mang theo, để kiếp này tôi được thanh tịnh và tu tập giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi luân quần. Tôi còn nhớ mình đã chia sẻ với ông rất thật lòng về suy nghĩ là tôi đã quá mệt mỏi với quá trình lặp lại đời sống này, lớn lên, có gia đình, có con cái và chết, tôi nghĩ mình đã từng làm các công việc ấy trong quá khứ hay nhiều nhiều kiếp lâu xa về trước rồi. Tôi nói vui với ông rằng có lẽ tôi đã từng có rất nhiều chồng hoặc nhiều vợ rồi nên không có lý do gì đời này tôi lại phải lặp lại cái việc ấy nữa...

Nghe đến đó, ông bật cười lớn rồi quay sang trách móc tôi: *"Tại sao phải sợ những sự việc ấy, có chồng, có con là một quá trình tự nhiên của con người, cũng như tình dục (sex) là một điều mang lại hạnh phúc vui sướng, không nên chối bỏ và cho nó là điều tội lỗi."* Tôi khá ngạc nhiên về cách trả lời của ông, tự nhiên tôi cũng không muốn nói gì thêm với người đàn ông này nữa và ấn tượng về việc tu thiền định của ông trên núi cũng tan biến mất, có lẽ hai anh chàng kia đã nói quá lời chăng?

Thấy tôi im lặng không nói gì thêm, rất rõ ràng và sòng phẳng, ông quăng cho tôi một catalogue giới thiệu về bản thân ông cũng như chi phí kèm theo các dịch vụ của ông. Ông không quên chỉ cho tôi thêm những bức hình ông chụp với giới thượng lưu nổi tiếng nước ngoài. Ông chỉ vào từng gương mặt, nói với tôi tên và nghề nghiệp của họ. Có nhiều gương mặt tôi thấy quen thuộc trong giới ngôi sao Mỹ, cái tên khó quên nhất trong bộ sưu tập của ông có lẽ là ông vua nhạc Pop Michael Jackson.

Tôi không biết có thật là ông đã xem tử vi cho Michael Jackson không, hay là ông chỉ trưng bày để phô trương danh tiếng của mình. Nhưng dù lý do gì tôi vẫn không thích cách ông ta tự giới thiệu về mình như vậy. Tôi cứ đinh ninh rằng những vị tu thiền định lâu năm ít nhiều phải diệt trừ được chút nào cái Ngã của mình, nhưng khi quan sát ông, tôi chỉ thấy đằng sau vẻ bề ngoài điềm tĩnh ấy lại ẩn chứa một cái Ngã to đùng, mặc dù ông đánh tiếng rằng tiền dịch vụ cho việc xem tử vi là để làm từ thiện chứ ông không giữ làm của riêng.

Nhìn sơ qua bảng giá xem bói của ông cũng đủ làm tôi thấy choáng và thật sự chóng mặt. Bảng giá chia ra làm ba cấp độ hẳn hoi, ví dụ như xem căn bản gọi là basic level, có nghĩa là ông chỉ cần nhìn gương mặt, cơ thể hay dáng người để đoán vận mệnh chung chung, giá 60 đôla.

Cấp độ thứ hai gọi là medium (loại trung) với giá 120 đôla, ông sẽ nói thêm về ba đời quá khứ, những sự việc đã từng xảy ra trong quá khứ, ví dụ như trong quá khứ tôi là ai, làm gì, hiện tại sẽ như thế nào và tương lai cuộc đời sẽ ra sao.

Cấp độ thứ ba trọn gói hay gọi là full package, có nghĩa là ông sẽ trả lời tất cả các câu hỏi của tôi nêu ra, kèm theo quá khứ, hiện tại, vị lai, hình dáng nét mặt cơ thể, năng lượng tốt xấu hay bệnh tật trong người, cách đối phó và điều trị, cách xoay chuyển những tình huống xấu xảy ra trong tương lai, nói chung là gồm trọn cả hai cấp độ phía trên với chi phí tổng cộng là 220 đôla.

Cò kè trả giá một hồi, tôi nói với ông là mình không có đủ tiền để trả dù là mức độ căn bản, chỉ nghe ông tu tập thiền định lâu năm trên núi nên muốn diện kiến và học tập chút kinh nghiệm đạo pháp từ ông thôi. Ông ngờ ngợ nhắm mắt, tay xoa xoa đầu như tìm tòi gì đó trong ký ức của mình rồi lẩm nhẩm nói: *“Để ta xem các người từ đâu đến và đến đây với mục đích gì?”* Mười phút sau, ông chỉ khẽ mỉm cười mà không nói gì thêm rồi quay sang hỏi thúc hai người đệ tử tiếp tục công việc đóng gói các chai tinh dầu và tặng lời tôi ra.

Có lẽ ông đọc được tâm ý của tôi là không muốn trả ông bất kỳ đồng tiền nào nên ông cũng không muốn mất thời gian của mình. Vậy là ngồi một lúc tôi xin phép ra về, ít nhất ông cũng quay sang nói lời tạm biệt và cầu chúc tôi có một chuyến đi nhiều may mắn.

Sau khi đi gặp gỡ nhà chiêm tinh học về, đêm đó tôi có một giấc mơ khá lạ lùng. Trong mơ, tôi thấy mình được một ai đó dẫn đi tham quan cõi trời. Tôi không nhớ rõ lắm nhưng hình như tôi bay lên trên đó, trên trời không có mặt đất, chúng tôi di chuyển lơ lửng trên những đám mây. Có vô số những nàng tiên xinh đẹp trong cùng một trang phục kiểu các vị thần Vishu Ấn Độ và đặc biệt là họ đều giống hệt nhau, cùng một sắc diện và xinh đẹp vô cùng. Họ vây lấy tôi cùng cười đùa vui vẻ như đã biết nhau từ lâu, họ còn dâng cho tôi rất nhiều đồ ăn và trái cây nhưng lúc đó tôi lại thấy nhàm chán và không lấy gì làm vui vẻ cho lắm. Tôi cho rằng những người này chỉ thích hưởng thụ, vui chơi ca hát suốt ngày, không màng gì đến việc thực hành Pháp, cho nên lúc đó tôi đã có suy nghĩ sẽ không muốn lưu lại nơi này lâu. Và thật vậy, lúc tôi khởi lên ý nghĩ đó thì bỗng giật mình thức dậy, ngồi thử suy nghĩ về câu chuyện khá lạ này. Có lẽ đó là quá khứ của tôi chăng? (cười)

CHÓ HOANG

Sáng nay là đến ngày hẹn lấy visa đi Nepal. Thật tình mà nói trước khi khởi hành đi Ấn Độ, tôi cứ nghĩ nơi Đức Phật đản sinh tức Lumbini thuộc địa phận của Ấn Độ chứ không phải Nepal, mãi đến khi dừng chân ở Bồ Đề Đạo Tràng được một vài người bạn đi bụi giống mình giải thích tôi mới biết mình sai lầm trầm trọng. Sau một tuần lưu lại Varanasi, được chiêm ngưỡng ánh bình minh của sông Hằng, những tập tục hỏa táng trên sông cũng như phong cách sinh hoạt của người dân nơi đây, tôi có phần nào cảm thấy chút vương vấn trong lòng khi phải nói lời tạm biệt. Không hiểu sao tôi có cảm tình với những chú chó hoang thường đi lại xung quanh lưu vực sông Hằng và trong những hẻm nhỏ ngoằn ngoèo không tên.

Chó hoang ở đây nhiều vô số kể, nhiều như số những “thần bò” lang thang. Hầu hết trông chúng đều ốm o gầy còm, bụng xẹp lép và ngủ li bì la liệt khắp nơi. Từ lúc đặt chân đến đây, tôi đã tự nhủ trước khi rời khỏi chốn chốn tôi sẽ cho chúng một bữa ăn thật no bụng, hình như có lẽ tôi nợ chúng từ kiếp nào một lời hứa. Tôi thức dậy từ 5h sáng để ra đón bình minh sông Hằng lần cuối. Người dân cũng lục tục kéo nhau ra sông tắm rửa, với niềm tin bất diệt vào việc nước sông Hằng sẽ tẩy rửa tất cả mọi tội lỗi và đưa họ về thiên đàng. Dù nước có dơ bẩn đến mấy, với họ, đó không phải là một vấn đề to lớn. Có lẽ họ nghĩ cái dơ dính đáng bên ngoài thân thể không bằng những tội lỗi trong thân tâm, và với niềm tin ấy, dù cho họ có uống nước bẩn ấy, tắm rửa, giặt giũ trên dòng sông được thế giới xếp vào loại ô nhiễm bậc nhất ấy thì vẫn không có điều gì xảy ra với họ. Nhưng giả sử bạn là người khách phương xa đến, uống chỉ một ngụm nước thôi cũng có thể khiến bạn bị thổ tả vài ngày. Bởi vậy, ở đâu có niềm tin thì người ta sẽ vượt qua tất cả, ngay cả trong chính đạo Phật, niềm tin là mẹ đẻ của các công đức, không có niềm tin vào Phật pháp, người Phật tử sẽ không dễ dàng vượt qua được những chướng ngại trên con đường tu tập, cho nên khi nhìn những người dân Hindu với niềm tin tuyệt đối vào vị thần của họ, chúng ta không nên phản bác hoặc khinh chê.

Tôi bước từng bước chậm rãi dọc theo bờ sông, tìm một chỗ để có thể nhìn trọn vẹn ánh bình minh lần cuối. Từ phía bờ bên kia, dãy cát sông Hằng xa tận cuối chân trời có một vài tia sáng hừng đông, bây giờ nếu có một ai hỏi tôi bình minh nơi nào là đẹp nhất, tôi xin thừa đó là bình minh trên sông Hằng. Thời khắc mặt trời lên, một ngày mới nhộn nhịp lại bắt đầu, các đạo sĩ Bà la môn ra bến sông rung chuông và lâm râm tụng kinh, các bài hát ca ngợi vị thần mặt trời được cất lên từ một nhóm thường dân đi kèm với tiếng chuông và trống. Người dân từ khắp nơi đổ xuống tắm, kẻ đốt nến, người dâng hoa, rồi những hành giả Yogi trong các tư thế khác nhau dọc theo dãy cầu thang, xa xa những chiếc thuyền chở khách du ngoạn, những ánh lửa bập bùng thủy táng bên bờ sông, tôi có cảm tưởng như mình đang lạc vào một thế giới khác.

Vì không có nhiều thời gian, nên tôi tranh thủ đi một vòng các con hẻm, ném bánh mì cho các chú chó và nói lời tạm biệt với chúng. Có một chú bò trắng rất đẹp thường quanh quẩn trong khu vực này, tôi chia cho chú một ít bánh, ăn

xong rồi chú lại lẻo đẻo đi theo tôi như muốn xin thêm nữa, trông rất dễ thương. Có một gia đình gồm chó mẹ và bảy con chó con khác ngủ bên lề đường, mỗi ngày tôi đi đi về về, có hôm trời khuya thấy mấy mẹ con nằm quăn nhau mà thương đứt ruột. Trời khuya cũng khá lạnh, nhưng chó mẹ luôn nằm xoay tròn giữ ấm cho con.



Tôi để dành phần lớn thức ăn cho mẹ con nhà này, nhưng sáng nay thì không thấy chó mẹ đâu, chỉ thấy mấy con chó con bụi bặm đang nằm lẫn lóc bên đường. Người chủ quán trà chai mới vừa dọn hàng mở cửa, tôi hỏi chú có biết chó nhà ai không? Chú nói nó vô gia cư, chó hoang ở đây nhiều lắm, rằng con chó mẹ nó là chó điên, đừng để nó thấy mình đứng gần con nó, nhưng một hai lần tôi quan sát, thấy nó đánh nhau giành thức ăn với những con khác rồi tha về cho con nó, thì như vậy nó đâu có điên, nó cũng biết nuôi con nó đó thôi. Trao cho chú mấy bịch bánh và sữa, nói chú cho chó mẹ ăn giùm, xem như làm xong lời hứa lúc tôi mới đến, rồi tôi vội vã quay đi ra bến xe cho kịp, bỏ lại cái nhìn khó hiểu của người bán trà chai, có lẽ chú nghĩ tôi cũng là kẻ điên chăng?

PHẦN 5: NEPAL

Lumbini thuộc Nepal là nơi Đức Phật đản sinh, ngoài ra Nepal còn có vô số các di sản văn hóa Phật giáo được công nhận như: Hai ngôi tháp mang kiến trúc Phật giáo Tây Tạng Swayambhunath, Boudhanath, các khu kinh đô cổ Bhaktapur, Patan và những câu chuyện gắn liền với lịch sử Phật giáo khiến tôi đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác.

CẦN SA VÀ BIÊN GIỚI NEPAL

Ngoảnh đầu lại nhìn theo anh xe lỏi lần cuối, rồi tôi vội vã khoác ba lô đi ra trạm xe, hướng về Lumbini. Có một nhóm người nước ngoài cùng chuyến với tôi đang đứng bàn tán sôi nổi và giận dữ về chuyện bên công ty kêu dời chuyến đi sang ngày mai. Họ nói hôm nay các tài xế không chịu đi đường dài vì thành phố đang có lễ hội. Nhưng điều chúng tôi tức giận là đã biết là như thế sao sáng nay họ còn bán vé cho chúng tôi?

Hai người Hungary, hai anh người Ý, một anh người Mỹ, ba phụ nữ Trung Quốc, tổng cộng tám người lạc loài giữa bến xe, trong lúc thành phố đang tưng bừng chuẩn bị lễ hội cho ngày mai, giống như ngày 29, 30 Tết của người Việt Nam mình. Bất chợt tôi thấy nhớ nhà kinh khủng, nhớ mẹ, nhớ anh em như thể tôi đã đi từ mấy năm về trước, nhưng nghĩ hành trình sắp tới được đến nơi Đức Phật Đản Sinh, tôi thấy đỡ đi phần nào. Vì mấy anh bạn Tây ba lô làm dữ dằn quá nên cuối cùng bên công ty đồng ý mượn cho chúng tôi một chiếc xe van nhỏ để đi đến biên giới Nepal nhưng chúng tôi phải trả thêm tiền, dù bụng mình nhưng cả nhóm cũng đành phải chấp nhận.

Nửa tiếng sau, xe và tài xế xuất hiện, tám người cộng thêm tài xế là chín, với chiếc xe bảy chỗ ngồi và một đồng hành lý. Vất hết hành lý lên mui xe, thằng nào to con nhất cho ngồi ghế trước, bốn đứa nhỏ nhỏ nhút bingham chính giữa, ba đứa trung trung thì ngồi băng sau cùng. Ban đầu thấy cũng ổn nên tạm chấp nhận, nhưng chỉ mới một phần ba quãng đường, tất cả đều đã ê ẩm mình mẩy. Đối với tôi, lần này đã là ngoài sức chịu đựng và thử thách, thuộc loại nhỏ con nhất trong đám mà chỗ ngồi còn không cựa quậy nhúc nhích được, trong đầu tôi niệm sân si bắt đầu khởi lên, không còn nhớ gì đến Phật pháp nữa. Lúc đó ai mà nói chuyện Phật pháp với tôi chắc tôi sẽ lên cơn điên mất.

Tôi thấy mấy anh bạn của mình tài giỏi làm sao, ban đầu thấy họ cũng giận dữ lắm, nhưng những đoạn đường về sau thì êm ru, người nào người ấy nói chuyện líu lo, vui vẻ, rồi bắt đầu cuộc giao lưu trao đổi văn hóa, tên gì, đến từ đâu, kế hoạch sẽ đi đâu, làm gì trong mấy ngày sắp tới, từng người một giới thiệu nhưng vì mệt quá tôi gật gù đại cho xong chứ thật ra chẳng nhớ nổi tên ai. Cuối cùng mới biết là bọn họ nhờ hút cần sa nên mới tự nhiên vui đến vậy,

thảo nào một đôi lần gì đấy, một trong hai anh người Ý tần mẩn ngồi quán thuốc rồi chuyển tay cho người ngồi kế bên, họ cũng chuyển cho tôi nhưng tôi cứ nghĩ là thuốc lá nên từ chối. Trò chuyện một hồi qua lại, hết chủ đề để nói, chúng tôi bắt đầu nói về Marijuana (cần sa).

Không có gì xa lạ lắm khi văn hóa phương Tây đi kèm với cần sa. Rằng cần sa là người bạn tri kỷ của những kẻ lang thang cùng trời cuối đất, trào lưu hippie hoặc những ai cần sự giúp đỡ liên quan đến tinh thần với một liều lượng và thời gian nhất định. Nhìn chung, nó làm cho người ta sống trong ảo giác thoải mái, thư giãn vào một lúc nào đó (nếu là người dùng thông minh), còn nếu dùng loại nặng hơn, sẽ có sự lệch lạc trong tư duy nhận thức và xa rời thực tế. Anh bạn kế bên tôi phát biểu rằng: Hãy nghiên cứu số liệu thống kê người chết do rượu, thuốc lá và cần sa đi, tôi chắc chắn rằng người chết do rượu và thuốc lá sẽ nhiều hơn là do hút cần sa, thế mà không hiểu sao luật pháp lại không cho buôn bán cần sa hợp pháp, còn rượu và thuốc lá thì được phép công khai.

Anh còn giải thích thêm rằng, 3.000 năm trước đây làm gì có những luật lệ này, ngày xưa, con người xem cần sa như một loại thuốc quý, thậm chí vị thần Shiva được người Ấn Độ tôn sùng cũng từng chiều chiều lên đồi núi ngồi hút Marijuana. Vì vậy mà nhiều tín đồ của ông xem việc hút Marijuana là một việc rất đỗi bình thường. Họ không coi đó là một việc xấu mà tất cả đều do tâm của con người, bản chất của Marijuana không phải là xấu nhưng chính người sử dụng đặt tên, kết tội, lên án và tuyên dương nó. Đối với anh, việc hút Marijuana chỉ như ăn một món ăn mình ưa thích và dùng đi dùng lại món ăn đó hàng ngày.

Kể ra anh biện luận cũng khá hợp lý, nó mang đến cho tôi ý nghĩ về con đường Trung Đạo của Đức Phật, bất cứ cái gì cũng “vừa phải” mà thôi, hễ “quá” là không được. Những người có sự nhận thức tâm linh cao chắc hẳn sẽ có những cảm giác khác với người bình thường. Tôi nhớ mình đã đọc đâu đó trong một quyển sách nói về các thầy tu Tây Tạng, họ cũng đã từng dùng cần sa để quán chiếu các hiện tượng của tâm và từ đó mà khai mở tầm nhận thức. Theo họ, với định lực nội tâm mạnh mẽ thì những gì loại cây thần kỳ này mang lại sẽ có nhiều lợi ích, hơn nữa nếu biết dùng đúng cách đó sẽ là loại thảo dược trị bệnh hiệu quả.

Trên chuyến xe dài chật vật, chủ đề nóng bỏng này lấy lại tinh thần cho chúng tôi. Tôi thì lại kém hiểu biết về vấn đề này và thường đánh đồng marijuana với các loại thuốc phiện loại nặng khác như heroin. Vì vậy mà trong bất cứ cuộc tranh luận nào, tôi luôn sẵn sàng bảo vệ quan điểm của mình là không nên sử dụng, trừ những trường hợp rơi vào điều kiện bệnh lý cần sự trợ giúp, còn bằng không tôi thấy không có gì đáng phải dùng nếu chỉ để muốn có cảm giác vui hơn một chút. Nếu như thế thì việc thực tập thiền định luôn cam kết một trạng thái hạnh phúc lâu dài hơn những gì vay mượn từ phía bên ngoài. Bởi lẽ đó là một loại trạng thái có thật chứ không phải là ảo giác và niềm

an lạc của thiên định là điều không có loại thuốc phiện nào có thể so sánh được, tôi cho rằng đó là loại hạnh phúc hoan hỷ và cao cả nhất.

Trong quyển sách *Theo chân các đạo sư Tây Tạng*, thầy Lama Ole Nydahl, người Đan Mạch, một trong hai người phương Tây đầu tiên trở thành đệ tử của Pháp Vương Gyalwa Karmapa đời thứ 16, kể lại câu chuyện cuộc đời của ông từ một kẻ nghiện và buôn lậu thuốc phiện trở thành một bậc đạo sư cao quý, trong đó ông đã trang trải cõi lòng mình về vấn nạn ma túy:

“Tôi ước là mình có thể cho đi mọi điều để kéo những người bạn trở lại với chúng tôi như cũ nhưng hầu hết họ đều đã chết và thường chết rất thương tâm. Một vài người khác thì lạc lối trong thế giới của riêng họ đến nỗi không có nơi nào để kết nối họ với cuộc đời này. Giờ đây tôi chỉ có một lời khuyên duy nhất về ma túy, đó là: hãy tránh xa chúng. Ma túy sẽ cướp đi nhận thức của bạn, khiến bạn trống rỗng. Hậu quả không xuất hiện ngay nhưng nó sẽ đến và thật khó để sửa chữa điều gì. Để đạt tới sự giác ngộ chỉ có cách dùng trí tuệ tự nhiên vốn có của con người kết hợp với một phương cách đúng đắn...”

Giờ nhớ lại những lời nói này tôi thấy thật chí lý, tôi định chia sẻ những gì mình vừa suy nghĩ với những người bạn trên xe nhưng thiết nghĩ mỗi người nên chịu trách nhiệm với hành động của riêng mình.

Chúng tôi đến biên giới Ấn Độ và Nepal vào lúc trời sập tối, bước xuống xe qua phòng lãnh sự quán Ấn Độ xuất trình passport làm giấy tờ xuất nhập cảnh. Trong gian phòng nhỏ hẹp cũ kỹ, muỗi bay vo ve, ánh đèn lúc tối lúc sáng vì thiếu điện, các quan chức Ấn Độ vui vẻ xuề xòa nhanh chóng đóng dấu cho chúng tôi. Nếu quan chức Ấn Độ thoải mái, dễ dàng bao nhiêu thì những người lính quân đội Nepal lại nghiêm bầy nhiêu. Họ lạnh lùng với khẩu súng dài trên vai và những chú chó huấn luyện chuyên nghiệp cho riêng việc chống khủng bố và buôn lậu cần sa. Tuy nhiên, những anh bạn của chúng tôi thì chẳng có vẻ gì quá lo lắng cả. Hai đất nước cách nhau một hàng rào, hai luật lệ riêng nhưng nhìn chung không có gì khác nhau giữa phố xá, nhà cửa, quang cảnh. Ngôn ngữ cũng không là vấn đề trở ngại, bởi người Nepal hiểu tiếng Hindu và nhiều người chủ cửa hàng bên phía biên giới Ấn Độ thông thạo tiếng Nepal. Các hàng quán và địa điểm thương mại dịch vụ như khách sạn và dịch vụ đổi tiền hoạt động nhộn nhịp chứ không như lời nói dối có cánh bên phía biên giới Ấn Độ.

Cả bọn cùng kéo nhau đi đến một khách sạn gần đó vốn được bao gồm trong tiền vé, tôi nhớ khách sạn tên là Paradise Hotel thì phải, nhưng khi đi vào, tôi thấy nó giống địa ngục hơn là thiên đường. Các dãy phòng tối om om, nước không có, giường chiếu bẩn kinh khủng, tường thì đầy xác chết của muỗi và côn trùng khác, nhưng vì mệt quá tôi đành chia tay với nhóm đồng cảnh ngộ để về phòng mình. Ngày mai, tôi sẽ lên đường đi về Lumbini, còn họ lại đi về Pokhara, một thành phố lớn của Nepal cách Kathmandu 200km để tham dự một lễ hội âm nhạc gì đó.

Đành chia tay nhau tại đây, ai về phòng nấy, tôi ngã xuống giường, tóc tai rũ rượi, đầu óc không thể nghĩ thêm được cái gì nữa rồi.

KHI HỒNG HẠC BAY VỀ

Sáng nay tôi thức dậy trong tinh thần uể oải, gọi ly cà phê sữa và ăn sáng vội rồi tranh thủ đón xe đi đến nơi Phật đản sinh, cách biên giới tầm 30km. Nepal cũng đang ăn mừng lễ hội ném màu như Ấn Độ, hôm nay lại là ngày chính của lễ hội nên xe bus chỉ chạy hai chuyến một ngày, chuyến đầu tiên đã bị bỏ lỡ, chuyến thứ hai thì phải chờ đến tận 7h tối. Năn nỉ mãi công ty du lịch gần đó mới cho chúng tôi thuê xe hơi bốn chỗ với giá gấp đôi thường ngày.

Đường đi vào Lumbini yên vắng và thanh bình quá. Những hàng cây xanh trải dài hai bên đường làm mát lòng khách tha phương, có những đứa bé trên đường chặn xe chúng tôi lại để ném màu như một cử chỉ chúc phúc may mắn. Anh tài xế căn dặn tôi kéo kiếng xe lên, khóa chốt cửa rồi chìa tiền cho lũ trẻ và van xin bọn chúng tha cho chúng tôi. Trông bọn chúng quần áo đầu tóc rối bù như bị nhuộm màu, ngay cả các cây bên đường, những chú bò cũng bị ném màu, tất cả tạo nên một bức tranh màu sắc trông thật vui mắt.



Khuôn viên và chánh điện của Việt Nam Phật Quốc Tự ở Lumbini

Xe dừng trước cổng của khuôn viên Lumbini. Trong đầu tôi không nghĩ là nơi này rộng đến vậy, trên tấm bản đồ có ghi chú khuôn viên được chia ra làm hai khu vực: phía Đông là các tu viện Phật Giáo Nguyên Thủy và phía Tây là các tu viện theo trường phái Đại Thừa và Kim Cương Thừa, bao gồm nhiều chùa tháp và tu viện của các nước. Tuy nhiên, địa điểm chính vẫn là khu thánh tích đền thờ Mayadevi và trụ cột do vua Asoka đánh dấu nơi Đức Phật đản sinh.



Hình ảnh thầy Huyền Diệu

Tôi lần mò bản đồ để đi đến Việt Nam Phật Quốc Tự, là ngôi chùa Việt Nam trên đất Phật đản sinh, định bụng sẽ xin tá túc vài ngày ở đây để tham quan khu thánh tích này luôn. Đi bộ một đoạn là đến nơi, nhưng thấy cổng khóa, phía trước có bảng thông báo là hiện chùa đang trùng tu nên không tiếp khách vào tham quan, chỉ thấy hai chú gà trống trông dữ tợn cất tiếng gáy như gọi người mở cửa, ngoài ra không có ai ở đó cả. Tôi thử nhấn chuông lần nữa thì may thay có một anh thanh niên trông to lớn khỏe mạnh bước ra.

Anh tên là Phil, người Việt, gốc Úc, tiếng Anh rành hơn tiếng Việt, giải thích cho chúng tôi là sư thầy Huyền Diệu hiện không có ở đây mà đang ở Bồ Đề Đạo Tràng. Thế là tôi lại không có duyên đánh lễ thầy rồi, mà quả là không có duyên thật, vì khi tôi ở Bồ Đề Đạo Tràng cũng không hề hay biết là thầy hiện đang ở một ngôi chùa gần đó, nếu biết vậy thì tôi đã tá túc chùa ở dưới rồi chứ không phải cực khổ mướn phòng ở ngoài rồi lên cơn sốt rét vật vã mấy ngày trời. Tuy vậy, thấy trời tối rồi anh cũng không nỡ để chúng tôi cuộc bộ ra ngoài cổng nên anh cho phép tôi trọ lại qua đêm.

Anh dẫn tôi vào dãy phòng dành riêng cho Phật tử thập phương. Ở đây có hơn 10 gian phòng được xây cất nhưng giờ không có một ai, cái lạnh ban đêm ở Nepal không khác Ấn Độ mấy, nóng thì cực kỳ nóng, mà lạnh thì lạnh thấu

xương. Tôi vốn chịu lạnh rất dở nên người lúc nào cũng cảm giác như bị bệnh. Anh Phil nói anh làm tình nguyện viên ở đây đã nhiều năm rồi, mà mỗi năm gần ba đến sáu tháng, chùa hiện tại chỉ có anh, chú Đê, một bác bảo vệ người Nepal và một sư thầy nữa thay thầy Huyền Diệu trông coi chùa, tổng cộng có bốn người.

Tôi vào cất hành lý, rửa mặt mũi chân tay, lấy hộp cơm còn sót lại lúc chiều mua ở ngoài cổng ăn lót lòng đỡ, như vậy là yên tâm tối nay có nơi nghỉ ngơi, lại được ở trong chùa thanh tịnh. Cũng đã gần 7h tối, chùa lại tiết kiệm điện nên chỉ bật điện ở chánh điện lúc thầy tụng kinh và lễ lạy, sau đó rồi cũng tắt hết đèn đi ngủ. Anh Phil thì có cái đèn pin chuyên dùng đi tới đi lui, sắp đến rằm nên trăng bên ngoài rất sáng, anh thắp ngọn đèn cây, pha một bình trà nóng rồi gọi tôi ra ngồi ngắm trăng tán gẫu, chắc lâu ngày rồi khách hành hương ít ghé qua nên có dịp được trò chuyện anh vui lắm.

Anh kể lúc sư thầy Huyền Diệu đặt chân đến chiêm bái Lumbini vào năm 1969, vùng đất thiêng khi đó trông thật điêu tàn và thảm hại, ngay cả trụ đá thánh tích kỷ niệm nơi Đức Phật đản sinh cũng bị người dân địa phương phóng uế bừa bãi... chứ đâu được như bây giờ, có điện, nước, đường sá đi lại thuận tiện. Anh nói tôi đến vào thời điểm này là thời điểm vàng son rồi đó, tuy vậy, tôi vẫn có cảm giác như mình lạc vào xứ sở hoang sơ nào đấy cỡ hơn 30 năm về trước.



Hình ảnh chim hồng hạc ở Việt Nam Phật Quốc Tự

Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm, đi một vòng quanh khuôn viên tự quan sát những chú chim hồng hạc, loại chim này tựa giống như sếu hay cò nhưng cao lớn hơn gấp nhiều lần. Chúng có bộ lông màu xám nhạt, trên cổ lại có một vòng màu đỏ làm điểm nhấn, mỗi khi vươn giữ đôi cánh trông rất kiêu sa và xinh đẹp. Đây cũng là giống chim cao nhất thế giới và có đặc tính sống riêng lẻ từng cặp, nghĩ cũng lạ, giữa vùng núi rừng hoang vu lại có loại chim quý hiếm này sinh sống thì thật là kỳ diệu.

Anh Phil nói ngày xưa lúc sư thầy tạm trú trong lều khi xây dựng ngôi chùa này, có hai chú chim hồng hạc to lớn không biết từ đâu bay về làm tổ, đất lạnh thì chim đậu nên ngoài công việc xây dựng, thầy còn ra sức vận động người dân bảo vệ loài chim quý hiếm này, có lẽ vì vậy mà loài chim này đặc biệt yêu mến thầy, hết lứa này lứa khác kéo về khu đất gần chùa làm tổ.

Khuôn viên chùa phía sau còn có trồng thêm rau cỏ như bắp cải, hành, cải ngọt, xà lách... Vì điều kiện ở đây thiếu thốn, điện thì hay bị cúp mà có đi chẳng nữa cũng trời lên sục xuống, nước được lấy từ giếng nên cũng phải tiết kiệm, chợ thì buôn bán thưa thớt mà chỉ mở cửa hai lần mỗi tuần nên anh Phil nói việc có vườn rau phía sau là tốt nhất, tự cung tự cấp, đỡ phải vất vả đi tới lui.

Rau bắp cải và đặc biệt là rau má mọc đầy khắp nơi, xanh tươi tự nhiên, anh Phil bày tôi bứt chín lá rau má trong vườn ra suối rửa sạch rồi ăn sống, sẽ chữa được nhiều bệnh của phụ nữ. Tôi cũng nghe lời anh, ra nhặt từng lá, rồi xuống suối rửa và bỏ vào miệng nhai ngon lành. Việc chữa lành bệnh không biết có hiệu nghiệm không, nhưng tôi thấy ngon lạ vì có lẽ lâu ngày rồi không có rau xanh trong người. Cũng có lẽ khi con người ta quá đầy đủ thì cảm thấy mọi thứ bình thường, nhưng khi đến những nơi hoang vắng thế này, mới thấy mình trân quý từng cọng rau ngon cỏ.

Anh Phil cũng tâm sự rằng những ngày mới đến đây, anh vô cùng ngao ngán, sống ở phương Tây cái gì cũng có, đồ ăn thì nhiều lựa chọn, khi đến đây rồi cái gì cũng thiếu, nhưng anh lại thấy tâm của mình được thanh thản nhẹ nhàng, anh buông xả được nhiều thứ, sống cần kiệm và đơn giản hơn. Cứ mỗi năm anh trở về đây tầm ba tháng hoặc có khi hơn để phụ giúp thầy trong việc xây dựng chùa, bạn bè và gia đình nói anh hoàn toàn lột xác. Riêng tôi thì tôi thấy phục anh quá đỗi, cũng ước muốn được như anh, bỏ hết mọi ràng buộc của trần thế mà quay về sống đời thanh đạm, gần gũi Tam Bảo, thế nhưng nghiệp có vay thì phải trả, tôi vẫn chưa thể thông thả mà đi được...

VƯỜN THIÊN LUMBINI

Tôi ngồi nơi đây dưới cội cây bồ đề, mắt nhìn về Maya Temple và trụ đá in dấu nơi Đức Phật đản sinh mà hồi tưởng lại câu chuyện ngày xưa. Câu chuyện kể lại rằng, nước mà Đức Phật đản sanh lúc bấy giờ là Nepal, một nước ở ven

sườn dãy Hy Mã Lạp Sơn, dãy núi cao nhất thế giới. Phong cảnh ở đây rất đẹp, dân cư ở xứ này đều là những người thuần lương. Vị vua trị vì lúc bấy giờ là Tịnh Phạn, một vị vua thuộc dòng Thích Ca, là một dòng họ lớn đã mấy mươi đời nổi nghiệp trị vì đất nước này. Hoàng hậu Ma Da (Maya) cũng là người thuộc dòng vua chúa đã lâu đời. Cả vua và hoàng hậu đều là người đã nhiều kiếp tu hành, có đức hạnh lớn và được lòng dân chúng.



Maya Temple, ngôi đền Maya đánh dấu nơi Đức Phật đản sinh

Một hôm, trong thành Ca tỳ la vệ, là kinh đô của vua Tịnh Phạn, có lễ vía Tinh tú, vua và quần thần cùng mở tiệc vui chơi. Hoàng hậu Ma Da, sau khi dâng hương hoa cúng dường trong cung điện rồi, ra ngo môn bố thí thức ăn, đồ mặc cho dân nghèo, khi trở về cung an giấc, bà nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà từ trên hư không xuống, lấy ngà khai hông bên hữu của bà mà đi vào thân. Bà đem điều chiêm bao ấy thuật lại cho vua Tịnh Phạn nghe. Vua ra lệnh mời các thầy đoán mộng, các nhà tiên tri đoán rằng: *“Hoàng hậu sẽ sanh một vị quý tử tại đức song toàn.”* Vua Tịnh Phạn hết sức mừng rỡ vì tin rằng ngôi báu từ đây sẽ có người truyền nối. Quả thật sau đó, hoàng hậu thọ thai hoàng tử.

Theo truyền thống của dân tộc Ấn Độ đương thời, người đàn bà mang thai đứa con đầu lòng phải trở về quê ngoại để sinh. Do vậy, gần tới thời kỳ lâm bồn, hoàng hậu Ma Da cũng tuân theo cứ lệ. Trên đường từ Ca tỳ la vệ đến

quê ngoại nhằm vào ngày mồng 8 tháng Tư âm lịch, cách thành Ca tỳ la vệ 15 cây số, hoàng hậu đã trở bụng và hạ sanh hoàng tử dưới tàng cây Asoka⁽¹⁾ trong khu rừng nhỏ có tên là Lumbini. Ngày ấy, trong thành Ca tỳ la vệ, cảnh vật đều vui vẻ lạ thường, khí hậu mát mẻ, cây cỏ đơm hoa kết trái, trên hư không chim chóc và hào quang chiếu sáng cả mười phương, có rất nhiều những bản kinh văn ghi chép, ca ngợi giờ phút long trọng ấy.

Theo Kinh Tập, sau ngày hoàng hậu Ma Da và tiểu hoàng tử trở lại Ca tỳ la vệ, vị thánh tên là A Tư Đà, sống trên dãy núi tuyết Hi Mã Lạp Sơn đến kinh thành, yết kiến nhà vua và xin xem tướng đứa bé. Khi diện kiến hài nhi sơ sanh, lòng của đạo sĩ A Tư Đà ngập đầy vui sướng. Ông ta chỉ ra những tướng quý trên người cậu bé và tiên đoán rằng thái tử là một bậc cao quý trong nhân thế. Theo sự tiên đoán của A Tư Đà, nếu làm vua, Siddhattha sẽ trở thành Chakravarti (Chuyển luân thánh vương - nghĩa là vua của tất cả các vua), và nếu xuất gia sẽ trở thành bậc đại giác ngộ. Và thật vậy, lời tiên đoán ngày nào đã trở thành sự thật, 2.500 năm sau nhân gian vẫn mãi nhắc tên Ngài, một bậc giác ngộ.

Năm 1896, nhà khảo cổ người Anh tên là Cunningham đã khai quật được một số di chỉ quan trọng ở Lumbini, trong số đó có một thạch trụ cao 6,5 mét do hoàng đế Asoka dựng năm 245 trước Tây lịch. Trên đó khắc dòng chữ :*“Vua Devanampiya Piyadasi (Ashoka), niềm tin tưởng của chư thiên, sau 20 năm trị vì đã đích thân đến đây chiêm bái. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã Đản sinh tại đây. Nhà vua ban lệnh khắc tượng đá và cột đá để kỷ niệm nơi Ngài đản sinh. Dân làng Lumbini được giảm một phần tám thuế.”*

Hiện nay, những dấu tích quan trọng còn sót lại đang ở tình trạng xói mòn và hư hoại bởi thời gian. Xếp hàng theo dòng người khách thập phương đang lặng lẽ cầu nguyện, tôi tiến vào bên trong ngôi đền tưởng niệm hoàng hậu Ma Da trong sự kiểm tra nghiêm ngặt. Bên trong là những nền gạch cũ nát, những vết tích cổ xưa như dấu chân in trên đá, được xác định như là vị trí chính xác lúc Đức Phật đản sinh vẫn còn nguyên hiện trạng lúc khai quật.

Trong sự yên tĩnh tuyệt đối, tôi nhìn thấy những bàn tay thành kính chấp lại, có người đang khóc trong niềm xúc động thiêng liêng, riêng tôi thật lạ, tôi có cảm giác mình hoàn toàn trống rỗng. Tôi bước ra bên ngoài, vươn mình đón làn gió nhẹ trong lành rồi thơ thẩn dạo quanh khuôn viên, kia là hồ thiêng nơi hoàng hậu lần đầu tắm cho thái tử, nước hồ trong xanh, mặt hồ yên tĩnh phản chiếu bầu trời trong yên ả, kia là cội bồ đề cổ thụ vươn cành lá xum xuê che bóng mát cả một vùng. Một vài vị Bà La Môn đang ngồi yên trong trạng thái thiền định, không gian bốn bề yên lặng, chỉ có tiếng lá bồ đề xào xạc rơi trong gió, tiếng quạ kêu râm ran giữa trưa hè, những lá cờ Phật giáo Tây Tạng được kết nối vòng quanh các cội bồ đề khê đung đưa trong gió.



*Tác giả hành thiền dưới cội cây bồ đề gần
khôn viên đền thờ hoàng hậu Ma Da*

Tôi đi nhiều ba vòng xung quanh trụ tháp của vua A Dục miệng lâm râm cầu nguyện, anh Phil nói Tác giả hành thiền dưới cội cây bồ đề gần với tôi rằng cũng chính nơi đây, trước trụ đá này, lời nguyện ước của sư thầy Huyền Diệu có được ngôi chùa Việt Nam trên đất Phật đã trở thành hiện thực, và riêng đối với bản thân anh, những điều ước được anh ghi thành một danh sách hầu hết cũng đã trở thành sự thật, dĩ nhiên anh nói tất cả những điều đó phải tránh mưu cầu cho chính bản thân mình...

CẶP RẮN THẦN VÀ THẦN HỘ PHÁP

Buổi tối ở chùa, vào khoảng tầm 6 đến 8h chiều là thời điểm thầy phó trụ trì lên chánh điện tụng kinh và lễ lạy, ngoài ra thì thầy thường ở trong thư phòng nghiên cứu và làm công việc Phật sự, vì vậy tôi cũng chưa được đánh lễ thầy mà cũng không dám làm phiền đến thầy. Tôi được nghe anh Phil nói lại rằng thầy có một phát nguyện lớn là thực hành lễ lạy bộ kinh Pháp Hoa, mỗi một chữ thầy lạy một lạy, cứ như thế cho đến hết bộ kinh thì thôi. Có hôm, tôi mon men lên chánh điện ngồi phía sau cổ công lạy theo thầy, hai thầy trò cứ lặng lẽ một tiếng chuông, một lạy như thế cho đến khi tôi không thể theo nổi nữa thì thầy vẫn thông thả một mình. Tối nay anh Phil lại châm trà ở sân sau và gọi tôi cùng trò chuyện, trăng đêm nay thật đẹp, khí trời se lạnh, không biết tự dạo nào tôi thích uống trà ngắm trăng thế không biết, cứ tưởng mình đã già ngoài 50.

Không gian bốn bề tĩnh mịch, nói về chuyện đời, chuyện đạo, chuyện về công lao vất vả của thầy Huyền Diệu trong những ngày mới thành lập ngôi tự viện, anh Phil nói rằng vùng đất này thuở xưa có rất nhiều rắn độc cư ngụ cũng như thú dữ thường tới lui từ các vùng lân cận. Sau khi được chính phủ và quốc vương Nepal cấp cho đất để xây chùa, sư thầy Huyền Diệu đã nhiều lần cúng vái và cầu xin các Ngài rắn di dời đi chỗ khác, từ đó trở đi quả thật là không còn rắn sinh sống trên khu đất này nữa nhưng có người vẫn còn trông thấy một đôi rắn rất to, bằng bắp vế người, hiền lành không làm hại đến ai, tuy nhiên người dân trong làng tin rằng đây là đôi rắn thần. Họ còn tin rằng nếu một ai đó đến nơi này và được Thần Rắn cho nhìn thấy thì cũng có nghĩa là người này phải lập tức rời khỏi vì đó là dấu hiệu cảnh báo, nếu không sẽ có chuyện không hay xảy ra.

Anh Phil mỉm cười ra vẻ bí mật khi kể cho tôi nghe về điều đó, anh tin rằng vùng đất nào cũng có sự cai quản của các vị Thần mà anh hay nói đùa là các vị Police (cảnh sát). Anh nói trong khuôn viên Việt Nam Phật Quốc Tự này, trên chánh điện, tả hữu có thờ hai vị Thần Hộ Pháp, bất kỳ ai đến đây ở, xin làm công quả hoặc khách thăm viếng mà Tâm chưa thanh tịnh thì không thể ở đây lâu được, nếu không thì đêm ngủ sẽ thấy như bị một ai đó khiêng xuống giường, hoặc bị trêu chọc, hoặc thấy ma quỷ hiện hình khiến cho họ phải tự động rời khỏi chùa.

Anh kể có lần có một người bạn đến thăm chùa, nghe anh nói như thế đã không tin mà còn can đảm thách thức hai vị thần, rồi một hôm tối, anh bạn ấy ra thắp nhang cho Thần Hộ Pháp và khấn rằng: *“Quả thật nếu các Ngài linh nghiệm như vậy thì cho con tối nay nằm mơ thấy Ngài”*. Vậy là rạng sáng hôm sau, mọi người trong chùa nghe tiếng anh bạn ấy la thất thanh, sau đó chạy ra ngoài và với một vẻ mặt hoảng sợ tột độ. Anh lấp bắp kể lại rằng lúc anh đang ngủ thì thấy một vị thần cao lớn, râu dài, tay cầm cán trượng giống hệt như vị Thần Hộ Pháp trên chánh điện. Ngài đến gần rồi nhìn vào mắt anh, bỗng nhiên anh nhìn thấy vô vàn những cảnh tượng ghê sợ, ma quỷ nhảy múa xung quanh mình, lúc đó anh có kêu la cầu cứu dữ lắm nhưng không ai nghe thấy tiếng của anh, giật mình tỉnh dậy mà cũng không biết là thật hay mơ. Sau đó, anh tự hiểu rằng, có lẽ những hình ảnh kia thật sự là do Tâm bất tịnh của anh tạo ra, còn vị Thần thì thị hiện để cho anh biết điều ấy, và từ đó trở đi, anh mới thật sự tin lời anh Phil nói.

Anh Phil cũng nửa đùa nửa thật bảo tôi nếu chưa tin thì lên chánh điện đốt nhang làm y như anh bạn kia rồi sẽ thấy các Ngài, tôi khoác tay luôn miệng xin thôi. Tôi nhớ trong Kinh Địa Tạng Bồ Nhị Nguyên, Ngài Ananda có miêu tả lại rằng, mỗi lần Phật nhập định thuyết pháp, có vô số chư Phật và đại Bồ Tát trong vô lượng thế giới ở mười phương đều hội họp như: Trời, Rồng, các Vị Thần ở cõi Ta Bà như Thần Biển, Thần Sông, Thần Rạch, Thần Cây, Thần Rừng, Thần Núi, Thần Đất và các Đại Quỷ Vương. Nếu theo Kinh thì nhưng chứng tỏ ở mỗi nơi đều có sự hiện diện của một thế giới khác nhưng vì nghiệp lực chiêu cảm nên chúng ta không thể nhìn thấy bằng mắt thường được. Có lẽ cũng chính vì vậy mà khi đi đến những nơi rừng thiêng nước độc, ông bà xưa thường hay căn dặn là đừng chọc phá hay ăn nói bậy bạ mà bị các thần quở phạt.

Còn nhiều chuyện ly kỳ nữa như câu chuyện công nhân xây dựng chùa ăn cắp ngói đi bán, chùa phát hiện ra thì họ thú nhận rằng, mấy lần lấy ngói của chùa nhưng hễ chở đến nơi giao ngói mở ra thì ngói đều bị bể hết không miếng nào còn nguyên. Rồi câu chuyện người thợ Ấn Độ lên vào chùa ăn cắp xi măng, thế nhưng hễ vác ra tới cổng thì bị đứng yên như trời trồng, giống như có người níu chân lại, sư thầy bắt gặp được anh ta đứng đội bao xi măng nên hỏi, anh ta thú nhận là tự nhiên bước chân đi không được, sư thầy bảo đem bao xi măng vác trở vô trong chùa thì anh ta lại cử động được bình thường. Giữa khuya mà anh toàn nói chuyện kỳ lạ làm tôi bất giác rùng mình, cứ tưởng tượng ban đêm mà thấy cặp mắt đỏ ngầu của Thần Rắn hay Thần Hộ Pháp chắc tôi cũng té xỉu trước chứ chẳng chơi, mặc dầu anh Phil khuyên rằng “cây ngay thì không sợ chết đứng”.

Tôi hỏi lại chứ anh có lần nào nhìn thấy vị Thần Hộ Pháp chưa, anh nói chưa, có lẽ anh có duyên gần bó nơi này nên các Thần thương mà cho ở.

Cuộc trò chuyện kết thúc lúc nửa đêm, thầy phó chủ trì đã về thư phòng nghỉ ngơi, chúng tôi ai cũng về phòng ấy. Ngoài vườn, ánh trăng rằm vàng vạc tỏa

sáng khắp không gian, thì thoảng có một tiếng sói đơn cô gọi đàn, tôi nằm xuống nhắm mắt lại, miệng thì thầm: “Xin Ngài đừng để con thấy Ngài, Thần Hộ Pháp ời!!!”

THIÊN ĐƯỜNG NHỎ

Khi xin visa vào Ấn Độ ở lãnh sự quán Myanmar, thay vì điền vào multiple entry thì tôi lại điền vào single entry, có nghĩa là visa chỉ cho phép đi ra khỏi Ấn Độ mà không được phép vào lại. Đến khi lãnh sự quán Ấn Độ đóng dấu cái cup vào passport cho phép xuất cảnh thì tôi mới sực nhớ ra là tôi không còn đường quay về Ấn Độ để viếng thăm nơi Phật nhập Niết Bàn nữa rồi, mà muốn nhập cảnh trở lại thì phải lên lãnh sự quán Ấn Độ ở Kathmandu, thành phố thuộc Nepal, cách biên giới 200km để xin lại visa, dường như có bàn tay ai đó đang trêu chọc hay thử thách cho số phận của tôi, lại một lần nữa tôi gần như phát điên về tính ỷ lại và sơ suất của mình.

Tuy thời gian ở Lumbini vốn vẹn chưa đầy hai ngày nhưng đó là khoảng thời gian yên bình và hạnh phúc nhất với tôi. Tôi thích nhất là những buổi chiều lang thang từ chùa này đến chùa khác. Có nhiều chùa của các nước đặt ở đây như chùa Hàn Quốc, chùa Thái Lan, chùa Myanmar, chùa Đức, chùa Canada, chùa Sri Lanka, chùa Nhật Bản... có tổng cộng 19 công trình gồm đền thờ và tu viện của các nước đã và đang xây dựng tại đây. Vì khuôn viên Lumbini khá rộng lớn nên chúng tôi ra ngoài mượn xe đạp để thuận tiện di chuyển xung quanh.

Ngôi chùa đầu tiên tôi có nhân duyên ghé thăm là chùa Sri Lanka. Hầu hết vào thời điểm này không có nhiều khách du lịch thập phương nên chùa rất vắng vẻ, có nơi chỉ có một người trông nom, khách có thể tự do đi vào thắp hương ngoạn. Khi tôi vào, chùa Sri Lanka cũng không thấy một ai, cảm giác lạnh lạnh vì không có mùi nhang trầm ấm áp, có một anh người Nepal trông còn khá trẻ làm nhiệm vụ trông coi quản lý chùa, tuy nhiên anh cũng không nói tiếng Anh nhiều nên anh chỉ khoác tay bảo tôi thoải mái tham quan. Dọc theo bờ tường trong khuôn viên chùa là những bức tranh tuyệt tác mô phỏng về cuộc đời Đức Phật làm cho tôi say mê quên hết mọi thứ xung quanh mình.

Gần khu tự viện, tôi khám phá ra có một khu vườn rất đẹp, tôi đạp xe băng qua những hàng cây xanh trải dài thẳng tắp, màu xanh non của lá cây trên cành, màu hoa tím rải đầy dưới mặt đất, trên hư không là tiếng chim hót líu lo, tiếng gió thì thầm, đâu đó một vài cô gái trong màu áo đỏ sari nhạt cười và cất cổ mang về, tất cả tạo nên một bức tranh hài hòa thanh thoát. Tôi có cảm tưởng như mình đang lạc vào miền quá khứ, vẻ đẹp hiền lành của ngôi vườn, ánh mặt trời chiều của hoàng hôn làm lòng người rung động. Tôi mê mẩn lang thang trong khu vực này cho đến khi trời tối hẳn, cái cảm giác tham lam muốn ôm trọn vào lòng tất cả những hình ảnh, muốn viếng thăm từng ngôi chùa một

rồi sực nhớ ra là mình đã không còn nhiều thời gian thật khó chịu. Thôi thì sẽ cố nắm bắt những khoảnh khắc cuối cùng trong ngày, ôi khu vườn nhỏ của tôi.

KATHAMANDU KẾ HOẠCH NGOÀI DỰ ĐỊNH

Tôi lên chánh điện lạy Phật mong cho việc giấy tờ visa được yên ổn, thầy phó chủ trì vẫn đều đặn thực hiện lễ lạy bộ kinh Pháp Hoa theo thời khóa công phu sáng và tối. Tôi chỉ dám len lén đứng phía sau thầy rồi tranh thủ lúc thầy nghỉ ngơi mà nói lời từ biệt, khi nói câu “thưa thầy con đi” thì tự nhiên nước mắt chực trào, không hiểu sao tuy tôi và thầy chưa nói chuyện và chỉ nhìn thầy từ phía đằng sau, nhưng tôi có cảm giác như thể thầy đã biết tôi từ lâu lắm và riêng tôi thì có một nhân duyên gì đó với ngôi chùa Việt Nam Phật Quốc Tự này.

Thầy điềm tĩnh thấp nén nhang cho Phật, rồi nói: *“Vậy cô đi mạnh khỏe, tôi cầu mong chư Phật gia hộ cho cuộc hành trình của cô được tốt đẹp”*. Thầy vẫn không quay lại nhìn tôi, có vẻ như thầy đã quá quen với hình ảnh khách hành hương đến rồi đi, như có duyên thì gặp hết thì chia tay. Còn tôi ra đi mà sao cứ thấy nặng lòng, nghĩ mình cứ đi từ nơi này đến nơi khác cũng chẳng biết để làm gì, cảm thấy mình không có một mục đích gì nhất định, ừ thì đi hành hương cho biết đây biết đó, cho được mang tiếng thơm là có nhiều phúc lành đi về nước Phật, thật ra cũng chẳng gì khác hơn là để thỏa mãn cái tôi tò mò của chính mình và vô tình làm cho cái “ta” trở nên lớn mạnh hơn. Người biết Đạo rồi thì ở đâu cũng có Phật, hễ biết thực hành theo lời Phật thì ở đâu cũng thành tựu được chứ không nhất thiết phải bôn ba khắp nẻo để mà lãng phí thời gian. Không ít lần như thế tôi tự nhắc nhở mình nhưng rồi cuộc hành trình không có ngày về vẫn tiếp tục...



Một góc thị trấn Thamel Kathmandu

Anh Phil và chú Đê đưa tôi ra tận cổng, không quên căn dặn đủ điều và đưa cho tôi quyển sách của sư thầy Huyền Diệu cùng với địa chỉ email của anh, tôi hứa là sẽ viết thư cho anh khi tôi đến nơi an toàn.

Bắt taxi quay ngược lại biên giới, trong đầu tôi nghĩ ra đủ cách để đối phó với phía phòng di trú. Khi đến nơi, vừa thấy họ thì tôi tỏ vẻ đáng thương, khuôn mặt đầy khổ não kể lể dài dòng lồi thối, họ bàn tán với nhau rồi cuối cùng dứt khoát là họ không thể làm gì khác hơn. Một mặt họ cảm thông cho tình cảnh của tôi nhưng một mặt cũng kiên quyết từ chối giúp tôi và khuyên tôi nên đón xe đi đến Kathmandu, nơi có lãnh sự quán Ấn Độ để xin visa. Thất thểu bước ra ngoài, nhìn bốn phương trời mà chẳng biết đi về đâu, tôi nghĩ tới chuyến đi sắp tới mà ngán ngẩm, đường về nhà ngày lại càng xa hơn chút nữa.

Bất chợt nghe loáng thoáng bên tai tiếng lơ xe rao bán vé đi Kathmandu, họ nói tối nay 7h có chuyến đi, nhìn bề ngoài chiếc xe cũng không đến nỗi nào, vả lại cũng chẳng cần biết là có phải loại xe tourist hay thông thường nữa, vì đảng nào họ cũng trả lời là có một loại xe như thế thôi. Còn hơn một tiếng nữa, thấy mọi người hối hả chất đồ lên xe, tự nhiên bản năng phiêu lưu trong tôi lại trỗi dậy, như thể có ai đó thì thầm với tôi rằng “phải đi thôi, đây là chuyến xe cần

phải đi”, vậy là mua vội bánh và nước rồi leo lên xe ngồi chờ, giá chỉ tầm 4 đôla cho đoạn đường dài 200km, đành phải ráng mà nhắm mắt cho qua đêm nay.

5h sáng hôm sau, sau hơn chín tiếng ngồi trên chuyến xe đêm kinh khủng ấy, tôi tự hứa với mình rằng đây là chuyến xe bus cuối cùng, tôi sẽ không bao giờ đặt mình vào hoàn cảnh như thế này nữa. Tôi đã tự làm nhảm một mình như một kẻ tâm thần và nguyên rửa tên tài xế mỗi khi hắn ta lại ngừng xe đón khách và dồn tôi về chỗ không còn có thể ngồi được nữa. Những lúc như thế tôi gào lên như thể cho tất cả mọi người đều nghe rằng: *“Chúng tôi là con người, chúng tôi không phải là động vật, các người chỉ vì tiền, tiền và tiền mà thôi, khi nào thì mới thật sự đủ cho lòng tham của các người.”* Mặc cho thái độ của tôi, cả tên tài xế và tên lơ xe lơ đi như thể không nghe thấy rồi tiếp tục dừng đón khách. Mọi người trên xe cũng như vậy, im lặng như chấp nhận số phận của chính họ, như cái im lặng của đêm, chỉ có tiếng gió luồn qua cửa sổ, trắng qua rầm vẫn còn sáng tỏ, hai bên đường mọi vật đang chìm trong giấc ngủ ngon.

Anh bạn sinh viên người Nepal trông điển trai ngồi kế bên tôi ra chiều thông cảm, như để bù đắp cho tôi, anh cố xê dịch chút đỉnh để tôi có thêm khoảng không gian dù chẳng đáng là bao nhiêu. Người bạn trai tôi thì xoa vai bóp lưng cho tôi, bảo tôi nên thư giãn một chút.

Tôi không thể nhớ là có bao nhiêu người trong chiếc xe ấy, bao nhiêu chặng họ dừng lại đón khách và bao nhiêu cái hổ gà khiến đầu tôi muốn nổ tung ra. Khi họ dừng lại cho chúng tôi đi vệ sinh, tôi đã năn nỉ họ tìm gửi tôi đi một chuyến xe khác tốt hơn với lý do là cơ thể tôi rất yếu và tôi đồng ý trả giá gấp đôi, thậm chí gấp ba. Nhưng khi nhìn những chuyến xe khác, tôi phải bỏ đi ý nghĩ đó vì chúng cũng không khác gì nhau lắm, lúc đó tôi chỉ biết đứng nhìn bầu trời đêm bao la và những vì sao lấp lánh trên kia mà không muốn đi bất cứ nơi đâu nữa. Rồi tôi khóc. Khóc vì xót xa cho thân thể nhỏ bé của thân phận con người, chỉ bấy nhiêu thôi mà không chịu đựng được nổi, khóc vì thấy xấu hổ với những người hành khách trên xe, họ đã quá đủ khổ với chính bản thân họ rồi lại còn phải gánh cả cái khổ của tôi, chỉ có khác một điều là họ đủ kiên nhẫn để có thể chịu đựng được, còn tôi thì không.

Tôi nghe một ai đó nói rằng, người dân Nepal xem thái độ nóng giận là một điều đáng xấu hổ. Và tôi thật sự lấy làm xấu hổ dù vì lý do gì đi nữa... Xe dừng lại ở một trạm xe bus cách thành phố Kathmandu chừng 15 phút, tôi nhảy xuống xe mà không đủ can đảm nhìn lại. 5h sáng, trời vẫn còn sương, các hàng quán ăn chưa mở cửa, vừa lạnh, vừa đói, lại chóng mặt, tôi bước vào một hostel ven đường, nhanh chóng trả tiền thuê phòng mà không nhớ mình cần phải trả giá, nhắm mắt lại thiếp đi, bên tai tiếng gió vẫn còn vi vu thổi.

Chào mừng đến Kathmandu. “My Legacy. My Pride. My Kathmandu.”

ĐÔI MẮT CỦA TRÍ TUỆ

Những con đường nhỏ xíu ngoằn ngoèo, hai bên đường là tiếng chào mời khách từ các cửa hàng quần áo dệt lụa, khăn choàng, các bức tượng Phật đủ kích cỡ, cho đến những hàng quán cà phê và quán bar hiện đại, khu thị trấn Thamel nổi tiếng của thung lũng Kathmandu là đây.

Tôi không biết gì về Kathmandu vì nó nằm ngoài dự kiến, nên lúc đến đây tôi lờ đi hết những địa danh vốn nằm trong văn hóa di sản của thế giới mà chỉ tập trung vào mỗi vấn đề xin visa vào lại Ấn Độ. Tuy nhiên khi đến văn phòng lãnh sự quán, tôi được họ cho biết rằng, bất cứ ai muốn xin visa lần thứ hai đều phải chờ ít nhất ba tháng, vì vậy họ chỉ đồng ý cấp cho tôi một loại visa transit trong vòng 72h nếu muốn trở lại Ấn Độ. Không một nhân viên lãnh sự quán nào ở biên giới nói cho tôi biết điều đó, có lẽ đó là nghiệp của tôi khi trong đầu tôi luôn có suy nghĩ tiêu cực về Ấn Độ hoặc một vị thần nào đó quá chán ngán thái độ phiền muộn của tôi nên quyết tâm trừng phạt.

72h thật sự là quá ngắn cho cả thời gian đi xe bus ngược trở lại biên giới và đi đến Kushinagar, trừ phi tôi đi máy bay, nhưng kinh phí của tôi thì đã gần cạn kiệt. Đến lúc này, trong tôi xuất hiện cái ý nghĩ Phật đâu chỉ ở Kushinagar, không cần phải viếng Tứ Động Tâm mới mang một ý nghĩ trọn vẹn cho cuộc hành hương mà ngay tại đây, Kathmandu này, tôi cũng sẽ có nhiều trải nghiệm tâm linh thú vị. Phải mất ít nhất hai ngày, trong đầu tôi mới thôi nguôi ngoai ý định đi hay ở lại ấy, mặc dù tâm trạng thật sự thất vọng, nhưng không còn cách nào khác là tôi đành phải chấp nhận một cách miễn cưỡng ở lại Kathmandu.

Quả thật tôi hơi bất ngờ khi Kathmandu có khá nhiều di sản văn hóa thế giới được ghi nhận. Các khu kinh đô cổ như Bhaktapur và Patan, hai ngôi stupa⁽²⁾ Tây Tạng Swayambhunath và Boudhanath, ngôi đền Hindu cổ kính linh thiêng Pashupatinath và Changu Narayan là những địa điểm được người bản địa khuyến khích nên bỏ qua.

Riêng tượng tháp Boudhanath, cách Kathmandu 5km về phía Đông, được coi là trung tâm Phật giáo Tây Tạng quan trọng bậc nhất với người Tây Tạng lưu vong kể từ khi bị Trung Quốc đánh chiếm cách đây 60 năm. Chỉ cần vừa đến nơi, chưa bước vào cổng, tôi đã cảm thấy xung quanh mình dâng tràn niềm hạnh phúc và sung sướng vô biên, có lẽ những lời tụng niệm, những câu thần chú mang năng lượng khai mở tâm linh của các vị Phật đã giúp cho những hành giả đến đây quên hết những buồn phiền, lo lắng. Câu thần chú được Phật tử Tây Tạng tụng niệm “Om Mani Pad Me Hum” mang trong nó tình yêu thương của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm với lợi ích chuyển hóa phiền não thành trí tuệ, sự bám chấp và thù hận. Theo Phật giáo Tây Tạng, những nguyên âm trong câu thần chú có ý nghĩa vô cùng rộng lớn, nhưng trong chừng mực nhất định nào đó, người ta có thể giải thích ngắn gọn như sau:

Om - chuyển hóa lòng kiêu mạn và cái tôi ngạo mạn

Ma - chuyển hóa ganh tỵ và đố kỵ

Ni - chuyển hóa bám chấp và những ước muốn của cái tôi

Pe - chuyển hóa vô minh và nghi ngờ

Me - chuyển hóa độc ác và tham lam

Hung - chuyển hóa ghét bỏ và giận dữ

Việc tụng niệm thần chú cũng giống như câu niệm Phật mang danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, có tác dụng như một phương pháp của thiền, tập trung tâm lắng lắng của hành giả vào một chỗ cố định, từ từ làm ngưng lại những suy nghĩ lăng xăng bên trong và mang tới sự an lạc nội tại, để rồi từ đó những cánh cửa trí tuệ được khai mở. Tôi đi nhiều ba vòng quanh stupa theo truyền thống, từ phía nào, tôi cũng luôn được dõi theo bằng đôi mắt trí tuệ của tượng tháp được nhìn ra từ bốn phía. Người ta tin rằng cấu trúc của stupa không chỉ đơn giản là một hình tháp như một chiếc mũ chụp, mà nó còn được xây dựng để tượng trưng cho bốn yếu tố Đất, Nước, Gió, Lửa cũng như có sự liên quan mật thiết với yếu tố khí trong sự vận hành của vũ trụ.

Phần chân đế có hình tròn vòm tượng trưng cho Nước.

Phần hình vuông mang đôi mắt của Đức Phật được nhìn ra từ bốn phía, phần giữa đôi mắt mà nhiều người lầm tưởng là sống mũi thì thật ra lại là ký tự số một trong tiếng Phạn, mang ý nghĩa cho sự hòa hợp của Phật giáo.

Ngoài ra, vì một lý do đặc biệt nào đó mà khuôn mặt Đức Phật không có đôi tai. Có nhiều câu chuyện kể rằng, đó là vì Đức Phật không muốn nghe mình được tôn thờ như một vị thánh thần có nhiều quyền năng ban phát, rằng chính bản thân mỗi người là chủ nhân của chính mình và tự quyết định cho số phận, không một ai khác có thể giải quyết khổ đau ngoài tự thân tâm của người đó.

Phần tiếp theo phía trên nhãn huệ là 13 bậc cấp đi từ lớn đến nhỏ khi lên cao, tượng trưng cho yếu tố Đất và lộ trình tu tập dẫn đến giác ngộ.

Phần đỉnh trông như cây nến nhỏ với những hình tròn, tượng trưng cho yếu tố Khí. Nó được biểu thị bằng màu xanh lá cây cũng như lòng ghen tỵ, sân hận và đố kỵ. Nếu được chuyển hóa, tâm hành này sẽ biến thành trí tuệ. Phần cao nhất của tháp thường biểu hiện một mặt trời bên trong một hình trăng lưỡi liềm, được hiểu như là đại diện cho yếu tố Hỏa, phần này đại diện cho sự vô minh và nếu được chuyển hóa trực tiếp thì trí tuệ hiển bày và cấu thành một sự giác ngộ tuyệt đối.

Tôi ngồi đó, trong không gian bao la ấm áp bởi những lời cầu nguyện, ngắm nhìn những chú bồ câu hiền hòa thả cánh tung bay, những khách hành hương thực hành lễ lạy cúi mình sát đất, cảm thấy tâm mình vắng mặt hết những giận hờn, sợ hãi, tất cả chỉ còn lại một cảm giác của an lạc và bình yên...

BHAKTAPUR THÀNH PHỐ BỊ LẮNG QUÊN

Tôi đến thành phố Bhaktapur, một thành phố cổ kính cách Kathmandu tầm 15km qua lời giới thiệu của một người bạn Pháp mà tôi gặp được trong thị trấn Thamel. Những gì cô bạn ấy nói về Bhaktapur chỉ đơn giản sẽ là một nơi không giống bất kỳ một nơi nào mà tôi đã đi qua và cô ấy tin chắc về điều đó. Thật ra nó không quá xa để đi tới, chỉ tầm 1 đôla là chuyến xe bus địa phương đã đưa tôi về với miền quá khứ xưa cũ.

Bhaktapur như một mê cung với vô số ngôi đền và chùa được chạm trổ điêu khắc bằng gỗ, kim loại và nhiều nghệ thuật tạc tượng bằng đá. Những cánh cổng và cửa gỗ, những pho tượng sư tử khổng lồ và nhiều sinh vật huyền thoại khác đan xen lẫn nhau, sự kết hợp hài hòa giữa những nghệ nhân Phật giáo và Ấn Độ giáo với những khuôn mẫu chạm khắc tinh xảo, cân đối trong từng chi tiết. Tôi không biết mình có nhân duyên sâu xa gì với nơi này nhưng chỉ với một phần hoa văn rất nhỏ trên bờ tường hay cửa sổ đã có thể làm tôi say mê không biết mệt mỏi. Tôi cho là nó phải đến từ những con người với một trình độ tâm linh sâu sắc vượt bậc.



Cổng sư tử ở Quảng trường Durbar

Quảng trường Durbar là quảng trường chính mà từ đây có thể nhìn thấy hết một vòng các đền thờ khác như cung điện 55 cửa sổ (The Palace of Fifty-five Windows) có từ thế kỷ XV, rồi các hình nộm vàng của các vị vua ngồi trên đỉnh các tầng đá nguyên khối và các vị thần giám hộ nhìn ra từ bốn phía. Cổng Sư tử (Lion Gate) dễ nhận biết bởi hai pho tượng sư tử khổng lồ, bên cạnh đó là hai tượng tạc đá, một mặt đại diện cho khía cạnh đáng sợ của thần Shiva và một mặt là vợ của Ngài, thần Kali, trong biểu hiện sợ hãi. Chỉ riêng ở quảng trường Durbar không thôi, tôi đã cảm thấy mình ngộp thở mỗi khi nhìn vào tài liệu lịch sử của nó, và những từ ngữ là không đủ để diễn đạt được cái thần ở nơi đây.

Cánh cổng vàng (Golden Gate) được cho là hình mẫu đẹp nhất trong nghệ thuật đúc tượng của mọi thời đại bởi sự kỳ công và độ phức tạp của nó. Ở đây còn vô số các bức tượng điêu khắc trong hình dạng quái vật khác được sắp xếp một cách ngẫu nhiên và khó mà hình dung ra ý nghĩa của nó.

Người ta nói rằng Golden Gate là mảnh nghệ thuật đáng yêu nhất trong cả công trình, nó như một viên ngọc, nhấp nháy tỏa sáng trong vô số những tác phẩm xung quanh. Thật lạ, giữa trung tâm một thủ đô hiện đại như Kathmandu, Bhaktapur lại mang một nét gì đó rất riêng, tách rời với đời sống văn minh, trừ những khu hostel và hàng quán kinh doanh mọc lên phục vụ cho khách du lịch, thì hầu như mọi sinh hoạt của người dân vẫn còn “rất cổ điển”. Dọc theo những con hẻm nhỏ là những cô gái ngồi thuê dệt thủ công bằng tay, trẻ em vui đùa bên giếng nước, những người phụ nữ luống tuổi trong bộ sari buồn bán trao đổi bên vỉa hè với một ít rau cải, hành ngò và những ông già ngồi tản mát bên lề tường đang tụ họp đàn ca và nhai trầu.

Ban đêm, Bhaktapur lại là một thành phố khác, điện ở đây cũng như các nơi khác ở Kathmandu, có khi chỉ có ba lần một tuần, nên người dân thường chuẩn bị sẵn đèn cầy trong gian nhà nhỏ của mình. Tối hôm đó hostel nơi tôi trú ngụ bị cúp điện đột ngột, toàn khu Bhaktapur chìm trong đêm tối, khi rảo quanh các con hẻm bằng đèn cầy vào ban đêm, chút sợ hãi pha lẫn chút phiêu lưu, tôi cứ tưởng tượng mình là nhân vật trong các bộ phim cổ trang thời Ai Cập.

Tôi trọ lại hai đêm ở Bhaktapur mà có cảm giác vẫn như chưa đủ, mỗi một ngày là một khám phá mới. Tôi mê mải trong những gian hàng bán đồ lưu niệm Phật giáo, đồ cổ, áo choàng thủ công, đặc biệt là nghệ thuật tranh thangka, mandala⁽³⁾, những bức tranh tô họa cuộc đời của các vị Bồ Tát, Đức Phật là niềm say mê sâu sắc của tôi.

Nghệ thuật cũng là một cách thiền định, bằng cách nhìn nhận những nét vẽ, màu sắc và chi tiết trên bức thangka, bạn sẽ có thể hình dung ra được cấp độ tâm linh của người họa sĩ đó. Vị thầy có năng lực thiền định thâm sâu luôn là người có những bức tranh mà khi nhìn vào, bạn sẽ có cảm giác an lạc, hoan hỷ với năng lượng tràn đầy hạnh phúc xung quanh. Sẽ không có gì ngạc nhiên khi

bạn thấy một ai đó đứng nhìn chằm chằm vào một bức thangka cả tiếng đồng hồ mà không cử động.

Tôi luôn ao ước sẽ có một thời gian nào đó trong cuộc đời, tôi được ẩn mình trong các tu viện Phật giáo chỉ để thực tập thiền định và vẽ tranh thangka mà thôi, ít nhất là nó giải thích cho tôi lý do vì sao mà trong suốt các khóa học thiết kế đồ họa tôi từng tham gia, trong các project vẽ của mình tôi luôn áp dụng các họa tiết hoa lá xoắn lượn, những vòng tròn và hình vuông, ngoài ra tôi chẳng vẽ nổi chân dung của một ai. Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy các bức tranh thangka ở Kathmandu, tôi nhìn nó tựa như nó là một trong những tác phẩm của tôi vậy.

Đêm cuối ở Bhaktapur, trời đổ mưa tầm tã, một anh bạn người Nepal mà tôi gặp trên đường hẹn tôi ra quảng trường Durbar nghe “ca nhạc dân tộc”. Thường thì buổi tối, các vị trưởng lão trong làng thường tập trung một chỗ để ca hát, đánh đàn như là một truyền thống ca tụng các vị thần. Những nhạc cụ được dùng như là kèn cổ dài, bộ gõ, trống thùng và cả những bộ Kinh bằng ngôn ngữ âm nhạc cổ xưa.



Golden Gate được cho là hình mẫu đẹp nhất trong nghệ thuật đúc tượng của mọi thời đại bởi sự kỳ công và độ phức tạp của nó

Golden Gate được cho là hình mẫu đẹp nhất trong nghệ thuật đúc tượng của mọi thời đại bởi sự kỳ công và độ phức tạp của nó

Trong ban nhạc hôm ấy còn có một người phụ nữ da trắng, lặn lội từ Anh quốc sang tận nơi đây chỉ để học cách chơi loại kèn tù dài ấy, cô hòa nhập rất nhuần nhuyễn với ban nhạc. Tôi thì chẳng hiểu gì về âm nhạc cho lắm, nhưng mỗi khi tiếng kèn cất lên, tôi lại thấy rạo rực, một dãy âm thanh trầm bổng hùng hồn len lỏi vào trong cơ thể, làm nhịp tim bất chợt đập nhanh hơn, đôi lúc làm tôi khẽ rùng mình. Trong ánh đèn cây le lói ấy, giữa một đêm mưa, giữa quảng trường cổ xưa ấy, có lẽ tôi đến đây chỉ đơn giản là để nghe đánh đàn, một trang nhạc mà tôi đã bỏ lỡ từ thuở nào trong quá khứ chẳng...

SWAYAMBHUNATH VÀ CÂU CHUYỆN BÒ TÁT VĂN THÙ SƯ LỢI

Vào một buổi chiều lang thang gần khu shopping Thamel tìm mua áo khoác và khăn choàng, bằng cách nào đó mà tôi bị lạc lối ra phía ngoài của trung tâm, đôi khi đi lạc cũng là một điều thú vị để quan sát những điều xung quanh. Từ xa xa trên ngọn đồi nằm ở phía Tây thành phố, tôi thấy những luồng khói trắng tỏa ra, có lẽ là nhang khói từ một stupa có hình đôi mắt giống như tượng stupa ở Boudhanath. Tò mò tôi hỏi người dân địa phương, họ cho biết đó là ngôi đền Swayambhunath hay còn gọi là Monkey Temple (chùa Khỉ) vì có rất nhiều khỉ sống tụ tập quanh khu vực. Một luồng năng lượng kì lạ nào đó nhiệt tình lôi kéo những bước chân nặng nề của tôi đi về hướng đó.



Bảo tháp dưới hình vòm trụ đặt ở trung tâm của đồi Swayambhunath, có cấu trúc như tượng tháp ở Boudhanath

Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi khi tới trước cổng phía Đông chân đồi là những bậc thang dốc đứng dẫn tới chánh điện trên đỉnh đồi, có tất cả 365 bậc thang như thế mà khách hành hương phải trải qua, như hành trình tâm linh dẫn đến giác ngộ. Trên những bậc cầu thang là lũ khỉ ồn ào tranh nhau miếng ăn và những chú chó già ốm quanh quẩn, thỉnh thoảng nhìn thấy xác của chúng nằm ở đâu đó. Người ta tin rằng khu vực này có một trường năng lượng rất mạnh, thu hút chúng đến đây để chết, ít nhất là được chết trong sự thanh tịnh. Xung quanh ngôi đền là một cái sân hình tròn, những khách hành hương đều đi nhiều quanh tháp theo chiều kim đồng hồ, cầu nguyện và quay bánh xe pháp kinh luân. Có tất cả ba hướng để đi đến đỉnh đồi đan xen với nhiều tượng Phật lớn và ngôi đền bé nhỏ xung quanh. Có nhiều bức tượng khắc của năm vị Phật trên cả bốn mặt của bảo tháp, ngoài ra còn có bức tượng của năm vị Phật (Ngũ trí Như Lai) tại các khuôn viên bao quanh của bảo tháp.

Trong truyền thừa Phật giáo Tây Tạng, đó cũng là năm vị Phật tối cao đại diện cho năm yếu tố của ngũ uẩn: “sắc, thọ, tưởng, hành, thức” mà trong bài Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh có ghi chép lại, cũng là năm yếu tố cấu thành bản thể của vũ trụ.

Đó là Đức Phật Vairochana - Tỳ Lô Giá Na, nằm ở trung tâm của ngôi đền, đại diện cho yếu tố “sắc”. Đức Phật Akshobhya - Phật A Súc Bất Động Như Lai hướng mặt với phía Đông, đại diện cho yếu tố của ý thức hay uẩn “thức”. Đức Phật Ratna Padmasambhava - Liên Hoa Sinh, hướng mặt với phía Nam, đại diện cho các yếu tố của xúc giác “thọ”. Đức Phật A Di Đà, đại diện cho yếu tố của “tư tưởng - “tưởng uẩn” luôn luôn đối mặt với hướng Tây và Đức Phật Bất Không Thành Tựu Như Lai Amoghsiddhi, đại diện cho yếu tố của “hành” và luôn đối mặt với phía Bắc.

Có một truyền thuyết gắn liền với nguồn gốc của ngôi đền và Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, vị Bồ Tát đại diện cho kinh nghiệm giác ngộ, đạt được bằng phương tiện trí thức.

Tương truyền rằng, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi được Đức Phật Thích Ca đích thân giao phó việc truyền bá Phật pháp sang Trung Hoa. Khi đang hoằng pháp, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi cùng một số môn đệ trú ngụ trên ngọn núi Pancasirsa (Ngũ Đài Sơn).⁽⁴⁾ Lúc đó Ngài Văn Thù Sư Lợi do nhập định mà biết được rằng có một vị Phật hiệu “A Di Đà” hiện đang ra đời và hoằng hóa trên một ngọn đồi nằm kề cận hồ Kali của xứ Nepal bây giờ.



Những bậc thang dẫn lên đồi Swayambhunath

Bồ Tát Văn Thù liền vội vàng dẫn đệ tử đến Nepal để đánh lễ Ngài, nhưng khi đến nơi, Bồ Tát nhận ra rằng ngọn đồi này không ai có thể đến được vì bị bao bọc chung quanh bởi một hồ nước. Ngài liền dùng thần lực của lưỡi kiếm mang theo cắt chia thung lũng ra làm sáu mảnh, đồng thời xẻ núi cho nước thoát ra làm khô cạn hồ nước. Về sau, Ngài dựng lên một ngôi tự viện để thờ phụng Đức Phật A Di Đà ở trên đồi này (ngày nay là đồi Swayambhunath), còn mình thì lưu trú cạnh đó.

Hiện nay trên đồi Swayambhunath vẫn còn lưu dấu ngôi cổ tháp thờ Phật A Di Đà và cách đó không xa là Thánh điện thờ Đức Văn Thù Sư Lợi. Tượng của Ngài được tạc trong tư thế ngồi kiết già trên một chiếc bồ đoàn bằng hoa sen. Trên tay phải của Ngài, giương cao lên khỏi đầu là một lưỡi gươm đang bốc lửa, mang hàm ý rằng chính lưỡi gươm vàng trí tuệ này sẽ chặt đứt tất cả những xiềng xích trói buộc của vô minh phiền não. Trong khi đó, tay trái của Ngài thì cầm hoa sen, thể hiện trí tuệ thanh tịnh, không nhiễm trược. Có tượng miêu tả tay trái Ngài còn cầm giữ cuốn kinh Bát Nhã ở giữa trái tim như biểu trưng cho sự tỉnh thức và giác ngộ.

Hình ảnh của Bồ Tát còn xuất hiện trong hầu hết các kinh tạng Phật Giáo Đại thừa như trong Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy Ma Cật... trong vai trò điều khiển chương trình trong các thời thuyết pháp của Đức Phật. Theo các Phật tử trong vùng, Swayambhunath có nghĩa là nơi “khởi đầu”, nó có lẽ là nơi thiêng liêng nhất trong số các địa điểm Phật giáo hành hương đối với người Tây Tạng và những người theo Phật giáo Tây Tạng, chỉ sau Boudhanath.

TẠM BIỆT NEPAL

Chuyến trekking đi đến Nagarkot cách Kathmandu tầm 20km đã kết thúc cho cuộc hành trình tâm linh xuyên Myanmar, Ấn Độ và Nepal, mặc dù tôi đã bỏ lỡ cơ hội viếng thăm nơi Phật nhập Niết Bàn, tuy vậy, tôi luôn nghĩ rằng có một ngày tôi sẽ tiếp tục chặng kế tiếp khi sức khỏe và vấn đề kinh phí của tôi khả quan hơn. Mọi người đi đến Nagarkot chỉ đơn giản vì nơi đây đủ cao để có thể ngắm những dãy núi tuyết hùng vĩ Himalaya và để ngắm chiều tà. Tôi gọi Nagarkot là “Sa Pa của Nepal” bởi nơi đây có nét gì đó giống với Sa Pa của miền Bắc Việt Nam, những ruộng lúa bậc thang, mây trắng và sườn núi quanh co. Có một điều khác biệt so với Sa Pa Việt Nam là trời ở đây không có sương mù. Hoàng hôn nơi đây có một sức quyến rũ không kém gì những nơi khác, nếu có đủ may mắn, bạn có thể thỏa sức ngắm nhìn những rặng núi xa xa ẩn mình sau những bóng mây thuộc về Himalaya, nóc nhà của thế giới. Người dân Nepal có vẻ hiền hòa và vui vẻ hơn người dân Ấn Độ, họ không vồn vã đón chào nhưng chỉ cái mỉm cười nhẹ nhàng cũng đủ làm lòng bạn ấm áp, cũng không có những em bé chạy theo xin tiền, không có những đôi mắt quạ đơn côi.

Các cô gái chàng trai thì xinh đẹp hơn hẳn, nét đẹp của những cô gái Nepal có cái gì đó hiện đại, phóng khoáng, thông minh so với cái đẹp kín đáo nhưng lại khó gần của các cô gái Ấn Độ. Các chàng trai thì luôn thích khoác lên mình những chiếc áo khoác da đen, đeo mắt kính râm và cưỡi mô tô phân khối lớn, nhìn họ lượn lờ đuổi nhau qua các con đường ngoằn ngoèo trên núi tựa như các gangster trong phim Hollywood.

Tuyến đường đi lên tôi phải bắt bus, nhưng chặng xuống núi thì tôi đi bộ để tận hưởng thiên nhiên yên bình, lát đá một vài ngôi nhà trên sườn núi, những chú dê thơ thẩn gặm cỏ, những chú bé Nepal luôn vừa chúc phúc vừa chào tôi bằng câu chào quen thuộc: “Namaste”, dù chưa rời nơi đây, nhưng tôi biết sẽ có một lúc nào đó tôi nhớ những câu chào này lắm.

Ngồi trên máy bay ngắm nhìn những dãy núi Himalaya thấp thoáng lưng chừng trời ở độ cao 8.000m, tôi dõi mắt về nơi ấy, nơi không bị nhuốm phiền não của con người, nơi chỉ dành cho những bậc Chư Thiên và Bồ Tát có đủ lòng từ bi, yêu thương và thanh tịnh tuyệt đối. Nhìn những áng mây lững lờ trôi, mới thấy không gian vũ trụ bao la và rộng lớn quá mà con người lại vô cùng nhỏ bé mong manh, đứng ra thì chúng ta chỉ là một dấu chấm rất nhỏ, nhỏ đến tội nghiệp giữa thiên hà vũ trụ mà thôi...

Tạm biệt Nepal - hẹn một ngày gặp lại.

17/3/2012

PHẦN 6: VẠN PHẬT THÁNH THÀNH

Sau hành trình Myanmar - Ấn Độ - Nepal, tôi lại được nhân duyên đến Mỹ tham dự khóa thiền thất mùa đông tại Vạn Phật Thánh Thành do Hòa thượng Tuyên Hóa thành lập tại đạo tràng tiểu ban California. Phần này như một phần riêng tôi viết lại những trải nghiệm trong khóa tu để kỷ niệm cho chính mình, vì thế nó không liên hệ đến những phần trước và có sự kết thúc hơi đường đột, hi vọng độc giả sẽ kiên nhẫn đi cùng tôi đến hết quyển sách.

ĐƯỜNG ĐẾN VẠN PHẬT THÁNH THÀNH

8/1/2013

Máy bay đáp xuống sân bay nhỏ Santa Rosa trong cái nắng ấm áp của miền Bắc California. David là người bạn mà tôi được giới thiệu rằng sẽ sẵn sàng giúp đỡ tôi mọi điều cần thiết. Chúng tôi đã trao đổi thông tin và ngày giờ cho nhau từ trước, đây là người đàn ông khá cẩn thận còn tôi thì vẫn cứ vô tư như tính cách vốn có của mình, bởi luôn biết rằng rồi mình sẽ được giúp đỡ ở đâu đấy.

Cũng không quá khó để nhận ra nhau, ngay khu vực cổng từ máy bay đi vào, tôi đã nhận ra ông ngay nhờ tin nhắn ông gửi cho tôi: quần blue jean, áo phông ngắn, giày thể thao và mắt kiếng râm. Khoảng cách xa lạ dần biến mất, thay vào đó là những cuộc trò chuyện xuyên suốt đường dài, dù ông ấy theo Đạo “Quân Bình”, có nghĩa là Đạo nào cũng theo và cũng như không theo đạo nào. Tuy nhiên, từng là nhà khoa học, cũng từng du lịch nhiều nơi trên thế giới nên kinh nghiệm đời sống của ông rất phong phú, làm cho tôi cứ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Ông nhận định lúc còn trẻ muốn đi cho biết đây biết đó, đến lúc đi rồi thì lại muốn về nhà, thì thật ra nơi đâu cũng từng ấy ngọn núi, cây cối và con người, cái trước mặt nơi mình sống thật ra cũng đẹp để không kém vậy mà cứ đi như chưa bao giờ cảm thấy đủ và thỏa mãn. Cái tâm tham con người dẫn dắt ta rong ruổi đi từ nơi này đến nơi khác, nếu không biết đủ, con người sẽ luôn cảm thấy thiếu thốn cho dù họ có ở Thiên Đàng đi chăng nữa.

Ông khen tôi có cách lựa chọn du lịch thông minh, vừa khám phá thỏa mãn cái tôi trần tục vừa làm thăng hoa giá trị nội tâm, điều đó ít nhất làm cho khách du lịch khi trở về mang trong mình chút vốn liếng gì đó hơn là một sự trống rỗng trong những chuyến bay tiêu khiển giết thời gian. Nghe thế, cái tôi của tôi lại được bay bổng đến tận trời xanh.

Xe lăn bánh tới trước cửa Vạn Phật Thánh Thành mà tôi vẫn không hay, niềm vui sượng ngáp tràn khi thấy cánh cổng như trong tấm hình mà tôi đã sưu tầm. “Hãy xem tôi đang ở đâu đây, Vạn Phật Thánh Thành đây”, tôi nói với

David. David thấy tôi vui sướng như trẻ con làm ông cũng cảm thấy đoạn đường dài đưa tôi đến đây có ý nghĩa hơn những gì ông tưởng. Trời nhá nhem tối, cái lạnh bao trùm hư không, không giống như cái ẩm áp ban trưa, tuy vậy niềm phấn khích đang dâng trào làm tôi cứ ngỡ như mình đang nằm mơ. Tôi chưa bao giờ nghĩ mình lại có thể đến đây được.

Tiến David ra về rồi, một mình tôi lang thang đi tìm phòng của mình, cảm giác đầu tiên tôi có là cái lạnh, lạnh, và lạnh. Một ai đó có lòng tốt dẫn tôi về tới tận phòng, giải thích cho tôi thời khóa tu tập rồi bảo tôi nhanh chóng lên thiền đường. Tôi phải chia phòng với một người khác, tôi đoán đây là người Việt Nam vì trên bàn có quyển Kinh A Di Đà và các đĩa tụng mp3 tiếng Việt. Sau đó, tôi theo một ni sư người Hoa đi đến thiền đường. Thấy tôi là người mới nên ai cũng nhiệt tình thăm hỏi và dặn dò, có người đưa cho tôi thêm mền, đệm ngồi và mọi người không quên lặp đi lặp lại là trời ở đây rất lạnh, không mặc đủ ấm dễ bị bệnh thì không thể ngồi thiền nổi. Lúc đó tôi còn tự tin suy nghĩ rằng làm sao mà lạnh đến vậy, mà dù có lạnh đi nữa thì khi ngồi thiền, vận hành khí huyết cơ thể cũng sẽ ấm thôi, cần gì mà quấn mền gối dũ vậy, chưa gì mà cái Ngã đã lớn bằng núi như thế đó.

AI LÀ NGƯỜI NIỆM PHẬT, NGƯỜI NIỆM PHẬT LÀ AI?

Việc đầu tiên là đến lễ lạy Phật và Hòa thượng Tuyên Hóa, đầu tôi đã đọc sách và nghiên cứu về Ngài từ lâu nhưng khi đứng đối diện trước tượng của Ngài, tôi vẫn cảm thấy rất hồi hộp. Bởi lẽ Ngài nổi tiếng là vị thầy nghiêm khắc, kỷ luật, còn bản thân tôi luôn tự thấy mình là kẻ ngu si, lười biếng, nên tha thiết quỳ lạy mong cầu Ngài cho đủ nghị lực và tinh tấn để tu tập trong những ngày tới.

Phương thức tham thiền của Hòa thượng Tuyên Hóa có chút khác biệt với cách của Ngài Mahasi ở Miến Điện, nơi mà trước đây tôi có từng hành thiền qua. Cách hành thiền Minh Sát (Vipassana) của Ngài Mahasi là trụ tâm nơi bụng rồi ghi nhận các cử động phồng lên, xẹp xuống để thấy sự sanh khởi (cử động phồng lên) và diệt tận (cử động xẹp xuống) của chủ thể, qua đó quán sát đặc tính vận hành ẩn nấp bên dưới lớp cử động ấy rồi nhận diện chúng đúng như thực tướng hay bản chất của chúng. Từ đó hành giả sẽ có tuệ giác rằng mọi sự vật xuất hiện trước mắt ta dưới những gì chúng ta thấy như là trường tồn, vĩnh cửu hay xinh đẹp đều không thật sự là như vậy. Cuộc đời chúng ta rồi sẽ tiếp tục được sinh ra, già, bệnh tật và chết đi, không có điều gì là vĩnh hằng, thay vì đau khổ, chúng ta chấp nhận đó như là một sự thật, rồi đương đầu với những gì xảy ra trong cuộc đời với một tư thái an nhiên, lạc quan chứ không bị xao động bởi những trạng thái của tinh thần.

Phương pháp thiền tại Vạn Phật Thánh Thành thường được biết đến như một loại thiền phân tích. Ví dụ như bạn chọn lấy một đề tài hay chủ đề nào đó mà trong tâm bạn đang khúc mắc trong quá trình tu học, sau đó ngồi xuống và nghiên cứu về nó một cách chặt chẽ cho đến khi nào trong tâm tìm ra một kết quả thỏa đáng. Tâm ta có thể tự đưa ra một chủ đề, ví dụ: “Đời là đau khổ”, rồi tâm tự tạo ra một người khác để bào chữa: “Bạn đang nói gì vậy, đời thật sự là tuyệt vời quá đi chứ”, sau đó để cho cuộc tranh luận đó nổi lên cho đến khi chúng tự dàn xếp ổn thỏa với nhau, nó cũng giống như việc chơi đánh cờ, một dạng tự phân tâm mình ra làm đôi.

Điều này yêu cầu hành giả phải tự thành thật với chính mình cho đến khi vấn đề có câu trả lời rõ ràng chứ không mơ hồ, hời hợt. Phương pháp này cũng giúp cho tâm tập trung cố định vào một chỗ chứ không tán loạn, chạy lăng xăng đó đây.

Tại Vạn Phật Thánh Thành, Hòa thượng thường khuyên thiền sinh lúc đi, đứng, nằm, ngồi hãy luôn chú tâm suy ngẫm theo câu thoại đầu: “Ai là Người niệm Phật? Người niệm Phật là Ai?” cũng cùng chung một mục đích này, dùng một vọng tưởng để chế ngự vô số những vọng tưởng khác. Khi tự hỏi mình: “Ai là người đang Niệm Phật? Người Niệm Phật là Ai?”, nếu trả lời là Mình đang niệm Phật vậy thì khi Mình chết rồi thì còn ai niệm Phật được? Nếu nói là Ma niệm thì Ma là Ai, đến từ đâu? Cứ như vậy hỏi và đáp, phân tích và suy luận cho đến khi quên trời, quên đất, quên cả ngủ nghỉ, ăn uống.

Hòa thượng dạy rằng: “Chuyên tâm tham cứu cái Ai thì mọi vọng tưởng khác ngưng bật lại, cho đến khi một niệm chảnh sinh, không còn vọng tưởng điên đảo thì từ đó trí huệ mới hiển bày, biết rõ phải trái, trắng đen, tham, sân, si cũng không còn, thì tự nhiên sẽ khai ngộ.”

Chúng sinh phàm phu như chúng ta trong tâm lúc nào cũng chất chứa đầy rẫy vọng tưởng, không tham thì sân, không sân thì si cho nên chấp trước cái này, câu nệ cái kia, thành ra sanh đủ thứ khổ, cũng chính vì vọng tưởng mà có sinh tử luân hồi, trầm trong biển khổ, càng bơi thì càng xa bến bờ mà không hay, giống như tấm gương dính đầy bụi trần, giờ lau chùi sạch thì tự thấy mình rõ ràng.

Ở đây Hòa thượng không áp chế thiền sinh phải thực hành theo phương pháp của Ngài, ai từng theo phương pháp nào thì cứ thế mà hành trì không bác bỏ, thế nên tôi vẫn y theo cách thức của Ngài Mahasi vì thấy sau thời gian ngắn thực hành, quả thật mang lại cho tôi nhiều kinh nghiệm thiết thực.

Nói về cách đi thiền hành thì ở đây cũng khác, tuy khác biệt về hình thức nhưng nhìn chung đều cùng chung một mục đích. Ở đây bạn có thể đi chậm hay nhanh tùy ý, khi đang đi, nghe hiệu lệnh bảo phải “chạy” thì lập tức ba chân bốn cẳng mà chạy cho đến khi nào nghe lệnh “ngừng” thì “ngừng” ngay lập tức như kiểu xe đang bon bon trên đường phải học cách phanh thắng thật nhanh.

Tôi không biết ý nghĩa thật sự của phương pháp này là gì nhưng tôi ví nó như cái tâm lăng xăng đang nghĩ ngợi lung tung bắt nó phải dừng lại tức thời, tức dừng vọng tưởng lại, dứt bật hết. Cái này là tôi đoán, biết đâu có ai tự nhiên khai ngộ khi đang kinh hành kiểu này cũng không chừng, vì thông thường hành thiền lâu năm đến một giai đoạn nào đó, có khi hành giả chỉ cần nhìn thấy chiếc lá rơi, nghe tiếng ly bể hay chim hót thì bỗng nhiên khai ngộ ví như gieo trồng cây cấy lâu năm thì đến ngày đến tháng tự nhiên sẽ thu hoạch được.

Lúc đầu tôi còn khá bối ngỡ với phương pháp này vì từ trước đến giờ đi chậm theo kiểu niệm chân trái, chân phải quen rồi, tôi nhảy vào đi từng bước, từng bước chậm rãi ra vẻ cũng có oai nghi lắm. Thấy tôi đi chậm như vậy nên có một cô người Việt kêu tôi ra ngoài bảo tôi muốn đi chậm thì đi vòng trong, vòng ngoài dành cho các thiền sinh muốn đi nhanh hay chạy, rằng tôi đi như vậy rất là cản trở giao thông, à thì ra là vậy, nào có ai nói cho tôi biết đâu. Thấy vậy nên tôi cũng bắt chước theo nhịp mọi người nhưng kiểu vừa đi vừa chạy như tập thể dục khiến tôi không sao nhịn được cười.

Tôi nghĩ dụng ý của Hòa thượng chắc là vì trời lạnh, thiền đường không bật lò sưởi nên đưa ra phương pháp này để thiền sinh hâm nóng cơ thể, ngoài ra cái hay của việc không bật lò sưởi là nó khiến cho thiền sinh không bị ngủ gật và phải dụng công thì cơ thể mới ấm, còn bằng không thì ngồi đó mà xem răng đánh lộn cặp.

Mọi người nói cái lạnh ở Vạn Phật Thánh Thành này như cái lạnh ở trong tủ lạnh vậy, nên người nào người nấy quần hai ba cái mền, rồi đội nón, mang giày đi trong thiền đường luôn, thành ra không nhận ra ai là ai, ngoại trừ các vị ni sư khoác áo y vàng. Trong số họ còn có cả các vị ni là người Mỹ nữa, các vị Tăng thì có khu vực thiền riêng mà tôi cũng không biết ở đâu, đến đây rồi hầu như mọi màu da sắc tộc không còn khoảng cách, ai cũng miệt mài ngày đêm khổ luyện công phu. Có vị thực hành theo hạnh của Hòa thượng Tuyên Hóa, ngày ăn một bữa, đêm ngủ ngồi, thề không để lưng chạm chiếu, có vị chỉ ăn rau cải sống, có vị không dùng tiền bạc và còn nhiều vị hành trì theo phương pháp khó khăn khác, nghĩ lại mình tu tập có 10 bữa mà đòi mong ra đi mang chút thành tựu về, chưa tu mà đã đòi thành Phật, quả là quá đáng ngoài sức tưởng tượng...

TAM ĐỘC THAM, SÂN, SI

Thời khóa công phu bắt đầu từ lúc 4h sáng mỗi ngày cho đến 10h30' tối, cứ một tiếng ngồi thiền xen kẽ với 20 phút kinh hành, liên tục như vậy cho đến tận khuya. Ai lần đầu mới đến tu thiền đều rất sợ, một ngày thôi mà tựa hồ dài như cả tháng vậy. Ngoại trừ các vị Tăng, Ni chuyên tâm hành trì thì hạng phàm phu

như tôi và một số hành giả khác chật vật lắm mới theo kịp thời khóa biểu như thế, ít có ai dám trả lời rằng bản thân mình không bỏ sót giờ nào.

Riêng tôi còn có hẳn một biểu đồ tự ghi lại mình ngày nào bỏ giờ nào, có lười biếng và giải đãi không, có cố gắng khắc phục không, tôi cũng thành thật đó chứ, xem như tự mình kiểm điểm mình nhưng phải thú nhận rằng là ngày nào tôi cũng có “cúp học”. Như ngày đầu tiên thì dậy được 3h30’ sáng, ngày thứ hai tăng thành 4h30’ sáng, ngày thứ ba thì dậy 6h sáng. Mỗi ngày đều có chuyện để nói, vậy đó, khi đi thì nhiệt huyết như lính đánh trận, đến lúc xông pha rồi mới thấy lực lượng kẻ thù như: lười biếng, giải đãi, vọng tưởng, tham ngủ, mê ăn... cao ngất trời mây. Lúc thì chúng đến thì thảm nhỏ to là: “Nằm ngủ một tiếng thôi rồi trở lại tu sẽ tinh tấn hơn, chứ giờ buồn ngủ mà cứ cố ngồi thì ngủ gật cũng vậy, mắc công lãng phí thời gian và ảnh hưởng đến mọi người”, “À như vậy cũng có lý.” Rồi có lúc chúng giả bộ dỗ dành: “Tu thì phải biết Trung Đạo, chứ cố dụng công quá không để ý đến cái bụng đang đói van xin tới tấp thì tội nghiệp cho nó quá, thân phải đủ thì lực mới tròn đầy được, chứ như vậy là không công bằng”, “À, cái này lại càng có lý.”

Rồi ngay cả vô thiên đường ăn, chúng cũng không tha: “Đồ ăn ngon quá, phải ăn cho no mới đủ sức mà tu, ăn thêm miếng bánh bao đi, trái cây tươi quá, bữa giờ chưa được ăn, ôi nước trà nóng mới ấm làm sao...” v.v và v.v. Cứ như thế chúng tấn công tôi tới mảy tới mạt, từ lúc mở mắt ra cho đến khi nhắm mắt ngủ thì thôi...

Ông chủ phía sau của thói lười biếng, giải đãi đó thật ra là ba độc tham, sân, si. Tham đắm, sân hận, nổi nóng, ghen tuông, si mê, ngu dốt, đần độn, bất hạnh, phiền não, ưu tư cũng đến từ đây. Cộng thêm sự chi phối của ngũ uẩn: Như nam thấy nữ xinh đẹp thì thành ham muốn, nữ thấy nam anh tú thì mê (mắt nhìn), nghe âm thanh như tiếng đàn tiếng hát thì sinh lòng ưa thích (tai nghe), ngửi mùi hương thì sinh khởi ý niệm (mũi ngửi), nếm mùi vị thì phân biệt dở ngon (lưỡi chạm), va chạm tiếp xúc thì sinh duyên ái (xúc giác), rồi khởi niệm vọng tưởng ý niệm lăng xăng (thức), vọng tưởng vừa khởi lên thì hành động đi theo, thân khẩu cũng tiếp ứng liền ngay, miệng nói, tay làm v.v và v.v. Tất cả tạo thành nghiệp quả tốt xấu dẫn dắt luân hồi sinh tử là cũng vì đội quân Ma Trận này mà ra. Cho nên phá được Ma Trận Năm Uẩn, Ba Độc này thì đạt được cảnh giới tự do tự tại, như Đại sư Huyền Giác có thơ rằng:

“Năm Uẩn như mây trôi, chẳng đến đi.

Ba Độc như bọt nước, giả có, mất.”

Vì bản chất năm uẩn là vốn không có tự tánh, như mây trôi lúc có lúc không, cũng không cần chú ý tới, đến đi cứ việc mặc nó, ba độc tham, sân, si thì như bọt nước, không có thực thể, tự sinh rồi tự diệt, thoát ần thoát hiện nên cũng không chấp vào chúng. Vì vậy mà phải hành thiền, tu tịnh thì mới thấy chúng rõ ràng, phá mê khai ngộ là như vậy, biết được thực tướng của mọi việc như ăn món gì thì không chấp ngon, dở; mặc áo dù đẹp đến đâu cũng không sanh lòng

tham muốn; nghe âm thanh dù ở cõi trời thần tiên múa hát cũng thấy bình thường; người nữ cũng như nam không sanh si mê luyến ái (ái dục) thì không có đủ thứ rắc rối trên đời.

Có nhiều vị hành thiền nhiều khi không thể kiềm chế nổi ma trận cuồng phong này nên đã phát điên lên, tự nhiên đang ngồi trong thiền đường la lối om sòm hoặc tấm tức khóc nức nở. Con ngựa hoang từ trước tới giờ chạy rong quen rồi, giờ bắt nó cột một chỗ, bắt nó ngồi thiền, nó không kêu gào mới là lạ.

Tôi nhớ có lần hành thiền ở Myanmar, có hôm tôi đã ngồi đó mà bật khóc ngon lành, khóc nhưng không dám thành tiếng, sợ ảnh hưởng đến các thiền sinh xung quanh. Sau khi khóc xong rồi tôi lại nghĩ, à, mình biết Đau mới khóc là có tiến bộ rồi, là hiểu được chút chút về ngũ uẩn, vô thường sinh diệt rồi. Nhưng sau khi nghe lời Khai Thị của Hòa thượng mới biết rằng chính vì tôi không có định lực nên mới khóc hay la lối om sòm như vậy, chứ người có định lực thì dù ngoài trời có mưa to sấm chớp, bên trong có nóng, lạnh, đau rát thế nào thì vẫn không nhúc nhích, cựa quậy.

Ví như có người tự nhiên vô duyên vô cớ chửi ta, rồi đánh ta, nhưng ta vẫn phải đứng yên cho người ấy muốn làm gì thì làm mà không được nổi nóng hoặc đánh trả lại, sau khi đánh mắng xong, ta còn phải quỳ xuống nói tiếng cảm ơn người ấy và mong người ấy sẽ luôn làm bạn với mình. Trong hoàn cảnh như vậy mà không khùng, không nổi điên mới là lạ, nhưng đó là người phạm phu ở ngoài đời, nếu áp dụng trong thiền định thì khi nhẫn nhịn cái Đau được như vậy mới hy vọng thiền sinh có cửa đi tiếp vào vòng trong mà gặp Thánh Nhân, Bồ Tát.

Thiền là như vậy đó, tự nhận mình nói nhiều mà làm không được bao nhiêu, như con kiến đòi leo núi Hi Mã Lạp Sơn, biết nói những khuyết điểm của mình ra thật là xấu hổ, nhưng cũng phải nói để mọi người tham khảo, mà dù không nói đi chẳng nữa thì cũng có Phật biết, Trời biết, Đất biết, Long Thần Hộ Pháp biết và hơn hết là còn có Hòa thượng biết nữa.

MA TỚI ĐỂ GIÚP QUÝ VỊ TU ĐẠO

Trong các thời khóa thiền trong ngày, tôi thích nhất là giờ thuyết pháp của Hòa thượng từ 7h tối đến 8h tối. Dù Ngài đã viên tịch nhiều năm rồi nhưng chiếu theo quy cũ, các bậc Đại Đức, Tăng, Ni vẫn mở lại những đoạn băng do chính Hòa thượng thuyết giảng trong các khóa thiền lúc Ngài còn sống. Thường là có hai vị ở trên bàn hương đảm nhiệm công việc phiên dịch sang tiếng Anh, cứ Hòa thượng nói một đoạn thì ngưng lại cho vị thông dịch dịch sang tiếng Anh vì trong Chùa có những vị Ni Tây Phương và một số thiền sinh đến từ nơi khác. Riêng bộ phận tiếng Việt thì có hẳn một bộ đàm do một vị Ni Sư người Việt ngồi phía dưới giảng đường dịch riêng cho Phật tử Việt Nam.

Được nghe giọng nói ấm áp có khi như trách mắng, có khi sách tấn khuyến dụ, lúc vui, lúc buồn bã của Hòa thượng, giống như Ngài vẫn còn hiện diện và ngồi ở thiền đường này thuyết pháp cho thiền sinh, làm cho chúng tôi như được tiếp thêm công lực gia trì từ Ngài. Giờ thiền sau đó tôi luôn cảm thấy thoải mái và dễ chịu. Có một điều kỳ lạ tôi hay để ý là mỗi lần trong lòng tôi thắc mắc hoặc nghi vấn điều gì trong quá trình ngồi thiền thì y như rằng trong buổi thuyết pháp hôm đó, tôi luôn tìm được câu trả lời từ Ngài dù là Ngài nói chung quy cho tất cả mọi người nhưng cứ như là Ngài đang nói với riêng mình tôi vậy.

Bài thuyết giảng hôm nay với chủ đề: Ma tới để giúp quý vị tu đạo.⁽¹⁾

“Quý vị nên nhớ: Tu Đạo không phải là chuyện dễ. Hễ quý vị muốn tu Đạo thì có ma tới phá. Ma này không phải chỉ từ một nơi, mà từ bốn phương tám hướng kéo tới. Có thứ là ma bệnh, có thứ là ma phiền não; lại có thiên ma, nhân ma, quỷ ma và cả yêu ma nữa. Chúng ma kéo tới từ chỗ quý vị chẳng ngờ chẳng biết, làm cho Đạo tâm của quý vị lung lay, khiến quý vị thối lui trên đường tu tập. Chúng dùng đủ cách để dụ dỗ, uy hiếp, đe dọa, khiến quý vị phải thối chuyển, mất Định lực, rồi bỏ tu luôn. Khi cảnh giới hiện ra để thử thách kẻ tu hành, thì chúng ta cần phải xét xem cảnh giới ấy là giả hay thật. Dùng phương cách gì? Rất đơn giản: Niệm “A Di Đà Phật”, chuyên nhất không loạn, chẳng khởi vọng tưởng.

Nếu cảnh giới ấy là giả thì nó sẽ từ từ biến mất. Nếu là cảnh giới thật thì càng niệm, cảnh ấy càng hiện ra rõ ràng. Ai ngồi thiền không hiểu phương pháp này sẽ bị ‘tẩu hỏa nhập ma’ và Đạo nghiệp sẽ tiêu tan. Lại có kẻ tự cho rằng mình đã nhập ma cảnh, do đó sẽ bỏ lỡ cơ hội khai ngộ.

Lúc còn trẻ, tôi có nghe nói rằng: ‘Tu Đạo thì có ma.’ Tôi không tin, lại còn kiêu ngạo nói: ‘Ma gì tôi cũng không sợ! Tôi chẳng sợ bất kỳ thứ yêu ma quỷ quái nào!’ Tôi cho rằng nói như thế cũng không sao, chẳng có gì đáng e ngại. Nào ngờ chẳng bao lâu quả có ma lại phá tôi. Ma gì? Ma bệnh! Lần ấy tôi bệnh nặng, hôn mê suốt bảy, tám ngày, chẳng hay biết gì cả. Bảy giờ mới biết là công phu tu hành chưa đủ nên không vượt qua được thử thách. Yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo, tôi đều không sợ; chỉ sợ ma bệnh - không hàng phục được nó, mà cũng không chịu đựng nổi nó. Do đó, người tu Đạo chớ có khoe khoang, tự đắc, nói rằng mình chẳng sợ gì cả. Nếu quý vị tự mãn tự đắc thì rắc rối sẽ kéo tới ngay!

Người tu Đạo cần phải thế nào? Cần phải khiêm nhường, cẩn thận giống như đang đi trên bờ vực sâu, hay bước trên mặt băng mỏng vậy. Lúc nào cũng phải hết sức thận trọng, đề cao cảnh giác thì mới tu Đạo được. Nói tóm lại, hãy “nói ít, ngồi thiền nhiều”, đó là căn bản của việc tu hành. Người tu hành thành tựu được Đạo nghiệp là nhờ ai trợ giúp? Chính là ma đấy! Cũng như muốn cho lưỡi dao được bén thì phải mài, người tu hành phát huy được ánh sáng trí huệ cũng là nhờ ma lại giúp. Do đó, quý vị hãy xem ma như là hộ pháp vậy. Cho

nên có câu: Kiến sự tỉnh sự xuất thế gian. Kiến sự mê sự đọa trầm luân (thấy việc, hiểu rõ: xuất thế gian, thấy việc, si mê: chịu đọa lạc.)

Nếu quý vị có khả năng giác ngộ, gặp cảnh liền hiểu thấu suốt, thì quý vị sẽ siêu xuất thế giới. Nếu quý vị không thể giác ngộ, gặp chuyện gì thì mê mờ chuyện ấy, ắt sẽ đọa địa ngục. Cho nên, người tu Đạo không sợ gặp ma, chỉ sợ chẳng có Định lực. Ma tới là giúp quý vị, thử thách quý vị, xem quý vị có công phu, có Định lực hay không.

Nếu quý vị có công phu, có Định lực, thì bất luận là thứ ma gì đi nữa, chúng cũng không làm quý vị dao động tinh thần được. Người tu hành lúc nào cũng phải treo mấy chữ “vấn đề sống chết” ngang mày, lúc nào cũng nghĩ cách để liễu sinh thoát tử. Quý vị nên biết rằng không có việc gì trọng yếu hơn “sinh tử” cả. Nếu chuyện sinh tử chưa giải quyết, quý vị sẽ không biết vì sao mình sinh ra và chết rồi thì đi về đâu. Do đó, chưa chân chính thông suốt “vấn đề sống chết” thì cần phải nỗ lực dụng công; bằng không thì sẽ vĩnh viễn bị vòng sinh tử luân hồi ràng buộc, không sao giải thoát được.

Trên đường Đạo, quý vị hãy nghĩ tới “vấn đề sống chết” này, xem chúng ma như là kẻ hộ pháp giúp mình tu hành. Ai chửi quý vị, đánh quý vị, chính là giúp đỡ quý vị tu hành. Ai nói thị phi về quý vị, gây khó khăn cho quý vị, cũng chính là để giúp quý vị tu hành. Nói tóm lại, khi nghịch cảnh kéo tới, quý vị cứ thuận theo nó mà nhẫn chịu. Hãy coi chúng như là những bạn bè tới để trợ giúp cho quý vị thì phiền não sẽ hết. Hết hết phiền não thì trí huệ phát sinh. Có trí huệ chân chính thì tất cả ma quái không còn cách gì làm cho tâm quý vị dao động nữa. Vì sao chúng ta bị cảnh giới của yêu ma làm cho dao động? Bởi vì trí huệ của chúng ta chưa viên mãn. Vì trí huệ chưa viên mãn nên gặp việc gì cũng sinh mê muội, không nhận thức được rõ ràng ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng đều nẩy sinh, và phiền não cũng theo đó mà trỗi dậy. Nếu quả có trí huệ, thì không có những vấn đề ấy đâu!”

LY SANH HỖ LẠC ĐỊA

Một tuần đầu dụng công, tôi bắt đầu cảm thấy nặng nề và chán nản, tâm vẫn còn chưa an ổn mà chỉ ngồi cho hết thời gian, lúc thoát vui lúc thoát buồn, lúc thì tỉnh tấn lúc lại giải đãi, lại thêm cái khoản giằng co đấu trí giữa việc nên ăn tối hay không. Mặc dầu là tôi không cảm thấy đói lắm nhưng cứ hễ tới giờ ăn tối là tâm bắt đầu vọng tưởng ở nhà bếp. Tôi nhớ cái cảm giác thật là xấu hổ khi chỉ có mỗi mình mình mon men vào nhà bếp tìm thức ăn, trong khi các bạn đồng tu thì vẫn tiếp tục ngồi thiền, cái tâm tham vẫn còn luẩn quẩn ở đó chỉ có điều khi ở bên ngoài, bận đi làm, bận đủ thứ công việc cần phải giải quyết nên không nhận ra nó rõ ràng như lúc ở trong đây.

Có một hôm đã đến giờ ăn mà tôi cứ đi đi lại lại, không biết là nên đi về phía nhà bếp hay là đi về phía thiền đường, bề ngoài thì tưởng như là đang đi kinh

hành nhưng bên trong những món đồ ăn lại luẩn quẩn trong đầu hết như câu chuyện của sư thầy với cái bánh berry pie.

Cuối cùng miệng thì niệm Phật, còn chân thì quay quả bước về phía trai đường, đi ngang qua những cây cổ thụ lớn mà cứ nghĩ chúng sinh⁽²⁾ trên đó đang đọc rõ tâm tôi và đang cười chế giễu tôi. Vì mãi lo nghĩ ngợi nên lúc đi vào trai đường thì đồ ăn cũng vừa hết, cộng thêm cái nhìn không mấy thiện cảm của người phục vụ, tự nhiên tôi chẳng còn thiết tha ăn uống gì nữa mà cảm giác xấu hổ ngập tràn, chỉ thiếu điều muốn chui xuống đất.

Lúc đó tôi lầm lũi đi về phòng rồi quyết chí rằng sẽ không bao giờ ăn tối nữa, cái cảm giác ấy làm tôi cũng không muốn đi đến thiền đường vì thấy xấu hổ với Hòa thượng và các bạn mình. Rồi tôi lang thang đến một phòng thờ Phật gần đó, phòng này chỉ dành cho những ai muốn công phu thêm hoặc lễ lạy và tụng kinh. Khi ấy không có ai ở đó, ngắm nhìn tượng Phật Di Đà và các bức tranh hình Quan Thế Âm Bồ Tát, tôi bật khóc nức nở, nước mắt tự nhiên tuôn trào, ngẫm nghĩ mình thật là một chúng sinh hồ đồ, khó dạy khó bảo, tinh thần luôn chao đảo mà cảm công ơn hồng nguyện độ sinh không mệt mỏi của các vị Bồ Tát.

Khóc được một lúc rồi như có một luồng năng lượng nào đó thúc giục tôi phải quay trở về thiền đường, ngồi được một lúc, nước mắt lại tiếp tục tuôn thành dòng mặc cho tôi cố gắng kìm nén, rồi ôi thôi nước mắt nước mũi cứ thi nhau tuôn chảy, trong cái yên lặng đó, tôi nghe có tiếng ai đó cũng thút thít giống tôi ngày một lớn dần rồi từ từ dịu xuống.

Thấy mình thật vô dụng, đã ra ngoài lén ăn đêm lại quay lại làm khuấy động mọi người, cho nên chỉ chờ đến giây phút sư bản hương đánh chuông là tôi ba giò bốn cẳng xách dép chạy về phòng. Nghĩ thấy tức bản thân mình quá, đã dụng công hời hợt, đổ lỗi cho hoàn cảnh, tu tập chẳng ra làm sao mà cứ mơ tưởng chuyện ăn uống, phí thời gian công sức và nhiệt huyết của mọi người đã tận tình giúp đỡ mình đến đây.

Rồi tôi quyết chí ngồi thiền tại giường mình, sau một lúc tôi cảm nhận một cảm thọ mới xuất hiện, một luồng năng lượng ánh sáng tràn ngập như xuất hiện từ phía đỉnh đầu nhưng cũng không phải từ đỉnh đầu và tôi không biết là từ đâu cả. Thân thể tôi trong suốt như tan biến vào không trung, một cảnh giới nhẹ nhàng khinh an mà tôi chưa từng trải qua trước đây, tôi an trụ trong cảm giác ấm áp, dễ chịu được một lúc rồi tự hỏi mình, liệu đây có phải là cảnh giới của âm thanh và ánh sáng mà mọi người hay bàn tán với nhau không.

Thông thường khi trao đổi kinh nghiệm thiền với nhau, các bạn đồng tu hay hỏi nhau rằng: Bạn có thấy ánh sáng và âm thanh gì không? Còn các sư thầy thường dặn dò nếu thấy cảnh giới, âm thanh hay ánh sáng gì thì cứ mặc kệ nó, như câu: Thấy Phật chém Phật, thấy Ma chém Ma là vậy. Vì tất cả đều là vọng tưởng, chúng không có thật. Khi nghĩ được đến đó thì tự nhiên ánh sáng ban nãy biến mất, mọi thứ lại trở về như cũ, hơi thở và thân thể bắt đầu trở lại.

- **Thông tin bổ sung**

Câu chuyện bánh perry pie

Câu chuyện kể về Sư Hằng Cự, Sư là một trong năm người Mỹ đầu tiên xuất gia với Hòa thượng Tuyên Hóa, một Sư khác pháp danh là Hằng Do, hai vị này đã từng phát tâm hành trình bá hương Tam Bộ Nhất Bái (ba bước, một lay) xuyên quăng đường 1.100 dặm = 1.600km từ Vạn Phật Thánh Thành đến Seattle cầu cho thế giới hòa bình an lạc.

Chuyện kể rằng, lúc mới xuất gia ở Vạn Phật Thánh Thành, vì chưa quen với kỷ luật nghiêm khắc ở chùa như chỉ ăn một bữa Ngọ nên có nhiều lúc Sư thường trốn ra ngoài, đi đến tiệm bánh gần đó mua bánh ngọt ăn thêm. Bữa nọ Sư Hằng Cự tham lam mua cả bao bánh ngọt, sau khi đứng đó cố ăn cho hết nhưng cuối cùng bụng hết chỗ chứa nên phải chừa lại một cái bánh berry pie. Sư đành giấu trong áo khoác rồi trở về tu viện cho kịp giờ giảng pháp. Trong lúc Hòa thượng đang thao thao giảng pháp bên trên thì tâm tư Sư cứ mơ nghĩ về cái bánh berry chín đỏ và ngon ngọt đó, tư tưởng ấy làm cho Sư nghe pháp mà toàn chỉ thấy cái berry. Cho đến tận mười giờ đêm, vì không dần lòng dặng nổi mà chẳng thể tập trung đi ngủ được nên cuối cùng Sư quyết định chuồn qua cửa sổ leo lên nóc nhà để ăn cái bánh đó đi. Trong khi đang vận hết công lực nhai ngấu nghiến cái bánh ngọt lịm đó thì có tiếng động từ phía cầu thang treo, có người cũng đang leo lên, đó là vị thầy khả kính của Sư (tức Hòa thượng Tuyên Hóa).

Lúc bấy giờ vì sợ Sư phụ phát hiện mình đang ăn vụng nên Sư giả bộ là mình đang tập trung đi kinh hành. Hòa thượng cũng vậy, cũng đi vòng vòng như đang đi thiền hành, hai thầy trò đi ngang qua lại hai lần nhưng không ai nhìn ai cả, đến vòng thứ ba thì Hòa thượng bất chợt hỏi Sư ăn có ngon không? Câu chuyện này được viết lại trong nhật ký: Tam Bộ Nhất Bái của Sư như một kỷ niệm về khả năng thần thông của Hòa Thượng. Về sau Hòa Thượng có đề tặng bài thơ cho Sư như sau:

“Hay làm việc khó là hạnh

Thánh hay nhẫn việc khó tức thật nhẫn

Mười phương chư Phật từng như thế

Tám Vạn Bồ Tát tiếp truyền lại

Thối đại pháp loa ra hiệu lệnh

Khuỷu bảo tích trượng tiêu tham xên

Ngày thành công trong khúc khải hoàn

Tặng đệ tử bữa ăn bằng bánh (berry pie).”

TÔI CÓ THỂ TRỞ THÀNH NI SƯ?

Chị cùng phòng đã về rồi, còn lại một mình, tôi thấy hơi thiếu vắng, được chị quan tâm chăm sóc từ ngày mới vào đã quen thói, ngay cả việc mang thức ăn hay rót nước cho tôi uống chị cũng chẳng nề hà. Trước lúc ra về, chị còn để lại cho tôi bộ quần áo ấm và lọ thuốc cảm vì sợ tôi không chịu nổi trời lạnh, duyên hội ngộ đó rồi lại chia tay. Không thể đếm hết được có bao nhiêu người mình đã từng gặp trong cuộc đời này nữa, có những người chỉ thoáng qua rồi quên, nhưng có những người do nhân duyên sâu dày làm thân bằng quyến thuộc, tình nhân bằng hữu vẫn theo ta đi suốt chặng đường dài. Cho nên kiếp này tôi chẳng muốn gây thêm duyên nghiệp nào với ai nữa, kéo không lại luẩn quẩn hội tụ cùng với nhau hoài. Hôm nay tôi lại cảm thấy trong người bần thần, khó chịu, lại không muốn lên thiền đường, ngày mai là ngày tu cuối sau đó là ngày họp mặt các thiền sinh để trao đổi kinh nghiệm và tâm sự những điều nhiệm màu với nhau trong khóa thiền vừa qua, nhưng tiếc là ngày mai tôi phải bay về Seattle rồi.

Buổi chiều nay tôi tự nhủ trong lòng là dành một ngày cuối để lang thang khuôn viên chùa, cảm máy ảnh theo chân những chú hươu và những chú sóc nhỏ tinh ranh, càng đi sâu vào bên trong, càng thấy khuôn viên chùa rộng lớn quá, những đồng cỏ, núi đồi và những cánh rừng như trải dài ra trước mắt. Có nhiều ngôi nhà do cư sĩ mua lại đang trong quá trình xây cất, với khuôn viên gần 500 mẫu, những ai muốn sinh sống trong Vạn Phật Thánh Thành đều có thể mua lại đất và xây nhà trong đây. Nhìn môi trường yên tĩnh, thanh bình như thế này, lại được gần gũi với Tam Bảo thì còn gì hơn nữa, tôi cũng ước ao mình có một ngôi nhà ở đây lắm. Các con đường ở đây đều được Hòa thượng ưu ái đặt cho những cái tên mang đậm vị Pháp, có con đường mang tên Từ Bi, Trí Dũng, có con đường mang tên Hỷ Xả, rồi Thanh Tịnh... Trong một buổi chiều đông và chút nắng vàng ấm áp, tôi bước đi trên con đường mang tên Enlightenment Road - Con Đường Giác Ngộ, thật là hay làm sao, hy vọng rằng tôi sẽ mãi bước đi vững chãi và tinh tấn trên con đường này, con đường duy nhất đưa tôi về với bản lai diện mục của chính mình.

Ngày mai là tôi phải trở về cuộc sống thế tục rồi, thật sự là tôi thấy sợ. Bao nhiêu công phu vốn liếng dành dụm được giờ trở về hòa nhập với thế giới đầy phiền não này không biết là tôi có thể giữ được bao lâu, một tuần, hai tuần, ba tháng hay sáu tháng rồi mọi việc sẽ trở lại đâu vào đó, tâm lại còn cào dầy sống.

Tôi nhớ chuyến hành hương sang Ấn Độ và thời gian thiền ở thiền viện Mahasi, dù rất ngắn ngủi nhưng nó ảnh hưởng và thay đổi tâm thức tôi một cách mạnh mẽ, lúc đó tâm tôi rất kiên định, vững vàng và tin rằng dù môi trường nào cũng không thể lay động được mình.

Việc thay đổi lớn nhất có lẽ là tâm tính tôi không còn bốc đồng và xốc nổi như trước kia, nó nhẹ nhàng và an phận, tâm từ bi cũng được mở rộng với

muôn loài, từ động vật cho đến thiên nhiên, cỏ cây xung quanh mình, dù một con kiến nhỏ tôi cũng không nỡ giết chúng. Bạn bè tôi cũng hạn chế, chỉ giao du với những người tôi có thể học hỏi đạo Pháp từ họ, công việc làm tôi cũng không tham lam kiếm tiền, chỉ vừa đủ cho những việc cần. Tôi cũng không còn thích đi shopping lượn lờ mua sắm vô bổ như trước, khi đi siêu thị tôi không ngắm nghía, ngó nghiêng hết cái này đến cái kia như cách mà bộ não phụ nữ hay làm, cần gì thì vào lấy và đi ra ngay, đó cũng là một cách thực hành tâm của mình, không cho nó chạy lăng xăng tìm cái này kiếm cái nọ.

Việc đồ ăn thức uống cũng vậy, tôi cố gắng thực hành để tâm không quá kén chọn, phân biệt dở, ngon, có gì ăn nấy, không cầu kỳ và cố gắng không lãng phí.

Về cách ăn mặc, tôi sắm cho mình bảy bộ quần áo đủ mặc cho bảy ngày trong tuần rồi xoay vòng trở lại cho đến khi nào chúng rách hoặc hư hỏng đi thì tôi mới cho phép mình mua đồ mới. Điều này làm cho tôi có trách nhiệm hơn với mỗi việc mình làm, cũng như quen dần với việc nhìn mọi vấn đề ở góc độ trung đạo và nhân quả, không có gì ngon cũng không có gì dở, không có gì đẹp hơn và cũng không có gì xấu hơn, rác cũng có thể trở thành hoa, hoa rồi cũng sẽ tàn trở thành rác.

Được một thời gian kha khá thực hành theo lối sống giản dị, trong một chừng mực nào đó tâm tôi bắt đầu lay chuyển theo khuynh hướng đại đa số, bắt đầu có nhu cầu cần nhiều hơn, tâm bắt đầu tự do phóng túng theo kiểu của phương Tây, thích thì ngủ, buồn thì xem phim cho vui, thỉnh thoảng mới quay về đọc kinh nghe pháp. Ngồi thiền bữa nhớ bữa quên, lúc tỉnh tấn lúc giải đãi cứ như ốc sên trèo núi, tiến một dặm lại lùi ba dặm thành ra mãi vẫn chẳng đi đến đâu. Mà liệu bỏ tất cả ràng buộc để theo con đường đạo hạnh thì lại phân vân đắn đo, đôi khi tôi tự tưởng tượng mình trong màu áo vàng tu sĩ, đầu trọc rồi lại tự lắc đầu. Cái lắc đầu này chẳng biết có nghĩa gì nữa...

HẾT

Table of Contents

Đi để mà đi

MỤC LỤC

Lời tựa

PHẦN 1: CHẾT

PHẦN 2: ĐI ĐỂ MÀ ĐI

PHẦN 3: HỌC THIỀN Ở MYANMAR

PHẦN 4: INDIA

PHẦN 5: NEPAL

PHẦN 6: VẠN PHẬT THÁNH THÀNH